



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG

Địa chỉ: số 839, Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1,
phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
Điện thoại: 0296 3 953 938 - 852 969 - 854 161 - 853 051 052

Website: <https://cokhiangiang.com> * Email: cokhiangiang@agm.vn

TÀI LIỆU HỌP ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

An Giang, ngày 10 tháng 5 năm 2024



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG

Địa chỉ: số 839 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1,
phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
Điện thoại: 0296 3 953 938 - 852 969 - 854 161 - 853 051
Website: <https://cokhiangiang.com> * Email: cokhiangiang@agm.vn

An Giang, ngày 08 tháng 4 năm 2024

THƯ MỜI

THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần Cơ khí An Giang

Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cơ khí An Giang, Hội đồng quản trị Công ty trân trọng kính mời Quý cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 với các thông tin sau:

1. Tổ chức Đại hội:

- Thời gian: **07 giờ 00 phút, ngày 10 tháng 5 năm 2024 (Thứ Sáu)**

- Địa điểm: Trụ sở chính Công ty, số 839 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang.

2. Nội dung ĐHĐCĐ: Tài liệu nội dung ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 được Công ty đăng tải tại Website: <https://cokhiangiang.com> và gửi đến Quý cổ đông khi đến tham dự ĐHĐCĐ.

3. Đăng ký tham dự: Để thuận tiện cho công tác tổ chức Đại hội, Quý cổ đông hoặc đại diện được cổ đông uỷ quyền vui lòng xác nhận việc tham dự Đại hội về Công ty qua điện thoại số: 0296.3854161 hay gửi qua đường bưu điện đến Công ty **trễ nhất là ngày 09 tháng 5 năm 2024.**

Quý cổ đông tham dự Đại hội vui lòng có mặt đúng giờ, mang theo thư mời họp, giấy uỷ quyền họp pháp (nếu có), CMND/CCCD để đăng ký cổ đông dự họp.

Quý cổ đông cần biết thêm chi tiết vui lòng liên hệ với Mrs.Nguyễn Thanh Vi qua điện thoại số 0987841987.

Rất hân hạnh được đón tiếp Quý cổ đông.

Trân trọng./.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



TRẦN QUÂN ANH



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG
Địa chỉ: số 839 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1,
phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
Điện thoại: 0296 3 953 938 - 852 969 - 854 161 - 853 051
Website: <https://cokhiangiang.com> * Email: cokhiangiang@agm.vn

An Giang, ngày 10 tháng 5 năm 2024

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua danh sách Đoàn Chủ tọa
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
Công ty cổ phần Cơ khí An Giang

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cơ khí An Giang;
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty cổ phần Cơ khí An Giang;

Hội đồng quản trị trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua danh sách Đoàn Chủ tọa Đại hội như sau:

- | | | |
|------------------------|----------------------------|--------------|
| 1 Ông Trần Quân Anh | - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT | - Chủ tọa |
| 2 Ông Đồng Trọng Nghĩa | - Chức vụ: Thành viên HĐQT | - Thành viên |
| 3 Ông Lê Thanh Vân | - Chức vụ: Thành viên HĐQT | - Thành viên |
| 4 Ông Trần Văn Thái | - Chức vụ: Thành viên HĐQT | - Thành viên |
| 5 Ông Huỳnh Văn An | - Chức vụ: Thành viên HĐQT | - Thành viên |

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu P.TCHC.



TRẦN QUÂN ANH



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG

Địa chỉ: số 839 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1,
phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
Điện thoại: 0296 3 953 938 - 852 969 - 854 161 - 853 051
Website: <https://cokhiangiang.com> * Email: cokhiangiang@agm.vn

An Giang, ngày 10 tháng 5 năm 2024

TỜ TRÌNH

VỀ VIỆC THÔNG QUA DANH SÁCH BAN KIỂM PHIẾU ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
Công ty cổ phần Cơ khí An Giang

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cơ khí An Giang;
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty cổ phần Cơ khí An Giang;

Doàn Chủ tọa kính trình Danh sách nhân sự Ban kiểm phiếu như sau:

- | | | |
|-------------------------|------------------------------|--------------|
| 1 Ông Quách Kim Long | - Chức vụ: TB. Ban kiểm soát | - Trưởng ban |
| 2 Ông Nguyễn Thành Nghệ | - Chức vụ: Thành viên BKS | - Thành viên |
| 3 Ông Nguyễn Đức Hiền | - Chức vụ: Thành viên BKS | - Thành viên |
| 4 Ông Nguyễn Văn Tính | - Chức vụ: Phó phòng KDTT | - Thành viên |
| 5 Bà Nguyễn Thanh Vi | - Chức vụ: NV phòng TCKT | - Thành viên |

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua./.



TRẦN QUÂN ANH



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG

Địa chỉ: số 839 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1,
phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
Điện thoại: 0296 3 953 938 - 852 969 - 854 161 - 853 051
Website: <https://cokhiangiang.com> * Email: cokhiangiang@agm.vn

An Giang, ngày 10 tháng 5 năm 2024

GIỚI THIỆU

Danh sách Ban Thư ký Đại hội

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
Công ty cổ phần Cơ khí An Giang

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cơ khí An Giang;
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty cổ phần Cơ khí An Giang;

Chủ tọa đoàn xin giới thiệu các ông có tên sau đây tham gia Ban thư ký ĐHĐCĐ thường niên năm 2024:

- | | | |
|-----------------------|----------------------|--------------|
| 1/. Ông Bùi Thế Hiển | - Trưởng phòng KD-TT | - Trưởng ban |
| 2/. Ông Phạm Thành Bờ | - Quản đốc Xưởng I | - Thành viên |

Kính trình!



CHỦ TỌA ĐOÀN

TRẦN QUÂN ANH



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG

Địa chỉ: số 839 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1,
phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

Điện thoại: 0296 3 953 938 - 852 969 - 854 161 - 853 051

Website: <https://cokhiangiang.com> * Email: cokhiangiang@agm.vn

An Giang, ngày 10 tháng 5 năm 2024

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Thời gian: Lúc 7 giờ 00 phút ngày 10 tháng 5 năm 2024 (Thứ Sáu).

Địa điểm: Hội trường Công ty cổ phần Cơ khí An Giang.

THỜI GIAN	NỘI DUNG	CHỦ TRÌ
7h00-7h30	Đón tiếp khách mời, đăng ký đại biểu.	Ban tổ chức
7h30-7h45	Chào cờ, giới thiệu đại biểu, Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông, Tờ trình danh sách Đoàn Chủ tọa, Ban kiểm phiếu & Thư ký đại hội.	Ban tổ chức
7h45-9h45	Thông qua Chương trình đại hội, Quy chế làm việc và cách thức biểu quyết tại Đại hội.	Chủ tọa
	Khai mạc Đại hội.	
	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị.	
	Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát.	
	Tờ trình v/v thông qua Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán.	
	Tờ trình v/v thông qua kết quả thực hiện hoạt động SXKD năm 2023 và kế hoạch năm 2024.	
	Tờ trình v/v thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2023 và kế hoạch năm 2024	
	Tờ trình về việc Công ty phải nộp tiền vào ngân sách Nhà nước liên quan đến việc chấp hành pháp luật đất đai.	
	Tờ trình v/v chi trả thù lao của HĐQT, BKS năm 2023 và kế hoạch năm 2024.	
Tờ trình v/v ủy quyền cho HĐQT đánh giá, lựa chọn Công ty kiểm toán BCTC năm 2024.		
9h45-10h05	Thảo luận.	Chủ tọa
10h05 - 10h30	Đại hội nghỉ giải lao.	
10h30-10h50	Biểu quyết các vấn đề tại Đại hội và thông qua Nghị quyết.	
	Thông qua biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.	Thư ký ĐH

10h50– 11h00	Tuyên bố bế mạc đại hội.	Chủ tọa
	Chào cờ.	Ban tổ chức

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu P.TCHC.



TRẦN QUÂN ANH



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG

Địa chỉ: số 839 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1,
phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
Điện thoại: 0296 3 953 938 - 852 969 - 854 161 - 853 051
Website: <https://cokhiangiang.com> * Email: cokhiangiang@agm.vn

An Giang, ngày 10 tháng 5 năm 2024

QUY CHẾ LÀM VIỆC VÀ CÁCH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Điều 1. Mục đích

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 đúng quy định của Công ty và các văn bản pháp luật có liên quan.
- Các Nghị quyết của Đại hội thể hiện ý chí thống nhất của Đại hội đồng cổ đông, đáp ứng nguyện vọng, quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

Điều 2. Phạm vi và đối tượng áp dụng

- Áp dụng cho Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Cơ khí An Giang (gọi tắt là Đại hội).
- Quy định về quyền và nghĩa vụ của cổ đông, người được ủy quyền dự họp và các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.
- Cổ đông, người được ủy quyền dự họp và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo quy định của Quy chế này.

Điều 3. Cổ đông tham dự Đại hội

1. Điều kiện tham dự Đại hội

Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần Công ty cổ phần Cơ khí An Giang hoặc những người được ủy quyền tham dự họp lệ.

2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự Đại hội

- Cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự Đại hội cần mang theo các giấy tờ sau:
 - Thư mời họp (nếu có);
 - Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu;
 - Giấy ủy quyền (đối với trường hợp được ủy quyền họp lệ tham dự Đại hội).
- Đăng ký tham dự Đại hội: cổ đông hoặc người được ủy quyền xuất trình các giấy tờ trên cho Ban Kiểm tra tư cách cổ đông và nhận tài liệu Đại hội và 01 Thẻ biểu quyết màu vàng.
- Được ủy quyền bằng văn bản cho người nhận ủy quyền tham dự và biểu quyết tại Đại hội. Người được ủy quyền tham dự đại hội không được ủy quyền cho người khác tham dự đại hội.
- Cổ đông tham dự đại hội khi muốn phát biểu ý kiến phải được sự đồng ý của Chủ tọa đoàn, phát biểu ngắn gọn vào những nội dung trọng tâm của chương trình đại hội đã được thông qua.
- Tham gia biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo đúng quy định.

- f) Các cổ đông, đại diện cổ đông khi tới dự Đại hội sẽ cùng thảo luận và thông qua bằng giờ cao Thẻ biểu quyết.
- g) Trong thời gian tiến hành đại hội, các cổ đông phải tuân theo sự hướng dẫn của Đoàn chủ tọa, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.
- h) Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự Đại hội đến sau khi Đại hội đã khai mạc, vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 4. Khách mời dự Đại hội

- Là các chức danh quản lý của Công ty, khách mời, thành viên trong Ban Tổ chức Đại hội và Ban kiểm tra tư cách cổ đông.
- Khách mời dự Đại hội được tham gia phát biểu khi được Chủ tọa mời, hoặc có đăng ký trước với Ban Tổ chức Đại hội và được Chủ tọa đồng ý.

Điều 5. Điều kiện tiến hành họp Đại hội

1. Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 55% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng cổ đông dự đại hội theo quy định, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Cuộc họp Đại hội phải được triệu tập lại theo quy định tại Điều lệ, Quy chế quản trị Công ty và Luật hiện hành.

Điều 6. Điều kiện cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội

- Các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền bằng văn bản của một hoặc nhiều cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của Công ty tại thời điểm chốt danh sách tham dự Đại hội.
- Khi tham dự đại hội, cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền phải mang theo Thư mời (Thông báo) dự Đại hội, Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ Căn cước hoặc Hộ chiếu, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền) và đăng ký tham dự Đại hội với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông.

Điều 7. Nhân sự Đại hội

1. Chủ tọa và Đoàn Chủ tọa
 - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa Đại hội do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
 - b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội điều hành để Đại hội bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

- c. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
 - d. Chủ tọa có quyền hoãn Đại hội đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp theo quy định tại khoản 8, Điều 146 của Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14.
 - e. Một số quyền và nghĩa vụ khác của Chủ tọa theo quy định của luật hiện hành.
 - f. Đoàn Chủ tọa bao gồm: Chủ tọa và các thành viên.
 - g. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:
 - Điều hành các hoạt động của Đại hội Công ty theo chương trình dự kiến của Hội đồng quản trị đã được Đại hội thông qua;
 - Hướng dẫn các cổ đông và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
 - Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
 - Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
 - Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.
 - h. Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tọa: Đoàn Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.
2. Thư ký đại hội
 - a. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
 - b. Nhiệm vụ của Thư ký đại hội
 - Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;
 - Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của Cổ đông;
 - Lập Biên bản Đại hội và soạn thảo Nghị quyết Đại hội;
 - Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp Đại hội và thông báo đến các Cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ tọa.
 3. Ban kiểm phiếu Thẻ biểu quyết:
 - a. Đại hội bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa Đại hội;
 - b. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu Thẻ biểu quyết
 - Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết.
 - Kiểm soát Thẻ biểu quyết và lập biên bản kiểm phiếu;
 - Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký;
 - Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

Có trách nhiệm lưu trữ, bảo quản và bàn giao lại toàn bộ các biên bản kiểm phiếu cho Hội đồng quản trị Công ty chậm nhất 5 ngày làm việc sau khi kết thúc Đại hội.
 4. Ban kiểm tra tư cách cổ đông
 - a. Ban kiểm tra tư cách cổ đông của Đại hội bao gồm: 01 Trưởng Ban và các thành viên, do Hội đồng quản trị thành lập và do Đoàn Chủ tọa giới thiệu đến Đại hội.

- b. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông
- Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.
 - Trường Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo với Đại hội tình hình cổ đông dự họp. Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 55% tổng số phiếu biểu quyết.

Điều 8. Phát biểu tại Đại hội

Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền, đại biểu tham dự Đại hội khi phát biểu ý kiến phải được sự đồng ý của Chủ tọa, phát biểu ngắn gọn, tập trung và phù hợp với nội dung chương trình.

Chủ tọa giải đáp thắc mắc của cổ đông tại Đại hội hoặc ghi nhận trả lời sau bằng văn bản.

Điều 9. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội

Thẻ biểu quyết được Công ty in, đóng dấu và gửi trực tiếp cho cổ đông tại Đại hội (kèm theo tài liệu tham dự Đại hội). Mỗi cổ đông được cấp 1 Thẻ biểu quyết, Thẻ biểu quyết có ghi rõ họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của cổ đông đó.

- Thẻ biểu quyết hợp lệ

Theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác.

- Thẻ biểu quyết không hợp lệ

+ Ghi thêm nội dung khác vào thẻ biểu quyết;

+ Thẻ biểu quyết không theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, không có dấu đỏ của Công ty hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho Thẻ biểu quyết khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên Thẻ biểu quyết, là không hợp lệ.

Điều 10. Cách thức biểu quyết

1. Nguyên tắc chung

- Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai.
- Cổ đông thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến về một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết.

2. Hình thức biểu quyết

- Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa.
- Trường hợp cổ đông không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó.
- Trường hợp cổ đông giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ.

Điều 11. Thực hiện, hiệu lực.

Tất cả cổ đông, người đại diện, khách mời tham dự Đại hội có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Quy chế này. Các nội dung không được quy định tại Quy chế này thì được áp dụng theo quy định của Điều lệ, Quy chế quản trị của Công ty, Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội biểu quyết thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Quân Anh



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG

Địa chỉ: số 839 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1,
phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
Điện thoại: 0296 3 953 938 - 852 969 - 854 161 - 853 051
Website: <https://cokhiangiang.com> * Email: cokhiangiang@agm.vn

An Giang, ngày 10 tháng 5 năm 2024

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
Công ty cổ phần Cơ khí An Giang**

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị (HDQT) Công ty cổ phần Cơ khí An Giang, thay mặt HDQT tôi xin báo cáo công tác chỉ đạo hoạt động, quản lý và điều hành Công ty theo Nghị quyết (NQ) của Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) với những nội dung chủ yếu như sau:

Phần 1: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

I. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Năm 2023, tình hình kinh tế trong nước và thế giới diễn biến khó lường do ảnh hưởng của chiến tranh, dịch bệnh. Lạm phát còn ở mức cao buộc các quốc gia phải tiếp tục thắt chặt chính sách tiền tệ.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tiếp tục gặp nhiều khó khăn thách thức. Giá nguyên liệu đầu vào luôn biến động, lãi vay ngân hàng còn ở mức cao nên Công ty gặp nhiều khó khăn trong việc vay vốn sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh. sản lượng tiêu thụ một số sản phẩm chủ lực sụt giảm nghiêm trọng. Các công trình cầu thép có nguồn vốn thanh toán từ ngân sách Nhà nước, thời gian thanh toán thường kéo dài, do đó hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty bị ảnh hưởng rất lớn.

Trong năm 2023, HDQT và Ban điều hành CKAG đã rất nỗ lực trong việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, nghị quyết của HDQT. CKAG đã hoàn thành vượt mức kế hoạch các chỉ tiêu chính, trong đó: tổng doanh thu vượt 47% so với kế hoạch và tăng 52% so với thực hiện năm 2022; lợi nhuận vượt 107% so với kế hoạch và tăng 90% so với thực hiện năm 2022.

Tuy nhiên với vai trò doanh nghiệp sản xuất, Công ty vẫn cần nỗ lực tăng cường hiệu quả từ hoạt động sản xuất kinh doanh, giảm sự phụ thuộc vào hoạt động đầu tư tài chính.

Kết quả thực hiện hoạt động SXKD năm 2023 theo BCTC hợp nhất đã được kiểm toán như sau:

STT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm 2023		Tỉ lệ (%) so với	
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Cùng kỳ
			1	2	3=2/1	4=2/CK
1	Tổng doanh thu	trđ	199.500	294.341	147,54	152,36
	- Doanh thu hợp nhất	trđ	157.000	228.545	145,57	147,71
	- Doanh thu nội bộ	trđ	25.000	28.177	112,71	190,88
	- D.thu hoạt động tài chính	trđ	17.500	37.619	214,97	158,71
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	trđ	20.350	42.512	208,90	193,62
3	Tổng lợi nhuận sau thuế	trđ	19.930	41.197	206,71	190,08
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đồng	4.760	9.937	208,76	191,65
5	Phải nộp ngân sách	trđ	6.696	7.402	110,54	174,66
6	Tổng quỹ lương	trđ	22.289	18.530	83,14	101,06
7	Lao động bình quân	Người	221	184	83,26	97,87
8	Tiền lương bình quân	trđ/ng/th	8,40	8,39	99,88	103,20

II. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2023

1. Cơ cấu Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022-2027 được ĐHCĐ thường niên năm 2022 bầu ra 05 thành viên, trong đó có 03 thành viên tham gia điều hành và 02 thành viên không tham gia điều hành gồm:

- Ông Trần Quân Anh - Chủ tịch HĐQT
- Ông Đồng Trọng Nghĩa - Thành viên HĐQT
- Ông Lê Thanh Vân - Thành viên HĐQT - Giám đốc Công ty
- Ông Trần Văn Thái - Thành viên HĐQT - Phó Giám đốc Công ty
(Nghỉ hưu từ ngày 01/11/2023)
- Ông Huỳnh Văn An - Thành viên HĐQT - Phó Giám đốc Công ty

2. Kết quả hoạt động của HĐQT và các thành viên HĐQT

2.1. Kết quả hoạt động của HĐQT

- Trong năm 2023, Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng và đầy đủ chức năng, quyền hạn HĐQT theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật. Các thành viên HĐQT nghiêm túc, trách nhiệm trong việc tham gia ý kiến và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền HĐQT, phối hợp thực hiện công tác chỉ đạo, giám sát hoạt động SXKD, giúp công ty hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông năm 2023.

- Trong năm 2023, HĐQT đã tổ chức họp 7 lần, trong đó họp thường kỳ theo quy định Điều lệ Công ty 04 lần (mỗi quý 01 lần) và đột xuất 3 lần họp để quyết định các nội dung thuộc chức trách và nhiệm vụ. Tại các kỳ họp này những vấn đề quan trọng cần phải giải quyết đều được đưa ra thảo luận cho đến khi các thành viên thống nhất, đưa vào Nghị quyết để làm cơ sở cho Ban giám đốc (BGĐ) triển khai thực hiện.

- HĐQT đã ban hành 13 Nghị quyết, kịp thời chỉ đạo và điều hành hoạt động của CKAG. Các Nghị quyết của HĐQT năm 2023 được nêu cụ thể trong Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2023, được đăng tải tại mục Quan hệ cổ đông trên trang thông tin điện tử của CKAG tại địa chỉ <https://cokhiangiang.com> từ ngày 26/1/2024 và trên hệ thống công bố thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

- Nội dung các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT thông qua một số vấn đề chính sau:

+ Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ năm 2023. Đánh giá việc thực hiện kế hoạch SXKD của mỗi quý và cả năm.

+ Xem xét, ghi nhận Báo cáo tình hình tài chính và hoạt động hàng quý trên cơ sở Báo cáo tài chính, Báo cáo kết quả SXKD.

+ Thông qua chủ trương thực hiện hợp đồng giao dịch giữa Công ty với người liên quan.

+ Thông qua việc thực hiện giao dịch tín dụng thuộc thẩm quyền HĐQT.

+ Công tác nhân sự thuộc thẩm quyền HĐQT.

- Thực hiện việc quyết toán thù lao của HĐQT và Ban kiểm soát theo đúng nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, cụ thể như sau:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao/năm (đồng)
I	Hội đồng quản trị		
1	Trần Quân Anh	Chủ tịch	48.000.000
2	Đổng Trọng Nghĩa	Thành viên	36.000.000
3	Lê Thanh Vân	Thành viên	36.000.000
4	Trần Văn Thái	Thành viên	36.000.000
5	Huỳnh Văn An	Thành viên	36.000.000
II	Ban kiểm soát		
1	Quách Kim Long	Trưởng ban	36.000.000
2	Nguyễn Thành Nghê	Thành viên	18.000.000
3	Nguyễn Đức Hiền	Thành viên	18.000.000
III	Người phụ trách quản trị Cty		
1	Phan Thị Ngọc Lan Thanh		18.000.000
TỔNG CỘNG			282.000.000

- Xử lý các vấn đề khác thuộc phạm vi, quyền hạn của HĐQT.

2.2. Kết quả hoạt động của các thành viên HĐQT

Các thành viên HĐQT làm việc nghiêm túc và có trách nhiệm trong phân tích tình hình Tài chính, đánh giá các kết quả hoạt động của Công ty, cảnh báo sự biến động của thị trường... Qua đó đề xuất giải pháp xử lý, đưa ra các kiến nghị thiết thực cho công tác quản trị và điều hành Công ty.

Ngoài ra, Chủ tịch HĐQT thường xuyên trao đổi thông tin với các Thành viên HĐQT, BGD và BKS để thống nhất phương hướng và cách thức thực hiện nhiệm vụ nhanh nhất, hiệu quả nhất.

3. Kết quả giám sát của HĐQT đối với Giám đốc và những người quản lý Công ty năm 2023

3.1. Ưu điểm

Năm 2023, HĐQT ghi nhận những cố gắng của Ban điều hành Công ty bao gồm Giám đốc và những người quản lý khác, một số kết quả đạt được như sau:

- Ban điều hành đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, triển khai thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT trong tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn.

- Điều hành hoạt động của Công ty tương đối đồng bộ; Sắp xếp bộ máy và phân công người làm công tác quản trị tương đối hợp lý; Đầu tư máy móc thiết bị từng bước được cải thiện, nâng cao năng lực sản xuất, tăng năng suất lao động, góp phần tiết giảm chi phí và bảo đảm an toàn cho người lao động.

- Tổ chức thực hiện tốt công tác An toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, không xảy ra vụ tai nạn lao động và cháy nổ nghiêm trọng nào; Trang bị đầy đủ đồ bảo hộ lao động cho công nhân, các thiết bị được kiểm định về an toàn theo đúng quy định. Tổ chức tập huấn an toàn vệ sinh lao động và khám sức khỏe cho cán bộ, nhân viên và người lao động trong Công ty.

- Công ty duy trì thực hiện tốt Hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, công tác 5S trong toàn Công ty và đang triển khai thực hiện Hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2010.

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp như nâng cao chất lượng sản phẩm, năng suất lao động; Tiết kiệm, tiết giảm chi phí để hạ giá bán nhằm tăng tính cạnh tranh, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm. Trong năm 2023, Cty phát động phong trào đề xuất sáng kiến cải tiến liên tục, kết quả có 255 sáng kiến cải tiến từ đó đã làm lợi cho Công ty hàng trăm triệu đồng.

- Về công tác thị trường, Công ty đã tích cực giới thiệu các sản phẩm bằng nhiều hình thức như: Lập kế hoạch chủ động tiếp cận các chủ đầu tư, các Cty tư vấn thiết kế, người tiêu dùng để tiếp thị và tiêu thụ sản phẩm. Ngoài ra, Cty còn tổ chức quảng bá sản phẩm trên các trang Web, tham gia các hội chợ triển lãm, ...

- Về công tác nghiên cứu, thiết kế sản phẩm mới tiếp tục được Công ty quan tâm thực hiện. Trong năm 2023, Cty đã tổ chức triển khai thực hiện nghiên cứu, thiết kế và đưa vào thương mại các sản phẩm mới như: Cầu vòm CV7.5, dài 45m, tải HL93; Hệ thống sấy lúa 24 tháp sấy 100 tấn/mẻ; Máy xát trắng gạo năng suất 850 kg/h, ...

- BGD đã chỉ đạo lập báo cáo quyết toán và thực hiện Kiểm toán độc lập đúng quy định của luật pháp.

- Quỹ tiền lương, thù lao năm 2023 của HĐQT, Ban kiểm soát được thực hiện đúng theo Nghị quyết của ĐHCĐ phê duyệt; đảm bảo các quy định pháp luật về lao động, tiền lương, thù lao và tiền thưởng.

3.2. Tồn tại

Công tác quyết toán cổ phần hóa Công ty vẫn chưa thực hiện xong. Việc xác định lại giá trị doanh nghiệp lần II giữa Công ty cổ phần Cơ khí An Giang, Bộ Tài chính và Bộ Công thương vẫn còn một vài điểm chưa thống nhất.

Hiện nay, Tổng Công ty VEAM và Công ty cổ phần Cơ khí An Giang vẫn đang chờ văn bản trả lời chính thức của Bộ Công Thương và Bộ Tài chính.

Phần 2:

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2024 CỦA HĐQT

Trong năm 2024, dự báo tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng sẽ bị tác động nghiêm trọng trên tất cả các lĩnh vực: Sản xuất, thương mại, vận tải..., điều này ảnh hưởng trực tiếp đến các hoạt động của Công ty cổ phần Cơ khí An Giang.

Căn cứ kết quả thực hiện năm 2023 và thực trạng của Công ty, HĐQT phối hợp với BGD xây dựng Kế hoạch hoạt động năm 2024 cụ thể như sau:

1. Xây dựng, triển khai thực hiện các chỉ tiêu chính như sau:

STT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2023	Tỉ lệ (%) KH.2024/ TH.2023
			1	2	3=1/2
1	Tổng doanh thu	trđ	222.000	294.341	75,42
	- Doanh thu hợp nhất	trđ	176.000	228.545	77,01
	- Doanh thu nội bộ	trđ	28.000	28.177	99,37
	- D.thu hoạt động tài chính	trđ	18.000	37.619	47,85
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	trđ	22.460	42.512	52,83
3	Tổng lợi nhuận sau thuế	trđ	21.700	41.197	52,67
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu 2023	đồng	5.191	9.937	52,23
5	Nộp ngân sách	trđ	4.650	7.402	62,82
6	Tổng quỹ lương	trđ	22.220	18.530	119,91
7	Lao động bình quân	Người	207	184	112,50
8	Tiền lương bình quân	trđ/ng/th	8,95	8,39	106,59

2. Duy trì họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần và tổ chức lấy ý kiến các thành viên HĐQT tại các cuộc họp trực tiếp hoặc bằng văn bản.

3. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của HĐQT với các hoạt động quản lý tài chính, sản xuất, kinh doanh của Công ty mẹ và các Công ty con, đảm bảo kiểm soát được các rủi ro và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

4. Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ, kịp thời đối với các hoạt động của Giám đốc và người quản lý khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các Quy chế nội bộ của Công ty.

5. Tổ chức phê duyệt kịp thời các kế hoạch sản xuất, kinh doanh, đầu tư, vay vốn..., của các đơn vị thuộc thẩm quyền theo đúng quy định.

6. Thực hiện đúng các quy định về phân phối, sử dụng tiền lương, thù lao của người quản lý, người lao động của Công ty.

Trên đây là báo cáo của Hội đồng quản trị. Kính trình Quý cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BGD, BKS;
- Lưu: VP, TKHĐQT.



TRẦN QUÂN ANH



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG
Địa chỉ: số 839 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1,
phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
Điện thoại: 0296 3 953 938 - 852 969 - 854 161 - 853 051
Website: <https://cokhiangiang.com> * Email: cokhiangiang@agm.vn

An Giang, ngày 10 tháng 5 năm 2024

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2023; KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2024 CỦA BAN KIỂM SOÁT

Kính thưa các Quý cổ đông! Kính thưa toàn thể Đại hội!

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ Công ty, thay mặt Ban kiểm soát Công ty, tôi xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) kết quả kiểm tra, giám sát năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024 như sau:

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2023

Trong năm 2023 Ban Kiểm soát đã họp 5 lần, Ban kiểm soát luôn kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế nội bộ của Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc, cụ thể như sau:

- Tham gia các cuộc họp định kỳ với Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Giám đốc Công ty.
- Giám sát tình hình triển khai kế hoạch kinh doanh của Công ty.
- Giám sát thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và Nghị quyết của HĐQT trong năm 2023.
- Giám sát tình hình tuân thủ pháp luật, Điều lệ, các quy chế, quy trình nội bộ của Công ty cũng như tính hợp lý trong việc điều hành kinh doanh của Công ty.
- Giám sát các giao dịch giữa Công ty với người liên quan của Công ty theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ.
- Giám sát việc chi trả thù lao và các khoản lợi ích của những người quản lý Công ty phù hợp với kế hoạch đã được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.
- Thẩm định Báo cáo tài chính nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các chính sách, quy định pháp luật có liên quan.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA GIÁM SÁT

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023

Trong năm 2023 điều kiện kinh doanh vẫn gặp nhiều khó khăn nhưng Công ty đã nỗ lực giữ vững và mở rộng được hệ thống khách hàng, khai thác tận dụng mọi nguồn lực vì vậy Công ty đã thực hiện tốt các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận và các chỉ tiêu khác so với kế hoạch đề ra.

Công ty đã thực hiện lập Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế-Chi nhánh Sài Gòn, kết quả các chỉ tiêu chính như sau:

a. Các chỉ tiêu chủ yếu về hoạt động sản xuất kinh doanh

STT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm 2023		Tỉ lệ (%) so với	
			Kế hoạch	Thực hiện	2023/KH	Cùng kỳ
			1	2	3=2/1	4=2/CK
1	Tổng doanh thu	trđ	199.500	294.341	147,54	152,36
	- Doanh thu hợp nhất	trđ	157.000	228.545	145,57	147,71
	- Doanh thu nội bộ	trđ	25.000	28.177	112,71	190,88
	- D.thu hoạt động tài chính	trđ	17.500	37.619	214,97	158,71
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	trđ	20.350	42.512	208,90	193,62
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	trđ	19.930	41.197	206,71	190,08
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đồng	4.760	9.937	208,76	191,65

b. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2023	31/12/2022
1. Chỉ tiêu về cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	81,31	74,14
Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	18,69	25,86
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Tỷ số nợ/Tổng nguồn vốn (Nợ PT/TNV)	%	33,24	41,04
Tỷ số nợ/vốn chủ sở hữu (Nợ PT/VCSH)	%	49,78	58,96
3. Khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,5	1,8

(TSNH/Nợ NH)			
Hệ số thanh toán nhanh (TSNH-HTK)/Nợ NH	Lần	1,9	1,3
4. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho (Giá VHB/HTKbq)	Vòng/kỳ	5,7	4,8
Vòng quay tổng TS (Doanh thu thuần/Tổng TSBQ)	Vòng/kỳ	1,3	0,96
5. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Tỷ suất sinh lời trên Vốn CSH (ROE: LNST/VCSHBQ)	%	36,32	21,66
Tỷ suất sinh lời trên Tổng tài sản (ROA: LNST/TTSBQ)	%	22,88	13,39
Tỷ suất sinh lời trên doanh thu (ROS: LNST/DTT)	%	18,03	14,01

Tổng doanh thu năm 2023 đạt 294.341 triệu đồng bằng 147,54% so với kế hoạch và tăng 52,36% so với cùng kỳ.

Lợi nhuận sau thuế năm 2023 đạt 41.197 triệu đồng bằng 206,71% so với kế hoạch và tăng 90,08% so với cùng kỳ.

Qua các chỉ số tài chính trên cho thấy tình hình tài chính của Công ty được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định, Công ty thực hiện tốt việc bảo toàn và phát triển vốn.

2. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các bộ phận quản lý khác

Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ trong công tác định hướng, chỉ đạo quản lý Công ty trong phạm vi thẩm quyền đảm bảo tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và cẩn trọng; trong kỳ Hội đồng quản trị đã họp 7 lần; Hội đồng quản trị luôn giám sát hoạt động của Ban Giám đốc trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các hoạt động kinh doanh của Công ty. Hội đồng quản trị phối hợp với Ban Giám đốc trong chỉ đạo, điều hành toàn diện mọi hoạt động của Công ty góp phần quan trọng vào việc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Ban Giám đốc luôn thực hiện đúng theo nội dung Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Trên cơ sở các chỉ tiêu kế hoạch SXKD đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, triển khai giao chỉ tiêu kế hoạch cho các Công ty con, thường xuyên kiểm tra, giám sát, đôn đốc và hỗ trợ các đơn vị thực hiện hiệu quả. Định kỳ hàng tuần đều họp sản xuất và hàng tháng đều họp giao ban với sự tham gia đầy đủ của các bộ phận phòng ban và công ty con, nhằm kịp thời giải quyết và xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến hoạt động SXKD của Công ty.

Hội đồng quản trị, Giám đốc và các bộ phận quản lý đã cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu về công tác quản lý điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty, tạo điều kiện cho công tác kiểm soát được thuận lợi.

3. Báo cáo về các giao dịch giữa Công ty với thành viên HĐQT, Giám đốc, người quản lý khác của Công ty và những người có liên quan của các đối tượng này; giao dịch giữa Công ty với công ty, trong đó thành viên HĐQT, Giám đốc, người quản lý khác của Công ty là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

- Giá trị giao dịch giữa Công ty với các đối tượng nêu trên được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục phê duyệt theo quy định của Pháp luật và Điều lệ.

- Các giao dịch giữa Công ty với các đối tượng nêu trên được liệt kê và công bố thông tin tại Báo cáo tình hình quản trị Công ty.

III. KIẾN NGHỊ

- Để giữ vững ổn định hoạt động kinh doanh, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm Công ty cần tiếp tục nâng cao chất lượng công tác quản lý điều hành, mở rộng đầu tư và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin theo hướng chuyển đổi số trong Doanh nghiệp. Đồng thời Công ty cần quan tâm bồi dưỡng, đào tạo nguồn nhân lực ổn định bộ máy nhân sự.

- Kiểm soát chặt chẽ hơn nữa các hợp đồng mua bán đảm bảo việc kiểm soát tuân thủ các điều khoản đã ký và tuân thủ quy chế tài chính, tránh rủi ro tổn thất cho Công ty.

- Tiếp tục kiểm soát sát sao các công nợ phải thu khách hàng và đẩy mạnh công tác thu hồi nợ đối với các khoản nợ còn tồn đọng lâu ngày.

- Tiếp tục triển khai và đẩy nhanh công tác quyết toán Cổ phần hóa và có kế hoạch phải trả về cổ phần hóa theo kết luận của Tổ Kiểm toán thuộc Cơ quan Kiểm toán Nhà nước-Khu vực IX đã kết luận trong Biên bản làm việc ngày 21/10/2023.

- Tiếp tục liên hệ với Cơ quan hữu quan để hoàn thành khoản công nợ tiềm tàng trong BCTC hợp nhất đã được đơn vị kiểm toán ghi nhận trong phần thuyết minh.

- Tiếp tục kiểm soát chặt chẽ hoạt động SXKD nhất là của hai công ty con, đề nghị hai Cty con cần tiết giảm chi phí sao cho chi phí phải hợp lý với hiệu quả hoạt động SXKD, đảm bảo hoạt động SXKD của toàn công ty phải đạt hiệu quả ít nhất theo kế hoạch đề ra.

III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

- Thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động kinh doanh, quản lý và điều hành Công ty nhằm đảm bảo tính tuân thủ theo các quy định của pháp luật.

- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của các Báo cáo tài chính và báo cáo hoạt động của Công ty.

- Kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 đề ra.

- Thực hiện các báo cáo định kỳ của Ban kiểm soát.

- Phối hợp với HĐQT, Ban Giám đốc và các phòng ban Công ty trong việc quản lý Vốn chủ sở hữu và quản lý phần vốn của Công ty đầu tư vào các Công ty con.

- Duy trì sự phối hợp chặt chẽ trong hoạt động với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các phòng ban trong Công ty

Trên đây là báo cáo hoạt động của BKS trong năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ của BKS năm 2024 kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua.



**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**


QUÁCH KIM LONG



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG
Địa chỉ: số 839 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1,
phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
Điện thoại: 0296 3 953 938 - 852 969 - 854 161 - 853 051
Website: <https://cokhiangiang.com> * Email: cokhiangiang@agm.vn

An Giang, ngày 10 tháng 5 năm 2024

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023**

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
Công ty cổ phần Cơ khí An Giang**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang;
- Căn cứ Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm Toán Quốc Tế - Chi nhánh Sài Gòn;

HĐQT Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán, bao gồm:

- Báo cáo của Ban Giám đốc;
- Báo cáo kiểm toán độc lập;
- Bảng cân đối kế toán riêng và hợp nhất;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và hợp nhất;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và hợp nhất;
- Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất.

Một số chỉ tiêu cơ bản trên Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023 như sau:

1. Theo BCTC riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	ĐVT	Năm 2023		
		Cty CKLX	Cty XD CĐ AG	BC riêng Cty CKAG
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	trđ	7.695	23.747	137.540
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	trđ	2.384	2.989	41.516
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	trđ	10.080	26.737	179.057
C. NỢ PHẢI TRẢ		5.624	18.087	51.280
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	trđ	4.455	8.649	127.776
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	trđ	10.080	26.737	179.057
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	ĐVT	Cty CKLX	Cty XD CĐ AG	BC riêng Cty CKAG
1. Doanh thu về BH&CCDV	trđ	17.337	37.376	208.007
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	trđ	-	-	-
3. Doanh thu thuần về BH&CCDV	trđ	17.337	31.376	208.007
4. Giá vốn hàng bán	trđ	15.249	28.994	187.170
5. Lợi nhuận gộp về BH&CCDV	trđ	2.088	2.381	20.837
6. Doanh thu hoạt động tài chính	trđ		142	37.476
7. Chi phí tài chính	Trđ	39	105	626
- Trong đó: chi phí lãi vay		39	105	862
8. Chi phí bán hàng	trđ	352	-	433
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	trđ	1.571	2.175	14.741
10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	trđ	125	243	42.512
11. Thu nhập khác	trđ	20	-	7
12. Chi phí khác	trđ	55	7	2
13. Lợi nhuận khác	trđ	(34)	(7)	5
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	trđ	91	236	42.518
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	trđ	-	-	2.097
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	trđ	-	-	(715)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	trđ	91	236	41.136

2. Theo BCTC hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	ĐVT	Báo cáo tài chính hợp nhất
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	trđ	151.007
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	trđ	34.717
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	trđ	185.725
C. NỢ PHẢI TRẢ	trđ	61.728
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	trđ	123.997
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	trđ	185.725
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	ĐVT	Báo cáo tài chính hợp nhất
1. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	trđ	228.544
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	trđ	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	trđ	228.544
4. Giá vốn hàng bán	trđ	203.475
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	trđ	25.069
6. Doanh thu hoạt động tài chính	trđ	37.619
7. Chi phí tài chính	trđ	1.032
<i>-Trong đó: chi phí lãi vay</i>		<i>1.006</i>
8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	trđ	-
9. Chi phí bán hàng	trđ	785
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	trđ	18.322
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	trđ	42.548
12. Thu nhập khác	trđ	27
13. Chi phí khác	trđ	64
14. Lợi nhuận khác	trđ	(36)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	trđ	42.512
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	trđ	2.097
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	trđ	(782)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	trđ	41.197
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	trđ	41.197
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	9.937

Thực hiện theo quy định, Công ty đã công bố thông tin và gửi bản giấy Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023 đến Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và trên trang thông tin điện tử của Công ty: <https://cokhiangiang.com>.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu P.TCHC.



TRẦN QUÂN ANH

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	8 - 38

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Quân Anh	Chủ tịch
Ông Đồng Trọng Nghĩa	Thành viên
Ông Lê Thanh Vân	Thành viên
Ông Trần Văn Thái	Thành viên
Ông Huỳnh Văn An	Thành viên
Bà Phan Thị Ngọc Lan Thanh	Phụ trách quản trị Công ty

Ban Kiểm soát

Ông Quách Kim Long	Trưởng ban
Ông Nguyễn Thành Nghè	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Hiền	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Thanh Vân	Giám đốc
Ông Huỳnh Văn An	Phó Giám đốc
Ông Trần Văn Thái	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2023)

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Lê Thanh Vân - Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế AGN International.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Lê Thanh Vân
Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

Số: 1871/2024/BCKT-ICPA.SG

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2024, từ trang 4 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.



Lương Xuân Trường
Giám đốc Chi nhánh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1741-2023-072-1



Trần Thị Xuân Tước
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số N.4184-2022-072-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		137.540.278.209	131.786.198.359
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	11.432.046.818	9.013.983.689
1. Tiền	111		9.932.046.818	9.013.983.689
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.500.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		29.000.000.000	14.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	29.000.000.000	14.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		73.020.120.460	78.837.295.427
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	66.852.361.646	68.511.563.696
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	2.146.676.200	191.818.555
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	1.200.000.000	1.900.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	7.919.233.027	10.756.572.067
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(5.098.150.413)	(2.522.658.891)
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	23.895.358.468	29.441.085.178
1. Hàng tồn kho	141		25.802.053.340	30.343.611.381
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.906.694.872)	(902.526.203)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		192.752.463	493.834.065
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.9	192.752.463	493.834.065
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		41.516.725.977	43.194.029.217
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		858.633.000	858.633.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.6	858.633.000	858.633.000
II. Tài sản cố định	220		15.837.547.348	17.921.280.101
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	15.837.547.348	17.921.280.101
- Nguyên giá	222		43.021.167.066	42.907.722.622
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(27.183.619.718)	(24.986.442.521)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	-	-
- Nguyên giá	228		65.000.000	65.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(65.000.000)	(65.000.000)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		629.519.818	766.941.808
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	629.519.818	766.941.808
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.13	21.060.730.523	20.798.516.735
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.13	14.584.859.059	14.584.859.059
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.13	7.956.213.357	7.956.213.357
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.13	(1.480.341.893)	(1.742.555.681)
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.130.295.288	2.848.657.573
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	1.729.326.231	2.163.620.554
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.15	1.400.969.057	685.037.019
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		179.057.004.186	174.980.227.576

BẢNG CẢN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023


Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		51.280.021.030	68.363.450.852
I. Nợ ngắn hạn	310		51.280.021.030	68.363.450.852
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16	13.619.511.496	37.679.519.991
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.17	7.732.019.096	4.217.081.571
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9	4.260.544.483	1.038.840.438
4. Phải trả người lao động	314		583.665.745	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	5.094.907.827	1.767.111.424
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	7.945.427.105	7.735.260.331
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20	3.000.000.000	11.000.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	9.043.945.278	4.925.637.097
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		127.776.983.156	106.616.776.724
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	127.704.447.253	106.544.240.821
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		32.864.040.000	32.864.040.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		32.864.040.000	32.864.040.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.148.085.349	18.148.085.349
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3.345.401.587	3.345.401.587
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		73.346.920.317	52.186.713.885
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		40.684.299.885	33.598.485.463
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		32.662.620.432	18.588.228.422
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		72.535.903	72.535.903
1. Nguồn kinh phí	431		72.535.903	72.535.903
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		179.057.004.186	174.980.227.576


 Phan Thị Ngọc Lan Thanh
 Người lập biểu


 Phan Thị Ngọc Lan Thanh
 Kế toán trưởng




 Lê Thanh Vân
 Giám đốc


Ngày 25 tháng 3 năm 2024


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2023		2022	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		208.007.897.743		134.060.205.226	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-		8.181.818	
3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	VI.1	208.007.897.743		134.052.023.408	
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	187.170.767.480		119.086.116.336	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		20.837.130.263		14.965.907.072	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	37.476.775.612		23.658.560.222	
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	626.484.983		2.492.266.153	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		862.143.836		1.169.441.283	
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	433.397.681		1.329.791.952	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	14.741.062.425		11.407.020.779	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		42.512.960.786		23.395.388.410	
11. Thu nhập khác	31		7.199.580		548.593	
12. Chi phí khác	32		1.747.865		32.330.894	
13. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		5.451.715		(31.782.301)	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		42.518.412.501		23.363.606.109	
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	2.097.839.871		358.629.900	
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.15	(715.932.038)		(162.497.068)	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		41.136.504.668		23.167.473.277	


Phan Thị Ngọc Lan Thanh
Người lập biểu


Phan Thị Ngọc Lan Thanh
Kế toán trưởng


Lê Thanh Vân
Giám đốc



Ngày 25 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị: VND	
		2023	2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	42.518.412.501	23.383.606.109
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	2.197.177.197	2.184.513.922
Các khoản dự phòng	03	3.317.446.403	2.129.871.677
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(12.899.153)	(13.492.257)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(37.380.628.085)	(23.422.625.131)
Chi phí lãi vay	06	862.143.836	1.169.441.283
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	11.501.652.699	5.391.315.603
Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	09	710.088.335	(11.914.796.390)
Giảm/(Tăng) hàng tồn kho	10	4.541.558.041	(10.334.755.444)
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(14.167.079.653)	26.233.742.199
Giảm chi phí trả trước	12	571.716.313	608.917.575
Tiền lãi vay đã trả	14	(873.860.763)	(1.171.592.203)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.120.781.294)	(135.772.986)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.355.576.055)	(3.547.973.728)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(3.192.282.377)	5.129.084.626
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(113.444.444)	(2.167.408.485)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(29.000.000.000)	(14.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	14.700.000.000	100.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	39.513.304.797	34.158.114.438
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	25.099.860.353	18.090.705.953
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	95.869.937.883	54.844.037.585
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(103.869.937.883)	(62.844.037.585)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(11.502.414.000)	(11.502.414.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(19.502.414.000)	(19.502.414.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	2.405.163.976	3.717.376.579
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	9.013.983.689	5.283.114.853
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	12.899.153	13.492.257
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	11.432.046.818	9.013.983.689

Phan Thị Ngọc Lan Thanh
Người lập biểu

Phan Thị Ngọc Lan Thanh
Kế toán trưởng

Lê Thanh Văn
Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Cơ khí An Giang theo nghị định số 187/2004/NĐ-CP của Chính phủ ngày 16 tháng 11 năm 2004. Công ty bắt đầu hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600111049 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 7 tháng 12 năm 2007 và điều chỉnh lần thứ 9 ngày 7 tháng 12 năm 2021 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Vốn điều lệ của Công ty là 32.864.040.000 đồng, được chia thành 3.286.404 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tại số 839 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Tên giao dịch bằng Tiếng Anh của Công ty: An Giang Mechanical Joint Stock Company, tên viết tắt là: Angimeco (AMC).

Cổ phiếu của Công ty được đăng ký giao dịch trên sàn Upcom với mã cổ phiếu là CKA.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 lần lượt là 142 người và 139 người.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

Ngành nghề kinh doanh chính và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là xây dựng cầu các loại, sản xuất máy gặt lúa các loại và bán lẻ các linh kiện liên quan đến máy gặt lúa; sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện; đúc sắt thép và các ngành nghề khác theo hồ sơ đăng ký kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là xây dựng cầu các loại, sản xuất máy gặt, máy sấy các loại và bán lẻ các linh kiện liên quan đến máy gặt, máy sấy.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)**Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày đầu kỳ và cuối kỳ, Công ty đang đầu tư trực tiếp vào hai (02) công ty con và một (01) công ty liên doanh. Thông tin chi tiết về các công ty được đầu tư này như sau:

	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty con				
1. Công ty TNHH MTV Xây dựng Cầu đường An Giang (tên cũ là Công ty TNHH MTV Cầu đường Cơ khí An Giang)	Tỉnh An Giang	100%	100%	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
2. Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên	Tỉnh An Giang	100%	100%	Sản xuất các cấu kiện kim loại
Công ty liên doanh				
Công ty TNHH Liên doanh Antraco	Tỉnh An Giang	50%	49%	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng là có thể so sánh được.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính**Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)***Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh******Đầu tư vào công ty con***

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh. Nếu công ty con, công ty liên doanh là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập báo cáo tài chính riêng.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị dụng cụ quản lý	5

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Các khoản chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước gồm khoản sửa chữa tài sản, giải phóng mặt bằng và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính riêng các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức tài sản đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Phần chia của Công ty trong tài sản đồng kiểm soát được phân loại theo tính chất của tài sản.
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của Công ty.
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh.
- Thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần dịch vụ được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh.
- Các khoản chi phí của Công ty phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Các tài sản cố định khi mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh và không chuyển quyền sở hữu thành sở hữu chung của các bên liên doanh không được ghi giảm tài sản. Trường hợp Công ty nhận tài sản góp vốn liên doanh thì được theo dõi như tài sản nhận giữ hộ, không hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh.

Các tài sản cố định mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh có sự chuyển quyền sở hữu và đang trong quá trình xây dựng tài sản đồng kiểm soát được ghi giảm tài sản trên sổ kế toán và ghi nhận giá trị tài sản vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Sau khi tài sản đồng kiểm soát hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, căn cứ vào giá trị tài sản được chia Công ty ghi nhận tăng tài sản của mình phù hợp với mục đích sử dụng.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên báo cáo tài chính riêng dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản nhận được do biểu, tặng, sau khi trừ đi thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu** (tiếp theo)*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hàng hoá nhận bán đại lý, ký gửi

Doanh thu đối với hàng hoá nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng là phần hoa hồng bán hàng mà Công ty được hưởng.

Doanh thu cho thuê tài sản

Doanh thu cho thuê tài sản theo các hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Lợi nhuận từ công ty liên doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phần sở hữu của Công ty trong lợi nhuận được chia trong năm của Công ty liên doanh.

Lợi nhuận từ các khoản đầu tư khác được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lợi nhuận đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (*xem chi tiết dưới đây*).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Hợp đồng xây dựng**

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau:

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp số dư. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Thuế** (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý thay vì là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	694.840.272	338.753.972
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.237.206.546	8.675.229.717
Các khoản tương đương tiền	1.500.000.000	-
Cộng	11.432.046.818	9.013.983.689

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc không quá ba (03) tháng.

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	29.000.000.000	14.000.000.000

Tiền gửi có kỳ hạn của Công ty cuối kỳ thể hiện số dư các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại với thời hạn gửi từ 6 tháng đến 12 tháng, lãi suất được hưởng trong năm từ 3,9%/năm đến 5,7%/năm.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Khách hàng là bên liên quan	9.567.298.380	7.561.959.980
Công ty TNHH MTV Xây dựng Cầu đường An Giang	8.895.133.580	6.861.959.980
Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên	672.164.800	700.000.000
Khách hàng khác	57.285.063.266	60.949.603.716
Công ty TNHH Phạm Bảo	14.387.070.217	-
Công ty TNHH Xây dựng Hòa Lợi	6.997.761.386	3.266.695.058
Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Thiện Phát	6.817.240.000	36.205.000.000
Các đối tượng khác	29.082.991.663	21.477.908.658
Cộng	66.852.361.646	68.511.563.696

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Người bán là bên liên quan	1.113.495.040	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên	1.113.495.040	-
Người bán khác	1.033.181.160	191.818.555
Công ty TNHH MTV Xây dựng Thanh Hải Phát Kiên Giang	535.560.000	-
Các đối tượng khác	497.621.160	191.818.555
Cộng	2.146.676.200	191.818.555

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**5. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

Khoản phải thu về cho vay là khoản hỗ trợ vốn cho Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên - Công ty con của Công ty. Khoản phải thu đã quá hạn thanh toán và Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định (xem thêm tại thuyết minh V.7)

6. Phải thu khác

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
a. Ngắn hạn		
Dự thu lợi nhuận được chia từ công ty liên doanh	5.606.668.155	7.783.450.673
Các khoản tiền đặt cọc, cầm cố và ký quỹ	1.748.535.000	2.452.687.014
Phải thu ngắn hạn khác	564.029.872	520.434.380
Cộng	7.919.233.027	10.756.572.067
b. Dài hạn		
Các khoản tiền đặt cọc, cầm cố và ký quỹ	858.633.000	858.633.000
Tổng cộng	8.777.866.027	11.615.205.067
<i>Trong đó, phải thu các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH Liên doanh Antraco	5.606.668.155	7.783.450.673
Công ty TNHH MTV Xây dựng Cầu đường An Giang	16.714.000	-
Cộng	5.623.382.155	7.783.450.673

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**7. Nợ xấu**

	31/12/2023			01/01/2023		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.001.427.025	263.276.612	(4.738.150.413)	3.471.153.531	948.494.640	(2.522.658.891)
Phải thu về cho vay ngắn hạn	1.200.000.000	840.000.000	(360.000.000)	-	-	-
Cộng	6.201.427.025	1.103.276.612	(5.098.150.413)	3.471.153.531	948.494.640	(2.522.658.891)

Tình hình biến động dự phòng các khoản phải thu khó đòi trong năm

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	(2.522.658.891)	(1.779.896.805)
Trích lập dự phòng trong năm	(2.805.941.522)	(1.015.228.596)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	230.450.000	272.466.510
Số dư cuối năm	(5.098.150.413)	(2.522.658.891)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**8. Hàng tồn kho**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	7.348.288.178	(69.326.334)	8.964.552.241	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	14.777.235.723	-	17.207.334.782	-
Thành phẩm	1.751.583.742	(1.005.762.101)	2.235.651.347	(902.526.203)
Hàng hóa	1.924.945.697	(831.606.437)	1.936.073.011	-
Cộng	25.802.053.340	(1.906.694.872)	30.343.611.381	(902.526.203)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	(902.526.203)	(832.802.952)
Trích lập dự phòng trong năm	(1.069.162.347)	(69.723.251)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	64.993.678	-
Số dư cuối năm	(1.906.694.872)	(902.526.203)

9. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	01/01/2023 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	31/12/2023 VND
a. Phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	73.222.441	39.480.528	-	33.741.913
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	420.611.624	261.601.074	-	159.010.550
Cộng	493.834.065	301.081.602	-	192.752.463
b. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	904.210.538	3.192.928.745	948.283.277	3.148.856.006
Thuế thu nhập doanh nghiệp	134.629.900	2.097.839.871	1.120.781.294	1.111.688.477
Thuế thu nhập cá nhân	-	561.377.733	561.377.733	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	877.299.840	877.299.840	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	1.038.840.438	6.732.446.189	3.510.742.144	4.260.544.483

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2023	13.524.308.313	24.590.441.776	4.730.746.169	62.226.364	42.907.722.622
Mua tài sản trong năm	-	113.444.444	-	-	113.444.444
Phân loại lại	2.968.131.325	(3.327.857.170)	359.725.845	-	-
Tại ngày 31/12/2023	16.492.439.638	21.376.029.050	5.090.472.014	62.226.364	43.021.167.066
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2023	9.132.335.108	12.333.064.888	3.470.891.161	50.151.364	24.986.442.521
Khấu hao trong năm	546.951.274	1.453.786.915	190.139.008	6.300.000	2.197.177.197
Phân loại lại	1.444.201.081	(1.657.459.566)	213.258.485	-	-
Tại ngày 31/12/2023	11.123.487.463	12.129.392.237	3.874.288.654	56.451.364	27.183.619.718
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2023	4.391.973.205	12.257.376.888	1.259.855.008	12.075.000	17.921.280.101
Tại ngày 31/12/2023	5.368.952.175	9.246.636.813	1.216.183.360	5.775.000	15.837.547.348

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 lần lượt là 12.486.205.427 đồng và 11.772.611.933 đồng.

Công ty đã sử dụng nhà xưởng, máy móc thiết bị để thế chấp cho các khoản vay ngân hàng. Nguyên giá và giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình được dùng để thế chấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 lần lượt là 10.177.477.840 đồng và 4.258.499.126 đồng. (Tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 lần lượt là 12.532.697.959 đồng và 3.471.609.563 đồng) (xem thêm tại thuyết minh V.20).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**11. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty tại ngày đầu kỳ và cuối kỳ là giá trị của phần mềm kế toán với nguyên giá là 65.000.000 đồng đã khấu hao hết nhưng vẫn còn được sử dụng.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Chi phí mua đất tại khu dân cư Bình Đức	520.600.000	520.600.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	108.919.818	246.341.808
Cộng	629.519.818	766.941.808



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**13. Đầu tư tài chính dài hạn****a. Đầu tư vào công ty con**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH MTV Xây dựng Cầu đường An Giang	10.000.000.000	(1.350.715.966)	10.000.000.000	(1.539.812.166)
Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên	4.584.859.059	(129.625.927)	4.584.859.059	(202.743.515)
Cộng	14.584.859.059	(1.480.341.893)	14.584.859.059	(1.742.555.681)

Tình hình biến động dự phòng các khoản đầu tư vào công ty con trong năm

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	(1.742.555.681)	(425.169.341)
Trích lập dự phòng trong năm	-	(1.539.812.166)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	262.213.788	222.425.826
Số dư cuối năm	(1.480.341.893)	(1.742.555.681)

b. Đầu tư vào công ty liên doanh

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Liên doanh Antraco	7.956.213.357	-	7.956.213.357	-

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh không được xác định để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường và đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**14. Chi phí trả trước**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí giải phóng mặt bằng chờ phân bổ (i)	1.458.333.334	1.666.666.667
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	142.812.281	423.719.424
Chi phí sửa chữa tài sản	128.180.616	73.234.463
Cộng	1.729.326.231	2.163.620.554

(i) Đây là chi phí đầu tư xây dựng Trung tâm bảo dưỡng và bán lẻ xe ô tô (không bao gồm chi phí thuê đất) được sử dụng để góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh với TCTC (xem chi tiết tại Thuyết minh số VII.2)

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Các khoản dự phòng VND
Tại ngày 01/01/2022	522.539.951
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	(162.497.068)
Tại ngày 01/01/2023	685.037.019
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	(715.932.038)
Tại ngày 31/12/2023	1.400.969.057
Tổng thu nhập thuần ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng	(715.932.038)

Thuế suất được sử dụng để tính thuế hoãn lại là thuế suất dự tính của kỳ tương lai khi tài sản được thu hồi hoặc thanh lý, hiện được ước tính ở mức 20%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**16. Phải trả cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Người bán là bên liên quan				
Công ty TNHH MTV Xây dựng Cầu đường An Giang	1.154.459.606	1.154.459.606	3.018.954.054	3.018.954.054
Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên	-	-	1.018.482.000	1.018.482.000
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	-	-	34.445.488	34.445.488
	1.154.459.606	1.154.459.606	4.071.881.542	4.071.881.542
Người bán khác				
Công ty TNHH Đầu tư TM DV SX Thiên Lộc Phát	5.760.049.955	5.760.049.955	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Phương Oanh	3.474.189.410	3.474.189.410	-	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Cơ khí Hiếu Hạnh	240.167.591	240.167.591	18.601.461.258	18.601.461.258
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Quang Mười	-	-	3.958.202.792	3.958.202.792
Công ty TNHH Đầu tư Thép Xanh	-	-	3.949.989.917	3.949.989.917
Các đối tượng khác	2.990.644.934	2.990.644.934	7.097.984.482	7.097.984.482
	12.465.051.890	12.465.051.890	33.607.638.449	33.607.638.449
Cộng	13.619.511.496	13.619.511.496	37.679.519.991	37.679.519.991

17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ban quản lý Dự án Đầu tư và Xây dựng huyện Kiên Lương	2.531.886.972	-
Japan Insulation Co., Ltd.	2.397.486.024	110.431.211
Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Kiên Lương	870.000.000	-
Ban quản lý Dự án Đầu tư và Xây dựng huyện Thoại Sơn	-	2.238.475.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại & Xây dựng BT	-	660.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp 6	-	531.667.000
Các đối tượng khác	1.932.646.100	676.508.360
Cộng	7.732.019.096	4.217.081.571

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

18. Chi phí phải trả ngắn hạn	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí sản xuất, thi công công trình	5.035.114.044	1.703.720.714
Chi phí lãi vay	4.173.783	15.890.710
Chi phí phải trả khác	55.620.000	47.500.000
Cộng	5.094.907.827	1.767.111.424
19. Phải trả ngắn hạn khác	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Phải trả về cổ phần hoá	7.134.811.183	7.134.811.183
Kỳ quỹ, kỳ cược ngắn hạn	-	90.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	810.615.922	510.449.148
Cộng	7.945.427.105	7.735.260.331
<i>Trong đó, phải trả khác với các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Long Xuyên	54.000.000	54.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**20. Vay và nợ thuê tài chính**

	31/12/2023		Phát sinh trong năm		01/01/2023	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang (i)	3.000.000.000	3.000.000.000	95.869.937.883	102.369.937.883	9.500.000.000	9.500.000.000
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh b)	-	-			1.500.000.000	1.500.000.000
Cộng	3.000.000.000	3.000.000.000			11.000.000.000	11.000.000.000
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn						
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	-	-	-	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000
Trừ: Các khoản vay và nợ dài hạn phải trả trong vòng 12 tháng tới	-	-			(1.500.000.000)	(1.500.000.000)
Cộng	-	-			-	-

(i) Số dư nợ vay cuối kỳ thể hiện khoản vay theo hợp đồng ký ngày 04 tháng 8 năm 2023 để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, thời hạn vay tối đa không quá 6 tháng trên mỗi giấy nhận nợ. Lãi suất trong năm dao động từ 6,5% đến 9,5%/năm. Công ty đã sử dụng một số tài sản trên đất, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải để thế chấp cho khoản vay này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Quỹ khen thưởng	8.331.973.394	4.068.816.423
Quỹ phúc lợi	411.971.884	556.820.674
Quỹ thưởng Ban điều hành Công ty	300.000.000	300.000.000
Cộng	9.043.945.278	4.925.637.097

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2023	2022
	VND	VND
Số dư đầu năm	4.925.637.097	3.894.365.970
Trích lập quỹ từ lợi nhuận trong năm	8.473.884.236	4.579.244.855
Quỹ thưởng từ Tổng Công ty	30.000.000	-
Sử dụng quỹ trong năm	(4.385.576.055)	(3.547.973.728)
Số dư cuối năm	9.043.945.278	4.925.637.097

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**22. Vốn chủ sở hữu****a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2022	32.864.040.000	20.630.510.323	3.345.401.587	42.618.474.489	99.458.426.399
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	23.167.473.277	23.167.473.277
Chia cổ tức	-	-	-	(11.502.414.000)	(11.502.414.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	(2.482.424.974)	-	2.482.424.974	-
Trích thưởng Ban điều hành	-	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(4.279.244.855)	(4.279.244.855)
Tại ngày 01/01/2023	32.864.040.000	18.148.085.349	3.345.401.587	52.186.713.885	106.544.240.821
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	41.136.504.668	41.136.504.668
Chia cổ tức	-	-	-	(11.502.414.000)	(11.502.414.000)
Trích thưởng Ban điều hành (i)	-	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	(8.173.884.236)	(8.173.884.236)
Tại ngày 31/12/2023	32.864.040.000	18.148.085.349	3.345.401.587	73.346.920.317	127.704.447.253

(i) Quỹ khen thưởng, phúc lợi được tạm trích từ lợi nhuận trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 với tỷ lệ là 20%. Quỹ khen thưởng Ban điều hành được tạm trích với số tiền 300 triệu đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 ngày 10 tháng 5 năm 2023. Số liệu cuối cùng về việc trích lập các quỹ sẽ được điều chỉnh theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông thường niên sắp tới.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**21. Vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)**b. Cổ phiếu**

	31/12/2023	01/01/2023
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.286.404	3.286.404
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	3.286.404	3.286.404
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.286.404	3.286.404
Số lượng cổ phiếu đã mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.286.404	3.286.404
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.286.404	3.286.404
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/Cổ phiếu		

c. Cổ tức

Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 ngày 10 tháng 5 năm 2023 đã thông qua việc việc chia cổ tức năm 2022 với tỷ lệ 35% trên mệnh giá, tương đương với số tiền là 11.502.414.000 đồng.

Cổ tức năm 2023 theo kế hoạch sẽ được chi trả với tỷ lệ từ 25% vốn điều lệ trở lên. Mức chi trả và hình thức trả cổ tức cuối cùng sẽ được phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên sắp tới.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	2023	2022
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	121.745.163.869	70.770.525.640
Doanh thu xây dựng các loại cầu	80.310.931.985	51.092.168.638
Doanh thu bán hàng hóa	3.516.061.593	9.573.752.768
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.435.740.296	2.623.758.180
Cộng	208.007.897.743	134.060.205.226
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	-	8.181.818
Doanh thu thuần	208.007.897.743	134.052.023.408
<i>Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH MTV Xây dựng Cầu đường An Giang	9.244.738.819	5.732.402.364
Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên	81.653.253	1.171.746.932
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	-	2.727.273
Cộng	9.326.392.072	6.906.876.569

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

	2023 VND	2022 VND
Giá vốn bán thành phẩm	112.009.989.235	63.851.011.038
Giá vốn của hoạt động xây dựng cầu	70.303.216.255	45.139.291.808
Giá vốn bán hàng hóa	3.338.729.217	9.416.336.099
Giá vốn cung cấp dịch vụ	449.670.426	609.754.140
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.069.162.347	69.723.251
Cộng	187.170.767.480	119.086.116.336

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	2023 VND	2022 VND
Lợi nhuận từ Công ty TNHH Liên Doanh Antraco (i)	36.233.608.155	23.368.775.673
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.147.019.930	53.849.458
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	83.248.374	222.442.834
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối năm	12.899.153	13.492.257
Cộng	37.476.775.612	23.658.560.222

(i) Lợi nhuận từ công ty liên doanh được ghi nhận theo phần sở hữu của Công ty trong lợi nhuận sau thuế sau khi trừ các khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và các khoản trích khác từ lợi nhuận sau thuế trong năm của công ty liên doanh. Giá trị ghi nhận được căn cứ vào tờ trình ngày 16 tháng 3 năm 2024 của Giám đốc Công ty TNHH Liên doanh Antraco về việc trích lập và phân phối lợi nhuận sau thuế đã được kiểm toán năm 2023. Tổng giá trị lợi nhuận đã được công ty liên doanh thanh toán trong năm là 38.410.390.673 đồng, bao gồm 30.626.940.000 đồng là lợi nhuận năm 2023 và 7.783.450.673 đồng là thanh toán tiền lợi nhuận còn lại của năm 2022.

4. Chi phí tài chính

	2023 VND	2022 VND
Chi phí lãi vay	862.143.836	1.169.441.283
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng đầu tư vào công ty con	(262.213.788)	1.317.386.340
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	26.554.935	5.438.530
Cộng	626.484.983	2.492.266.153

Trong đó, chi phí tài chính phát sinh từ giao dịch với bên liên quan

Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	26.260.274	119.735.899
--	------------	-------------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nghiệm thu, vận chuyển, thử tải và chi phí bằng tiền khác	308.559.681	825.291.952
Chi phí hoa hồng bán hàng	96.000.000	504.500.000
Chi phí bảo hành	28.838.000	-
Cộng	433.397.681	1.329.791.952

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	8.607.121.225	7.432.088.302
Chi phí đồ dùng văn phòng	35.575.729	76.951.051
Chi phí khấu hao tài sản cố định	438.942.214	445.107.822
Thuế, phí và lệ phí	756.782.214	757.702.214
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	2.575.491.522	742.762.086
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.768.970.998	1.620.992.538
Chi phí bằng tiền khác	558.178.523	331.416.768
Cộng	14.741.062.425	11.407.020.779

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	2023 VND	2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	42.518.412.501	23.363.606.109
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(36.233.608.155)	(23.368.775.673)
Hoàn nhập: Chi phí dự phòng không được trừ khi tính thuế năm trước	(295.443.678)	(272.466.510)
Cộng: Các khoản chi phí không được trừ	4.499.838.686	2.070.785.576
Thu nhập chịu thuế	10.489.199.354	1.793.149.502
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.097.839.871	358.629.900

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	164.017.848.960	94.190.353.416
Chi phí nhân công	21.831.978.780	18.340.797.909
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.197.177.197	2.164.513.922
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.998.900.034	6.009.314.353
Chi phí khác bằng tiền	1.235.777.513	1.150.800.116
Cộng	196.281.682.484	121.855.779.716

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	Cổ đồng
Công ty TNHH MTV Xây dựng Cầu đường An Giang	Công ty con
Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên	Công ty con
Công ty TNHH Liên doanh Antraco	Công ty liên doanh
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	Thành viên chủ chốt

Ngoài các giao dịch đã được trình bày ở các thuyết minh trên, trong năm Công ty còn phát sinh các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

	2023 VND	2022 VND
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP		
Trả tiền vay	1.500.000.000	1.500.000.000
Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên		
Mua hàng hóa, dịch vụ	2.130.184.294	3.505.088.366
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn	700.000.000	100.000.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng Cầu đường An Giang		
Mua hàng hóa, dịch vụ	16.197.547.689	4.352.343.292
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	1.200.000.000	-
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn	1.200.000.000	-

Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát trong năm

Họ và tên	Chức vụ	2023 VND	2022 VND
Hội đồng Quản trị			
Ông Trần Quân Anh	Chủ tịch	48.000.000	48.000.000
Ông Đồng Trọng Nghĩa	Thành viên	36.000.000	36.000.000
Ông Lê Thanh Văn	Thành viên	36.000.000	36.000.000
Ông Trần Văn Thái	Thành viên	36.000.000	36.000.000
Ông Huỳnh Văn An	Thành viên (bổ nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2022)	36.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Chí Thành	Thành viên (miễn nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2022)	-	12.000.000
Bà Phan Thị Ngọc Lan Thanh	Phụ trách quản trị Công ty Cộng	18.000.000	18.000.000
Cộng		210.000.000	210.000.000
Ban Kiểm soát			
Ông Quách Kim Long	Trưởng ban kiểm soát	36.000.000	36.000.000
Ông Nguyễn Thành Nghê	Thành viên	18.000.000	18.000.000
Ông Nguyễn Đức Hiền	Thành viên (bổ nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2022)	18.000.000	12.000.000
Bà Nguyễn Thanh Vi	Thành viên (miễn nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2022)	-	6.000.000
Cộng		72.000.000	72.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**1. Bên liên quan** (tiếp theo)

Tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập khác của Ban Giám đốc được hưởng trong năm:

Họ và tên	Chức vụ	2023 VND	2022 VND
Ông Lê Thanh Vân	Giám đốc	789.732.636	602.838.636
Ông Huỳnh Văn An	Phó Giám đốc	482.396.000	414.712.091
Ông Trần Văn Thái	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2023)	451.660.000	431.294.818
Cộng		1.723.788.636	1.448.845.545

2. Các cam kết**Cam kết thuê hoạt động**

	2023 VND	2022 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm	1.113.073.844	1.113.073.844

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Trong vòng một năm	1.590.105.492	1.590.106.284
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	6.360.421.968	6.360.425.056
Sau năm năm	3.991.970.832	5.582.078.455
Cộng	11.942.498.092	13.532.609.775

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động thể hiện:

- Tổng số tiền thuê 8.052,2 m² đất tại phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Thời hạn của hợp đồng thuê đất là 30 năm tính từ ngày 5 tháng 1 năm 2001.
- Tổng số tiền thuê 3.776,6 m² đất tại phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Thời hạn của hợp đồng thuê đất là 30 năm tính từ ngày 21 tháng 5 năm 2008.
- Tổng số tiền thuê 18.577,4 m² đất tại phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Thời hạn của hợp đồng thuê đất là 30 năm tính từ ngày 5 tháng 1 năm 2001.
- Tổng số tiền thuê 89,8 m² đất tại phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Thời hạn của hợp đồng thuê đất là 30 năm tính từ ngày 11 tháng 4 năm 2008.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**2. Các cam kết** (tiếp theo)**Cam kết không hủy ngang khác**

Công ty đã ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2018/BCC-TCTC-CKAG ngày 8 tháng 4 năm 2018 và phụ lục hợp đồng ngày 3 tháng 10 năm 2018 (gọi chung là Hợp đồng BCC) với Công ty TNHH Toyota Cần Thơ (TCTC) để thực hiện dự án đầu tư Xây dựng Trung tâm bảo dưỡng và bán lẻ xe oto. Theo hợp đồng BCC và giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư số 5414883082 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 18 tháng 4 năm 2017 và sửa đổi lần 2 ngày 22 tháng 10 năm 2018, dự án được thực hiện bởi hai nhà đầu tư là Công ty và TCTC, trong đó Công ty góp bằng tài sản trên đất trị giá 2,5 tỷ đồng và TCTC góp tiền mặt để thực hiện xây dựng và cải tạo hoặc trang bị cho công trình tại mặt bằng để thực hiện dự án. Thời hạn hoạt động của dự án là từ ngày 22 tháng 10 năm 2018 đến ngày 05 tháng 01 năm 2031 (ngày kết thúc thời hạn thuê đất). Sau khi tài sản trên đất được xây dựng, cải tạo hoặc trang bị xong sẽ được chuyển giao cho TCTC và do TCTC toàn quyền quản lý và sử dụng cho các mục tiêu của dự án cho đến khi chấm dứt thời hạn.

Không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của dự án, Công ty được hưởng một khoản doanh thu được chia cố định (chưa bao gồm VAT) là 2 tỷ đồng/năm trong vòng 5 năm đầu tiên của thời hạn và kể từ năm thứ 6 trở đi, định kỳ 3 năm một lần, hai bên sẽ thỏa thuận lại giá trị khoản doanh thu cố định chia cho Công ty nhưng mức tăng không vượt quá 10% giá trị của khoản doanh thu cố định được hưởng của giai đoạn liền kề trước đó.

3. Các khoản công nợ tiềm tàng

Công ty hiện đang trong quá trình giải trình với Sở Tài Chính, Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND Tỉnh An Giang về cơ sở tính số tiền bị truy thu với giá trị khoảng 2,2 tỷ đồng từ việc hợp tác kinh doanh một phần đất và tài sản trên đất tại địa chỉ số 839 Trần Hưng Đạo và 103 Nguyễn Huệ B. Tuy nhiên đến thời điểm lập báo cáo, Công ty chưa có quyết định chính thức từ cơ quan quản lý Nhà nước.

4. Báo cáo bộ phận

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng cầu các loại, sản xuất máy gặt, máy sấy các loại và bán lẻ các linh kiện liên quan đến máy gặt, máy sấy. Thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 là liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh nói trên. Theo đó, không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cần phải trình bày. Doanh thu, giá vốn theo từng hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại các Thuyết minh số VI.1 và VI.2.

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam và các hoạt động kinh doanh diễn ra tại các tỉnh thành trên cả nước không có sự tương đồng khi phân tích theo khu vực địa lý. Do vậy, Công ty không có báo cáo theo khu vực địa lý.

5. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

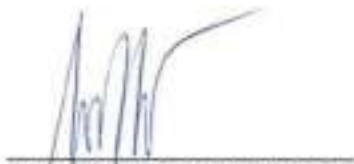
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

6. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán.



Phan Thị Ngọc Lan Thanh
Người lập biểu



Phan Thị Ngọc Lan Thanh
Kê toán trưởng



Lê Thanh Vân
Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2024



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 41



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Quân Anh	Chủ tịch
Ông Đồng Trọng Nghĩa	Thành viên
Ông Lê Thanh Vân	Thành viên
Ông Trần Văn Thái	Thành viên
Ông Huỳnh Văn An	Thành viên
Bà Phan Thị Ngọc Lan Thanh	Phụ trách quản trị Công ty

Ban Kiểm soát

Ông Quách Kim Long	Trưởng ban
Ông Nguyễn Thành Nghè	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Hiền	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Thanh Vân	Giám đốc
Ông Huỳnh Văn An	Phó Giám đốc
Ông Trần Văn Thái	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2023)

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Lê Thanh Vân - Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế AGN International.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trong yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Lê Thanh Vân
Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

Số: 1872/2024/BCKT-ICPA.SG

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2024, từ trang 4 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Lương Xuân Trường
Giám đốc Chi nhánh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1741-2023-072-1



Trần Thị Xuân Tước
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số N.4184-2022-072-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			31/12/2023	01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		151.007.734.482	129.315.972.724
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		13.500.093.493	11.951.383.333
1. Tiền	111	V.1	12.000.093.493	11.951.383.333
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.500.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		34.300.000.000	15.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	34.300.000.000	15.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		65.014.168.396	67.624.450.829
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	61.627.487.008	66.891.353.606
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.147.131.160	831.871.017
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	8.480.277.322	3.922.471.970
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(6.438.258.118)	(4.028.658.505)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		197.531.024	7.412.741
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	37.478.098.234	34.094.161.911
1. Hàng tồn kho	141		41.815.465.102	37.465.706.775
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.337.366.868)	(3.371.544.864)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		715.374.359	645.976.651
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	39.158.523	43.420.030
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		474.644.470	99.903.653
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.9	201.571.366	502.652.968
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		34.717.689.005	45.110.766.170
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		858.633.000	858.633.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	858.633.000	858.633.000
I. Tài sản cố định	220		20.466.107.786	23.042.594.215
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	20.466.107.786	23.042.594.215
- Nguyên giá	222		56.882.374.875	56.738.930.431
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(36.416.267.089)	(33.696.336.216)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	-	-
- Nguyên giá	228		65.000.000	65.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(65.000.000)	(65.000.000)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		629.519.818	822.709.908
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	629.519.818	822.709.908
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.13	7.956.213.357	15.739.664.030
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.13	7.956.213.357	15.739.664.030
V. Tài sản dài hạn khác	260		4.807.215.044	4.647.165.017
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	2.463.297.293	3.105.507.420
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	2.343.917.751	1.541.657.597
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		185.725.423.487	174.426.738.894

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		61.728.303.486	71.584.955.623
I. Nợ ngắn hạn	310		61.360.235.107	71.236.444.487
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	17.583.319.182	37.620.862.510
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	10.838.397.681	4.729.277.071
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9	4.327.222.820	1.268.890.984
4. Phải trả người lao động	314		881.367.182	385.649.241
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	5.749.655.752	2.538.649.590
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	7.999.364.074	7.809.632.747
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	4.846.022.775	11.878.708.331
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	9.134.885.641	5.004.774.013
II. Nợ dài hạn	330		368.068.379	348.511.136
1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.14	368.068.379	348.511.136
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		123.997.120.001	102.841.783.271
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	123.924.584.098	102.769.247.368
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		32.864.040.000	32.864.040.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		32.864.040.000	32.864.040.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.848.061.799	18.848.061.799
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3.418.232.123	3.418.232.123
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		68.794.250.176	47.638.913.446
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		36.136.499.446	30.599.508.198
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		32.657.750.730	17.039.405.248
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		72.535.903	72.535.903
1. Nguồn kinh phí	431		72.535.903	72.535.903
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		185.725.423.487	174.426.738.894

Phan Thị Ngọc Lan Thanh
Người lập biểu

Phan Thị Ngọc Lan Thanh
Kế toán trưởng

Lê Thanh Văn
Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2024


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023


Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2023		2022	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	228.544.905.598		154.731.928.175	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-		8.181.818	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.1	228.544.905.598		154.723.746.357	
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	203.475.352.098		137.530.040.287	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		25.069.553.500		17.193.706.070	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	37.619.844.050		15.920.092.107	
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.032.942.111		1.241.319.115	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.006.387.176		1.235.880.585	
8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		-		7.783.450.673	
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	785.500.149		1.607.865.439	
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	18.322.243.276		15.646.841.320	
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)]	30		42.548.712.014		22.401.222.976	
12. Thu nhập khác	31		27.823.059		548.593	
13. Chi phí khác	32		64.209.700		445.652.225	
14. Lỗ khác (40 = 31 - 32)	40		(36.386.641)		(445.103.632)	
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		42.512.325.373		21.956.119.344	
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	2.097.839.871		358.629.900	
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	V.14	(782.702.911)		(76.767.116)	
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		41.197.188.413		21.674.256.560	
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		41.197.188.413		21.674.256.560	
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	9.937		5.185	


Phan Thị Ngọc Lan Thanh
Người lập biểu


Phan Thị Ngọc Lan Thanh
Kế toán trưởng




Lê Thanh Vân
Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2023	2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	42.512.325.373	21.956.119.344
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	2.719.930.873	2.695.688.482
Các khoản dự phòng	03	3.375.421.617	1.410.470.639
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(12.899.153)	(13.492.257)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(37.523.696.523)	(23.467.607.689)
Chi phí lãi vay	06	1.006.387.176	1.235.880.585
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	12.077.469.363	3.817.059.104
Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	09	5.758.240.323	(7.942.932.232)
Tăng hàng tồn kho	10	(4.349.758.327)	(11.576.021.947)
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(7.919.008.854)	26.615.653.061
Giảm chi phí trả trước	12	839.661.724	477.669.134
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.018.515.108)	(1.235.834.734)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.120.781.294)	(135.772.986)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.409.326.055)	(3.596.554.728)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(142.018.228)	6.423.264.672
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(143.444.444)	(2.223.176.585)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(33.300.000.000)	(14.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	14.000.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	39.656.373.235	34.203.096.996
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	20.212.928.791	17.979.920.411


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)


(Theo phương pháp gián tiếp)


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2023	2022
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	103.138.218.546	55.722.745.916
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(110.170.904.102)	(63.844.457.061)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(11.502.414.000)	(11.502.414.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(18.535.099.556)	(19.624.125.145)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	1.535.811.007	4.779.059.938
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	11.951.383.333	7.158.831.138
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	12.899.153	13.492.257
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	13.500.093.493	11.951.383.333


Phan Thị Ngọc Lan Thanh
Người lập biểu


Phan Thị Ngọc Lan Thanh
Kế toán trưởng


Lê Thanh Văn
Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang (gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Cơ khí An Giang theo nghị định số 187/2004/NĐ-CP của Chính phủ ngày 16 tháng 11 năm 2004. Công ty bắt đầu hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600111049 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 7 tháng 12 năm 2007 và điều chỉnh lần thứ 9 ngày 7 tháng 12 năm 2021 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Vốn điều lệ của Công ty là 32.864.040.000 đồng, được chia thành 3.286.404 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tại số 839 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Tên giao dịch bằng Tiếng Anh của Công ty: An Giang Mechanical Joint Stock Company, tên viết tắt là: Angimeco (AMC).

Cổ phiếu của Công ty được đăng ký giao dịch trên sàn Upcom với mã cổ phiếu là CKA.

Tổng số nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 lần lượt là 178 người là 184 người.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

Ngành nghề kinh doanh chính và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là xây dựng cầu các loại, sản xuất máy gặt lúa các loại và bán lẻ các linh kiện liên quan đến máy gặt lúa; sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện; đúc sắt thép và các ngành nghề khác theo hồ sơ đăng ký kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là xây dựng cầu các loại, sản xuất máy gặt lúa các loại và bán lẻ các linh kiện liên quan đến máy gặt lúa.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)**Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày đầu kỳ và cuối kỳ, Công ty đang đầu tư trực tiếp vào hai (02) công ty con và một (01) công ty liên doanh. Thông tin chi tiết về các công ty được đầu tư này như sau:

	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty con				
1. Công ty TNHH MTV Xây dựng Cầu đường An Giang (tên cũ là Công ty TNHH MTV Cầu đường Cơ khí An Giang)	Tỉnh An Giang	100%	100%	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
2. Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên	Tỉnh An Giang	100%	100%	Sản xuất các cấu kiện kim loại
Công ty liên doanh				
Công ty TNHH Liên doanh Antraco	Tỉnh An Giang	50%	49%	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023***III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Ảnh hưởng của các giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty trong các công ty con nhưng không làm mất đi quyền kiểm soát được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các công ty liên doanh được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị dụng cụ quản lý	5

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước gồm khoản sửa chữa tài sản, giải phóng mặt bằng và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Tài sản đồng kiểm soát**

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính hợp nhất các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức tài sản đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Phần chia của Công ty trong tài sản đồng kiểm soát được phân loại theo tính chất của tài sản.
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của Công ty.
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh.
- Thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần dịch vụ được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh.
- Các khoản chi phí của Công ty phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Các tài sản cố định khi mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh và không chuyển quyền sở hữu thành sở hữu chung của các bên liên doanh không được ghi giảm tài sản. Trường hợp Công ty nhận tài sản góp vốn liên doanh thì được theo dõi như tài sản nhận giữ hộ, không hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh.

Các tài sản cố định mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh có sự chuyển quyền sở hữu và đang trong quá trình xây dựng tài sản đồng kiểm soát được ghi giảm tài sản trên sổ kế toán và ghi nhận giá trị tài sản vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Sau khi tài sản đồng kiểm soát hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, căn cứ vào giá trị tài sản được chia Công ty ghi nhận tăng tài sản của mình phù hợp với mục đích sử dụng.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên Báo cáo tài chính hợp nhất dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản nhận được do biếu, tặng, sau khi trừ đi thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phản công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phản công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hàng hoá nhận bán đại lý, ký gửi

Doanh thu đối với hàng hoá nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đùng giá hưởng hoa hồng là phần hoa hồng bán hàng mà Công ty được hưởng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu** (tiếp theo)Doanh thu cho thuê tài sản

Doanh thu cho thuê tài sản theo các hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Lợi nhuận từ công ty liên doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phần sở hữu của Công ty trong kết quả kinh doanh trong năm của công ty liên doanh.

Lợi nhuận từ các khoản đầu tư khác được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lợi nhuận đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau:

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp số dư. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý thay vì là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	717.183.032	530.240.841
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.282.910.461	11.421.142.492
Các khoản tương đương tiền	1.500.000.000	-
Cộng	13.500.093.493	11.951.383.333

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc không quá ba (03) tháng.

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	34.300.000.000	15.000.000.000

Tiền gửi có kỳ hạn của Công ty cuối kỳ thể hiện số dư của các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại với thời hạn gửi từ 6 tháng đến 12 tháng, lãi suất được hưởng trong năm từ 3,9%/năm đến 5,7%/năm.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Khách hàng là bên liên quan		
Công ty TNHH Liên doanh Antraco	47.493.723	135.580.900
Khách hàng khác		
Công ty TNHH Phạm Bảo	14.387.070.217	-
Công ty TNHH Xây dựng Hòa Lợi	6.997.761.386	3.266.695.058
Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Thiện Phát	6.817.240.000	36.205.000.000
Các đối tượng khác	33.377.921.682	27.284.077.648
Cộng	61.627.487.008	66.891.353.606

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xây dựng Thanh Hải Phát Kiên Giang	535.560.000	-
Zigong City Ocean Art Co.,Ltd	-	290.721.600
DNTN Vật liệu Xây dựng Bảo Toàn	-	190.000.000
Công ty TNHH Thương mại Thép Nguyễn Phát	-	102.830.862
Các đối tượng khác	611.571.160	248.318.555
Cộng	1.147.131.160	831.871.017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**5. Phải thu khác**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
a. Ngắn hạn		
Dự thu lợi nhuận được chia từ công ty liên doanh	5.606.668.155	-
Các khoản tiền đặt cọc, cầm cố và ký quỹ	1.864.045.675	2.586.507.014
Tạm ứng cho nhân viên	317.251.120	743.058.030
Các khoản phải thu khác	692.312.372	592.906.926
Cộng	8.480.277.322	3.922.471.970
b. Dài hạn		
Các khoản tiền đặt cọc, cầm cố và ký quỹ	858.633.000	858.633.000
Tổng cộng	9.338.910.322	4.781.104.970
<i>Trong đó, phải thu bên liên quan</i>		
Công ty TNHH Liên doanh Antraco	5.606.668.155	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**6. Nợ xấu**

	31/12/2023			01/01/2023		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.756.783.330	318.525.212	(6.438.258.118)	5.343.034.821	1.314.376.316	(4.028.658.505)

Tình hình biến động dự phòng các khoản phải thu khó đòi trong năm

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	(4.028.658.505)	(3.101.989.623)
Trích lập dự phòng trong năm	(2.647.649.613)	(1.199.135.392)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	238.050.000	272.466.510
Số dư cuối năm	(6.438.258.118)	(4.028.658.505)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	11.631.477.156	(1.183.647.414)	12.726.728.027	(1.155.015.876)
Công cụ, dụng cụ	132.061.226	(132.061.226)	135.331.226	(132.061.226)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	26.197.389.398	(575.338.608)	20.187.294.108	(1.002.663.676)
Thành phẩm	1.890.854.806	(1.575.976.364)	2.440.273.584	(1.041.797.267)
Hàng hóa	1.963.682.516	(870.343.256)	1.976.079.830	(40.006.819)
Cộng	41.815.465.102	(4.337.366.868)	37.465.706.775	(3.371.544.864)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	(3.371.544.864)	(2.887.743.107)
Trích lập dự phòng bổ sung	(1.072.780.478)	(483.801.757)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	106.958.474	-
Số dư cuối năm	(4.337.366.868)	(3.371.544.864)

8. Chi phí trả trước

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	39.158.523	43.420.030
b. Dài hạn		
Chi phí giải phóng mặt bằng, tiền thuê đất chờ phân bổ (i)	1.458.333.334	1.666.666.667
Chi phí sửa chữa tài sản	782.080.982	783.554.294
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	222.882.977	652.609.792
Chi phí trả trước khác	-	2.676.667
Cộng	2.463.297.293	3.105.507.420
Tổng cộng	2.502.455.816	3.148.927.450

(i) Đây là chi phí đầu tư xây dựng Trung tâm bảo dưỡng và bán lẻ xe ô tô (không bao gồm chi phí thuê đất) được sử dụng để góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh với TCTC (xem chi tiết tại Thuyết minh số VII.2).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**9. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	01/01/2023 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số thực nộp trong năm VND	31/12/2023 VND
a. Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.818.903	-	-	8.818.903
Thuế thu nhập cá nhân	73.222.441	39.480.528	-	33.741.913
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	420.611.624	261.601.074	-	159.010.550
Cộng	502.652.968	301.081.602	-	201.571.366
b. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	1.134.261.084	7.625.290.143	5.544.016.884	3.215.534.343
Thuế thu nhập doanh nghiệp	134.629.900	2.097.839.871	1.120.781.294	1.111.688.477
Thuế thu nhập cá nhân	-	562.584.848	562.584.848	-
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	877.299.840	877.299.840	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	13.500.000	13.500.000	-
Cộng	1.268.890.984	11.176.514.702	8.118.182.866	4.327.222.820

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2023	16.691.681.271	32.611.601.611	7.341.521.185	94.126.364	56.738.930.431
Mua tài sản trong năm	-	143.444.444	-	-	143.444.444
Phân loại lại	2.968.131.325	(3.327.857.170)	359.725.845	-	-
Tại ngày 31/12/2023	19.659.812.596	29.427.188.885	7.701.247.030	94.126.364	56.882.374.875
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2023	10.456.746.373	17.745.107.536	5.412.430.943	82.051.364	33.696.336.216
Khấu hao trong năm	678.480.569	1.758.416.182	276.734.122	6.300.000	2.719.930.873
Phân loại lại	1.444.201.081	(1.657.459.566)	213.258.485	-	-
Tại ngày 31/12/2023	12.579.428.023	17.846.064.152	5.902.423.550	88.351.364	36.416.267.089
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2023	6.234.934.898	14.866.494.075	1.929.090.242	12.075.000	23.042.594.215
Tại ngày 31/12/2023	7.080.384.573	11.581.124.733	1.798.823.480	5.775.000	20.466.107.786

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 lần lượt là 13.532.188.472 đồng và 12.750.094.978 đồng.

Tài sản cố định hữu hình của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết, không sử dụng và đang chờ thanh lý với nguyên giá là 892.483.045 đồng.

Công ty đã sử dụng nhà xưởng, máy móc thiết bị để thế chấp cho các khoản vay ngân hàng. Nguyên giá và giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình được dùng để thế chấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 lần lượt là 10.177.477.840 đồng và 4.258.499.126 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 lần lượt là 12.532.697.959 đồng và 3.471.609.563 đồng) (xem thêm tại thuyết minh V.19).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**11. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty tại ngày đầu kỳ và cuối kỳ là giá trị của phần mềm kế toán với nguyên giá là 65.000.000 đồng đã khấu hao hết nhưng vẫn còn được sử dụng.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí mua đất tại khu dân cư Bình Đức	520.600.000	520.600.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	108.919.818	302.109.908
Cộng	629.519.818	822.709.908

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**13. Đầu tư vào công ty liên doanh**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Lợi nhuận sau ngày đầu tư VND	Giá gốc VND	Lợi nhuận sau ngày đầu tư VND
Công ty TNHH Liên doanh Antraco	7.956.213.357	-	7.956.213.357	7.783.450.673
Cộng giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu		7.956.213.357		15.739.664.030

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên doanh không được xác định để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất do không có giá niêm yết trên thị trường và đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của khoản đầu tư này.

Giá trị của khoản đầu tư vào công ty liên doanh thay đổi trong năm như sau:

	2023 VND	2022 VND
Giá trị ghi nhận đầu năm	15.739.664.030	7.956.213.357
Thay đổi trong năm	-	7.783.450.673
Phần lợi nhuận trong công ty liên doanh	-	7.783.450.673
<i>Phần sở hữu trong kết quả kinh doanh của công ty liên doanh trong năm</i>	36.233.608.155	23.368.775.673
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	(36.233.608.155)	(15.585.325.000)
Nhận thanh toán lợi nhuận	(7.783.450.673)	-
Giá trị ghi nhận cuối năm	7.956.213.357	15.739.664.030



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**14. Thuế thu nhập hoãn lại**

	Các khoản lãi/(lỗ) chưa thực hiện bị loại trừ khi hợp nhất VND	Các khoản dự phòng VND	Cộng VND
a. Tài sản thuế hoãn lại			
Tại ngày 01/01/2022	678.873.262	522.539.951	1.201.413.213
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm	(177.747.316)	(162.497.068)	(340.244.384)
Tại ngày 01/01/2023	856.620.578	685.037.019	1.541.657.597
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	(86.328.116)	(715.932.038)	(802.260.154)
Tại ngày 31/12/2023	942.948.694	1.400.969.057	2.343.917.751
b. Thuế hoãn lại phải trả			
Tại ngày 01/01/2022	85.033.868	-	85.033.868
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm	(263.477.268)	-	(263.477.268)
Tại ngày 01/01/2023	348.511.136	-	348.511.136
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm	19.557.243	-	19.557.243
Tại ngày 31/12/2023	368.068.379	-	368.068.379
Tổng thu nhập thuần ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất			(782.702.911)

Thuế suất được sử dụng để tính thuế hoãn lại là thuế suất dự tính của kỳ tương lai khi tài sản được thu hồi hoặc thanh lý hoặc khi các khoản nợ phải trả được thanh toán, hiện được ước tính ở mức 20%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**15. Phải trả cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Người bán là bên liên quan				
Công ty TNHH Liên doanh Antraco	455.673.354	455.673.354	352.284.794	352.284.794
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	-	-	34.445.488	34.445.488
	455.673.354	455.673.354	386.730.282	386.730.282
Người bán khác				
Công ty TNHH Đầu tư TM DV SX Thiên Lộc Phát	5.760.049.955	5.760.049.955	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Phương Oanh	3.474.189.410	3.474.189.410	-	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Quang Mười	631.466.917	631.466.917	3.958.202.792	3.958.202.792
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Cơ khí Hiếu Hạnh	304.509.609	304.509.609	18.601.461.258	18.601.461.258
Công ty TNHH Đầu tư Thép Xanh	-	-	3.949.989.917	3.949.989.917
Các đối tượng khác	6.957.429.937	6.957.429.937	10.724.478.261	10.724.478.261
	17.127.645.828	17.127.645.828	37.234.132.228	37.234.132.228
Cộng	17.583.319.182	17.583.319.182	37.620.862.510	37.620.862.510

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ban quản lý Dự án Đầu tư và Xây dựng huyện Kiên Lương	3.035.886.972	-
Japan Insulation Co., Ltd.	2.397.486.024	110.431.211
Ban quản lý các Dự án Đầu tư và Xây dựng huyện Giang Thành	1.866.712.812	-
Ban quản lý Dự án Đầu tư và Xây dựng huyện Thoại Sơn	-	2.238.475.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại & Xây dựng BT	-	660.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp 6	-	531.667.000
Các đối tượng khác	3.538.311.873	1.188.703.860
Cộng	10.838.397.681	4.729.277.071

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí sản xuất, thi công công trình	5.688.076.203	2.473.062.109
Chi phí lãi vay	5.959.549	18.087.481
Chi phí phải trả khác	55.620.000	47.500.000
Cộng	5.749.655.752	2.538.649.590

18. Phải trả khác

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Phải trả về cổ phần hoá	7.134.811.183	7.134.811.183
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	90.000.000
Các khoản khác	864.552.891	584.821.564
Cộng	7.999.364.074	7.809.632.747

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**19. Vay và nợ thuê tài chính**

	31/12/2023		Phát sinh trong năm		01/01/2023	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang	3.846.022.775	3.846.022.775	100.316.736.350	105.970.713.575	9.500.000.000	9.500.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang	1.000.000.000	1.000.000.000	2.821.482.196	2.700.190.527	878.708.331	878.708.331
	4.846.022.775	4.846.022.775	103.138.218.546	108.670.904.102	10.378.708.331	10.378.708.331
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả (Xem thuyết minh b)	-	-			1.500.000.000	1.500.000.000
Cộng	4.846.022.775	4.846.022.775			11.878.708.331	11.878.708.331
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn						
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	-	-	-	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000
Trừ: Các khoản vay và nợ dài hạn phải trả trong vòng 12 tháng tới	-	-			(1.500.000.000)	(1.500.000.000)
Cộng	-	-			-	-
Tổng cộng	4.846.022.775	4.846.022.775			11.878.708.331	11.878.708.331

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**19. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)**Thông tin bổ sung cho các khoản vay**

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang	3.000.000.000	6 tháng	01/06/2024	Theo từng giấy nhận nợ, lãi suất trong năm từ 6,5% đến 9,5%	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Một số tài sản trên đất, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải của Công ty
	846.022.775	6 tháng	08/06/2024	Theo từng giấy nhận nợ, lãi suất trong năm là 8%	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng và 12 tháng với tổng giá trị là 1.500.000.000 đồng.
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang	1.000.000.000	6 tháng	21/03/2024	Theo từng giấy nhận nợ, lãi suất trong năm là 8%	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng với giá trị là 5.300.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Quỹ khen thưởng	8.447.131.268	4.068.816.423
Quỹ phúc lợi	387.754.373	635.957.590
Quỹ thưởng Ban điều hành Công ty	300.000.000	300.000.000
Cộng	9.134.885.641	5.004.774.013

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2023	2022
	VND	VND
Số dư đầu năm	5.004.774.013	3.966.477.429
Trích lập quỹ từ lợi nhuận trong năm	8.539.437.683	4.634.851.312
Quỹ thưởng từ Tổng Công ty	30.000.000	-
Sử dụng quỹ trong năm	(4.439.326.055)	(3.596.554.728)
Số dư cuối năm	9.134.885.641	5.004.774.013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**21. Vốn chủ sở hữu****a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2022	32.864.040.000	21.390.927.097	3.418.232.123	39.559.056.900	97.232.256.120
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	21.674.256.560	21.674.256.560
Chia cổ tức	-	-	-	(11.502.414.000)	(11.502.414.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	(2.542.865.298)	-	2.542.865.298	-
Trích thưởng Ban điều hành	-	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(4.334.851.312)	(4.334.851.312)
Tại ngày 01/01/2023	32.864.040.000	18.848.061.799	3.418.232.123	47.638.913.446	102.769.247.368
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	41.197.188.413	41.197.188.413
Chia cổ tức	-	-	-	(11.502.414.000)	(11.502.414.000)
Trích thưởng Ban điều hành (i)	-	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	(8.239.437.683)	(8.239.437.683)
Tại ngày 31/12/2023	32.864.040.000	18.848.061.799	3.418.232.123	68.794.250.176	123.924.584.098

(i) Quỹ khen thưởng, phúc lợi được tạm trích từ lợi nhuận trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 với tỷ lệ là 20%. Quỹ khen thưởng Ban điều hành được tạm trích với số tiền 300 triệu đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 ngày 10 tháng 5 năm 2023. Số liệu cuối cùng về việc trích lập các quỹ sẽ được điều chỉnh theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông thường niên sắp tới.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**21. Vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)**b. Cổ phiếu**

	31/12/2023	01/01/2023
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.286.404	3.286.404
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	3.286.404	3.286.404
+ Cổ phiếu phổ thông	3.286.404	3.286.404
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.286.404	3.286.404
+ Cổ phiếu phổ thông	3.286.404	3.286.404
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu		

c. Cổ tức

Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 ngày 10 tháng 5 năm 2023 đã thông qua việc chia cổ tức năm 2022 với tỷ lệ 35% trên mệnh giá, tương đương với số tiền là 11.502.414.000 đồng.

Cổ tức năm 2023 theo kế hoạch sẽ được chi trả với tỷ lệ từ 25% vốn điều lệ trở lên. Mức chi trả và hình thức trả cổ tức cuối cùng sẽ được phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên sắp tới.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	2023	2022
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	126.849.268.686	75.635.500.491
Doanh thu xây dựng các loại cầu	78.382.213.405	60.986.935.972
Doanh thu bán hàng hóa	20.877.533.211	15.485.733.532
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.435.890.296	2.623.758.180
Cộng	<u>228.544.905.598</u>	<u>154.731.928.175</u>
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	-	8.181.818
Doanh thu thuần	<u>228.544.905.598</u>	<u>154.723.746.357</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

	2023 VND	2022 VND
Giá vốn bán thành phẩm	115.964.158.288	67.036.827.621
Giá vốn của hoạt động xây dựng cầu	66.744.480.393	54.787.728.543
Giá vốn bán hàng hóa	19.351.220.987	14.611.928.226
Giá vốn cung cấp dịch vụ	449.670.426	609.754.140
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	965.822.004	483.801.757
Cộng	<u>203.475.352.098</u>	<u>137.530.040.287</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	2023 VND	2022 VND
Lợi nhuận từ liên doanh Công ty TNHH Liên Doanh Antraco	36.233.608.155	15.585.325.000
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.290.088.368	98.832.016
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	83.248.374	222.442.834
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối năm	12.899.153	13.492.257
Cộng	<u>37.619.844.050</u>	<u>15.920.092.107</u>

4. Chi phí tài chính

	2023 VND	2022 VND
Chi phí lãi vay	1.006.387.176	1.235.880.585
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	26.554.935	5.438.530
Cộng	<u>1.032.942.111</u>	<u>1.241.319.115</u>

Trong đó, chi phí tài chính phát sinh từ giao dịch với bên liên quan

Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	<u>26.260.274</u>	<u>119.735.899</u>
--	-------------------	--------------------

5. Chi phí bán hàng

	2023 VND	2022 VND
Chi phí hoa hồng bán hàng	96.000.000	504.500.000
Chi phí nhân viên	168.066.495	95.688.065
Chi phí khấu hao TSCĐ	7.791.490	7.791.490
Chi phí nghiệm thu, vận chuyển, thủ tải	308.559.681	218.129.293
Chi phí bảo hành	47.371.509	16.766.306
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	157.710.974	764.990.285
Cộng	<u>785.500.149</u>	<u>1.607.865.439</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	11.195.444.360	10.387.827.058
Chi phí đồ dùng văn phòng	106.567.797	86.923.196
Chi phí khấu hao tài sản cố định	503.160.418	509.326.026
Thuế, phí và lệ phí	892.428.938	945.877.023
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	2.409.599.613	926.668.882
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.391.970.190	2.256.202.272
Chi phí bằng tiền khác	823.071.960	534.016.863
Cộng	18.322.243.276	15.646.841.320

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	2023 VND	2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	42.512.325.373	21.956.119.344
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Chi phí không được trừ	4.520.322.843	2.500.181.536
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(38.233.608.155)	(15.585.325.000)
Lãi từ công ty liên doanh	-	(7.783.450.673)
Hoàn nhập chi phí dự phòng không được trừ khi tính thuế năm trước	(230.450.000)	(272.466.510)
Hoàn nhập lỗ chịu thuế của các công ty bị bù trừ khi hợp nhất	-	1.684.772.842
Lỗ(lãi) chưa thực hiện do điều chỉnh hợp nhất	333.854.363	(428.649.754)
Thu nhập chịu thuế	10.902.444.424	2.071.181.785
Chuyển lỗ	(413.245.070)	(278.032.283)
Thu nhập tính thuế	10.489.199.354	1.793.149.502
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.097.839.871	358.629.900

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2023 VND	2022 VND
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	41.197.188.413	21.674.256.560
Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi, thưởng Ban điều hành	(8.539.437.683)	(4.634.851.312)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	32.657.750.730	17.039.405.248
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm	3.286.404	3.286.404
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	9.937	5.185

Lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm nay đã được điều chỉnh giảm cho giá trị quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát dự tính chia từ lợi nhuận năm 2023 theo kế hoạch đã được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 ngày 10 tháng 5 năm 2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	Cổ đồng
Công ty TNHH Liên doanh Antraco	Công ty liên doanh
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	Thành viên chủ chốt

Ngoài các giao dịch đã được trình bày ở các thuyết minh trên, trong năm Công ty còn phát sinh các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

	2023 VND	2022 VND
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP		
Trả tiền vay	1.500.000.000	1.500.000.000
Công ty TNHH Liên doanh Antraco		
Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	1.025.864.411	-
Mua hàng hóa, dịch vụ	93.989.600	-

Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát trong năm

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	2023 VND	2022 VND
<u>Hội đồng Quản trị</u>			
Ông Trần Quân Anh	Chủ tịch	48.000.000	48.000.000
Ông Đồng Trọng Nghĩa	Thành viên	36.000.000	36.000.000
Ông Lê Thanh Vân	Thành viên	36.000.000	36.000.000
Ông Trần Văn Thái	Thành viên	36.000.000	36.000.000
Ông Huỳnh Văn An	Thành viên (bổ nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2022)	36.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Chí Thành	Thành viên (miễn nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2022)	-	12.000.000
Bà Phan Thị Ngọc Lan Thanh	Phụ trách quản trị Công ty	18.000.000	18.000.000
Cộng		210.000.000	210.000.000

Ban Kiểm soát

Ông Quách Kim Long	Trưởng ban kiểm soát	36.000.000	36.000.000
Ông Nguyễn Thành Nghệ	Thành viên	18.000.000	18.000.000
Ông Nguyễn Đức Hiền	Thành viên (bổ nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2022)	18.000.000	12.000.000
Bà Nguyễn Thanh Vi	Thành viên (miễn nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2022)	-	6.000.000
Cộng		72.000.000	72.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**1. Bên liên quan** (tiếp theo)

Tiền lương, phụ cấp, thưởng và các khoản thu nhập khác của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm:

Họ và tên	Chức vụ	2023 VND	2022 VND
Ông Lê Thanh Vân	Giám đốc	789.732.636	602.838.636
Ông Huỳnh Văn An	Phó Giám đốc	482.396.000	414.712.091
Ông Trần Văn Thái	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2023)	451.660.000	431.294.818
Cộng		1.723.788.636	1.448.845.545

2. Các cam kết**Cam kết thuê hoạt động**

	2023 VND	2022 VND
--	-------------	-------------

Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm

1.113.073.844	1.113.073.844
---------------	---------------

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Trong vòng một năm	1.590.105.492	1.590.106.264
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	6.360.421.968	6.360.425.056
Sau năm năm	3.991.970.632	5.582.078.455
Cộng	11.942.498.092	13.532.609.775

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động thể hiện:

- Tổng số tiền thuê 8.052,2 m² đất tại phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Thời hạn của hợp đồng thuê đất là 30 năm tính từ ngày 5 tháng 1 năm 2001.
- Tổng số tiền thuê 3.776,6 m² đất tại phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Thời hạn của hợp đồng thuê đất là 30 năm tính từ ngày 21 tháng 5 năm 2008.
- Tổng số tiền thuê 18.577,4 m² đất tại phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Thời hạn của hợp đồng thuê đất là 30 năm tính từ ngày 5 tháng 1 năm 2001.
- Tổng số tiền thuê 89,8 m² đất tại phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Thời hạn của hợp đồng thuê đất là 30 năm tính từ ngày 11 tháng 4 năm 2008.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023***VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC** (tiếp theo)**2. Các cam kết** (tiếp theo)**Cam kết không hủy ngang**

Công ty đã ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2018/BCC-TCTC-CKAG ngày 8 tháng 4 năm 2018 và phụ lục hợp đồng ngày 3 tháng 10 năm 2018 (gọi chung là Hợp đồng BCC) với Công ty TNHH Toyota Cần Thơ (TCTC) để thực hiện dự án đầu tư Xây dựng Trung tâm bảo dưỡng và bán lẻ xe oto. Theo hợp đồng BCC và giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư số 5414883082 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 18 tháng 4 năm 2017 và sửa đổi lần 2 ngày 22 tháng 10 năm 2018, dự án được thực hiện bởi hai nhà đầu tư là Công ty và TCTC, trong đó Công ty góp bằng tài sản trên đất trị giá 2,5 tỷ đồng và TCTC góp tiền mặt để thực hiện xây dựng và cải tạo hoặc trang bị cho công trình tại mặt bằng để thực hiện dự án. Thời hạn hoạt động của dự án là từ ngày 22 tháng 10 năm 2018 đến ngày 05 tháng 01 năm 2031 (*ngày kết thúc thời hạn thuê đất*). Sau khi tài sản trên đất được xây dựng, cải tạo hoặc trang bị xong sẽ được chuyển giao cho TCTC và do TCTC toàn quyền quản lý và sử dụng cho các mục tiêu của dự án cho đến khi chấm dứt thời hạn.

Không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của dự án, Công ty được hưởng một khoản doanh thu được chia cố định (chưa bao gồm VAT) là 2 tỷ đồng/năm trong vòng 5 năm đầu tiên của thời hạn và kể từ năm thứ 6 trở đi, định kỳ 3 năm một lần, hai bên sẽ thỏa thuận lại giá trị khoản doanh thu cố định chia cho Công ty nhưng mức tăng không vượt quá 10% giá trị của khoản doanh thu cố định được hưởng của giai đoạn liền kề trước đó.

3. Các khoản công nợ tiềm tàng

Công ty hiện đang trong quá trình giải trình với Sở Tài Chính, Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND Tỉnh An Giang về cơ sở tính số tiền bị truy thu với giá trị khoảng 2,2 tỷ đồng từ việc hợp tác kinh doanh một phần đất và tài sản trên đất tại địa chỉ số 839 Trần Hưng Đạo và 103 Nguyễn Huệ B. Tuy nhiên đến thời điểm lập báo cáo, Công ty chưa có quyết định chính thức từ cơ quan quản lý Nhà nước.

4. Báo cáo bộ phận

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng cầu các loại, sản xuất máy gặt, máy sấy các loại và bán lẻ các linh kiện liên quan đến máy gặt, máy sấy. Thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 là liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh nói trên. Theo đó, không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cần phải trình bày. Doanh thu, giá vốn theo từng hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại các Thuyết minh số VI.1 và VI.2.

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam và các hoạt động kinh doanh diễn ra tại các tỉnh thành trên cả nước không có sự tương đồng khi phân tích theo khu vực địa lý. Do vậy, Công ty không có báo cáo theo khu vực địa lý.

5. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)


6. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán.


Phan Thị Ngọc Lan Thanh
Người lập biểu


Phan Thị Ngọc Lan Thanh
Kế toán trưởng




Lê Thanh Vân
Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2024





CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG

Địa chỉ: số 839 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1,
phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
Điện thoại: 0296 3 953 938 - 852 969 - 854 161 - 853 051
Website: <https://cokhiangiang.com> * Email: cokhiangiang@agm.vn

An Giang, ngày 10 tháng 5 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023
và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
Công ty cổ phần Cơ khí An Giang

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cơ khí An Giang;
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Cơ khí An Giang;
- Căn cứ Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã được kiểm toán từ ngày 01/01/2023 đến 31/12/2023;

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 như sau:

I. Kết quả thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023

1.1 Một số chỉ tiêu theo BCTC riêng:

STT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm 2023		
			Cty CKLX	Cty XD CĐAG	Cty CKAG
1	Doanh thu BH&CCDV	trđ	17.337	31.376	208.007
2	Lãi gộp&thu nhập khác	trđ	2.108	2.381	20.844
3	Doanh thu tài chính	trđ		142	37.476
4	Tổng chi phí quản lý	trđ	2.017	2.287	15.802
5	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	trđ	91	236	42.518
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	trđ	91	236	41.136
7	Phải nộp ngân sách	trđ	265	52	7.085
8	Tổng quỹ lương	trđ	1.842	1.707	14.981
9	Lao động bình quân 1 tháng	Người	19	18	147
10	Tiền lương bình quân 1 tháng	Trđ/ng/th	8,08	7,90	8,49
11	Vốn chủ sở hữu		4.455	8.469	127.704
	<i>Trong đó vốn góp chủ sở hữu</i>	trđ	<i>4.584</i>	<i>10.000</i>	<i>32.864</i>

1.2 Một số chỉ tiêu theo BCTC hợp nhất:

TT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm 2023		Tỉ lệ (%) so với	
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Cùng kỳ
			1	2	3=2/1	4=2/CK
1	Tổng doanh thu	trđ	199.500	294.341	147,54	152,36
	- Doanh thu hợp nhất	trđ	157.000	228.545	145,57	147,71
	- Doanh thu nội bộ	trđ	25.000	28.177	112,71	190,88
	- D.thu hoạt động tài chính	trđ	17.500	37.619	214,97	158,71
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	trđ	20.350	42.512	208,90	193,62
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	trđ	19.930	41.197	206,71	190,08
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đồng	4.760	9.937	208,76	191,65
5	Phải nộp ngân sách	trđ	6.696	7.402	110,54	174,66
6	Tổng quỹ lương	trđ	22.289	18.530	83,14	101,06
7	Lao động bình quân 1 tháng	Người	221	184	83,26	97,87
8	Tiền lương bình quân 1 tháng	trđ/ng	8,40	8,39	99,88	103,20

2. Nhận xét:

Tổng doanh thu hợp nhất thực hiện năm 2023 đạt 147,54% so với kế hoạch đề ra, lợi nhuận sau thuế đạt 206,71% so với kế hoạch và đạt 190,08% so với cùng kỳ. Trong năm 2023 tại BCTC riêng và hợp nhất Công ty đã trích thêm dự phòng như sau:

- + Dự phòng phải thu khó đòi: 2.647 triệu đồng.
- + Dự phòng Hàng tồn kho: 1.072 triệu đồng.
- + Dự phòng khoản CKLX vay CKAG: 360 triệu đồng

Hoàn nhập dự phòng trong năm 2023:

- + Phải thu khó đòi: 238 triệu đồng.
- + Hàng tồn kho: 106 triệu đồng
- + Tồn thất tài chính tại 2 Cty con: 262 triệu đồng.

II. Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2024

1. Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD chủ yếu:

TT	Diễn giải	ĐVT	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2023	Tỉ lệ (%) KH2024/ TH2023
1	Tổng doanh thu	trđ	222.000	294.341	75,42
	<i>Doanh thu bán hàng & ccdv hợp nhất</i>	<i>trđ</i>	<i>176.000</i>	<i>228.545</i>	<i>77,01</i>
	<i>Doanh thu bán hàng nội bộ</i>	<i>trđ</i>	<i>28.000</i>	<i>28.177</i>	<i>99,37</i>
	<i>D.thu hoạt động tài chính</i>	<i>trđ</i>	<i>18.000</i>	<i>37.619</i>	<i>47,85</i>
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	trđ	22.460	42.512	52,83
3	Tổng lợi nhuận sau thuế	trđ	21.700	41.197	52,67
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu 2023	đồng	5.191	9.937	52,23
5	Phải nộp ngân sách	trđ	4.650	7.402	62,82
6	Tổng quỹ lương	trđ	22.220	18.530	119,91
7	Lao động bình quân 1 tháng	người	207	184	112,50
8	Tiền lương bình quân 1 tháng	Trđ/người	8,95	8,39	106,59

2. Nhận xét:

- Chi tiêu doanh thu và lợi nhuận kế hoạch năm 2024 thấp hơn thực hiện năm 2023 là do trong năm 2024 thị trường máy sấy thấp Công ty chưa ký kết được hợp đồng như trong năm 2023 và doanh thu tài chính dự kiến giảm bởi kết quả SXKD năm 2024 của liên doanh.

- Chi tiêu tổng tiền lương cũng được xây dựng theo tiêu chí kế hoạch năm 2024 và cũng phù hợp với thông tin lương tối thiểu vùng sẽ tăng thêm 6% vào ngày 1/7/2024.

3. Một số giải pháp thực hiện:

- Tiếp tục củng cố bộ máy quản lý và hoàn thiện hệ thống Quản trị Doanh nghiệp.

- Toàn thể cán bộ nhân viên và người lao động đẩy mạnh việc thực hiện tiết kiệm trong mọi hoạt động, nghiêm túc tự giác thực hiện đúng các Quy chế và Quy định của Công ty. Bên cạnh đó Ban Giám đốc phối hợp với lãnh đạo các đoàn thể có kế hoạch hỗ trợ chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của người lao động ngày càng tốt hơn.

- Tăng cường kiểm soát chi phí quản lý và chi phí sản xuất, sao cho chi phí phù hợp với hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, không để tình trạng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh thấp mà chi phí cao dẫn đến kết quả lợi nhuận bị lỗ. Đẩy mạnh công tác xử lý thu hồi công nợ đặc biệt các công nợ tồn đọng nhiều năm, tối ưu dòng tiền phân đầu việc vay vốn lưu động trong năm phù hợp với hoạt động SXKD, đẩy mạnh tiêu thụ hàng tồn kho, hạn chế tối đa việc nhập hàng hóa không cần thiết.

- Đẩy mạnh việc nghiên cứu phát triển sản phẩm mới để kịp thời đáp ứng nhu cầu của thị trường và khách hàng, đồng thời chú trọng phát triển hệ thống công nghệ thông tin phục vụ tốt cho công tác nhân sự và kinh doanh nhằm đem lại hiệu quả trong công tác kinh doanh.

- Công ty tiếp tục đầu tư đổi mới công nghệ theo hướng tự động hóa nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng năng suất lao động, tăng năng lực sản xuất và thân thiện môi trường.

- Duy trì hiệu lực Hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn ISO 9001-2015 và 5S, đẩy mạnh công tác thi đua sáng kiến cải tiến liên tục.

- Đẩy mạnh công tác tiếp thị, mở rộng thị trường trong và ngoài nước, ưu tiên phát triển đội ngũ marketing phòng kinh doanh-thị trường.

Trên đây là tờ trình báo cáo tổng kết hoạt động SXKD năm 2023 và kế hoạch SXKD năm 2024.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu P.TCHC



LÊ THANH VÂN



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG
Địa chỉ: số 839 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1,
phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
Điện thoại: 0296 3 953 938 - 852 969 - 854 161 - 853 051
Website: www.cokhiangiang.com * Email: cokhiangiang@agm.vn

An Giang, ngày 10 tháng 5 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2023
và kế hoạch năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
Công ty cổ phần Cơ khí An Giang

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cơ khí An Giang;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Cơ khí An Giang;

Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023;

Căn cứ kết quả phiên họp ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng quản trị Công ty CP Cơ khí An Giang.

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty CP Cơ khí An Giang kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2023 và kế hoạch năm 2024 như sau:

I. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023

TT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1	Vốn điều lệ (VĐL)	32.864.040.000
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2023	41.197.188.413
3	Lợi nhuận chưa phân phối năm trước	36.136.499.446
4	Phân phối lợi nhuận	27.131.317.104
	<i>a. Trích lập quỹ</i>	<i>10.699.297.104</i>
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi (20%)	8.239.437.683
	- Quỹ thưởng Ban điều hành	300.000.000
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi (5%) do công ty hoàn thành vượt mức kế hoạch	2.059.859.421
	- Quỹ thưởng Ban điều hành do công ty hoàn thành vượt mức kế hoạch	100.000.000
	<i>b. Chia cổ tức bằng tiền mặt (50%/VĐL)</i>	<i>16.432.020.000</i>
5	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối (5=2+3-4)	50.202.370.755

II. Phương án chi trả cổ tức năm 2023

Kính đề nghị ĐHĐCĐ thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2023 như sau:

1. Mức chi trả cổ tức năm 2023: 5.000 đồng/cổ phiếu.
2. Hình thức chi trả: Bằng tiền mặt.
3. Tổng số tiền chi trả cổ tức: 16.432.020.000 đồng.
4. Nguồn chi trả: Từ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán.
5. Tổ chức thực hiện: ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời điểm chi trả và chỉ đạo thực hiện việc chi trả.

III. Phương án xử lý lợi nhuận còn lại chưa phân phối

CKAG đang xây dựng phương án tăng vốn điều lệ theo hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối năm 2023. Dự kiến mức chi trả cổ tức bằng cổ phiếu từ 32.864.040.000 đồng đến 49.296.060.000 đồng, tương đương 100%-150% vốn góp của chủ sở hữu.

HDQT và Ban Giám đốc sẽ thuê đơn vị tư vấn xây dựng phương án tăng vốn điều lệ theo hình thức phát hành cổ phiếu nêu trên phù hợp với các quy định của pháp luật, đảm bảo đem lại hiệu quả cao nhất cho hoạt động SXKD của Công ty cũng như quyền lợi hợp pháp của cổ đông và trình ĐHĐCĐ thông qua sau khi hoàn thành phương án.

IV. Kế hoạch phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2024 như sau:

- Về kế hoạch chia cổ tức bằng tiền mặt có tỉ lệ là từ 15%/VĐL trở lên (VĐL sau khi điều chỉnh tăng vốn theo phương án xử lý lợi nhuận chưa phân phối năm 2023);
- Về trích lập Quỹ Khen thưởng phúc lợi theo tỉ lệ 20% x Lợi nhuận sau thuế năm 2024;
- Về trích lập Quỹ Khen thưởng Ban điều hành 300.000.000 đồng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HDQT, BKS;
- Lưu P.TCHC.



TRẦN QUÂN ANH



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG
Địa chỉ: số 839 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1,
phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
Điện thoại: 0296 3 953 938 - 852 969 - 854 161 - 853 051
Website: www.cokhiangiang.com * Email: cokhiangiang@agm.vn

An Giang, ngày 10 tháng 5 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc Công ty phải nộp tiền vào ngân sách Nhà nước liên quan đến việc chấp hành pháp luật đất đai

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
Công ty cổ phần Cơ khí An Giang

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cơ khí An Giang;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Cơ khí An Giang;

Căn cứ Biên bản đối chiếu việc quản lý sử dụng đất trong và sau quá trình cổ phần hóa giai đoạn 2011-2017 giữa Tổ kiểm toán Nhà nước khu vực IX và Công ty cổ phần Cơ khí An Giang ngày 26 tháng 12 năm 2018;

Căn cứ Biên bản kiểm tra, xác minh việc chấp hành pháp luật đất đai của Công ty cổ phần Cơ khí An Giang do Đoàn kiểm tra của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang và Công ty cổ phần Cơ khí An Giang ký lập ngày 18/7/2023;

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty CP Cơ khí An Giang báo cáo và kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua việc Công ty phải nộp tiền vào ngân sách Nhà nước liên quan đến việc chấp hành pháp luật đất đai như sau:

1. Nội dung sự việc

Năm 2016 và 2017, Công ty CP Cơ khí An Giang có ký kết Hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 291/HĐHTKD với Ông Ngô Hoàng Nhật Khánh về việc Hợp tác kinh doanh trên thửa đất số 41, phường Mỹ Long, thành Phố Long Xuyên và Hợp đồng Hợp tác kinh doanh với Công ty CP Thế giới Di động về việc Hợp tác kinh doanh trên thửa đất số 5, phường Bình Khánh, thành Phố Long Xuyên. Đây là các thửa đất Công ty CP Cơ khí An Giang thuê của Nhà nước, trả tiền hàng năm (Nội dung chi tiết việc Hợp tác kinh doanh tại 02 Hợp đồng đính kèm Tờ trình).

Tại Biên bản đối chiếu việc quản lý sử dụng đất trong và sau quá trình cổ phần hóa giai đoạn 2011-2017 giữa Tổ kiểm toán Nhà nước khu vực IX và Công ty ngày 26 tháng 12 năm 2018 (đính kèm Biên bản); (nội dung chính Biên bản: Tổ kiểm toán đã nhận định việc Hợp tác này không đúng quy định tại Tiết b Điểm 1.6 Khoản 1 Điều 44 Thông tư số 200/2014/TT-BTC và quy định tại Điều 19 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP. Tổ kiểm toán xác định số tiền có được từ việc cho thuê lại tài sản gắn liền với đất được Nhà nước cho thuê phải nộp vào Ngân sách Nhà nước từ khi cho thuê đến tháng 12/2018 của các mặt bằng, nhà đất (đã trừ tiền thuê đất) số tiền 604.659.255 đồng. Tuy nhiên do

đơn vị đã nộp thuế TNDN đối với khoản tiền này, do vậy tổ kiểm toán kiến nghị Công ty nộp vào Ngân sách số tiền $80\% \times 604.659.255 \text{ đ} = 483.727.404 \text{ đ}$.

Hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 291/HĐHTKD với Ông Ngô Hoàng Nhật Khánh đã được Công ty CP Cơ khí An Giang thanh lý ngày 31/5/2019 và đến nay không còn phát sinh vướng mắc pháp lý, tài chính.

Hợp đồng Hợp tác kinh doanh với Công ty CP Thế Giới Di Động đến ngày 31/8/2023 mới được thanh lý. Số tiền Công ty CP Cơ khí An Giang thu được từ việc hợp tác kinh doanh theo hợp đồng này từ năm 2019 đến năm 2022 là 1.572.963.635 đồng (chưa bao gồm thuế GTGT), số tiền này đã được hạch toán vào doanh thu và lợi nhuận của Công ty CP Cơ khí An Giang trong các năm từ 2019 đến 2022.

Các nội dung nêu trên tiếp tục được Đoàn kiểm tra của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang ghi nhận tại Biên bản kiểm tra, xác minh việc chấp hành pháp luật đất đai của Công ty CP Cơ khí An Giang lập ngày 18/7/2023.

2. Ý kiến của Hội đồng quản trị

Mặc dù đến nay Công ty vẫn chưa nhận được quyết định hay văn bản chính thức từ Cơ quan hữu quan song vẫn phải tính đến việc Công ty CP Cơ khí An Giang phải nộp lại toàn bộ tiền thu được từ việc Hợp tác kinh doanh nêu trên vào ngân sách Nhà nước theo quy định;

Nay Hội đồng quản trị kính trình đến Đại hội đồng cổ đông nội dung trên và xin được trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để nộp vào Ngân sách Nhà nước khi có quyết định chính thức từ cơ quan Nhà nước.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu P.TCHC.



TRẦN QUÂN ANH

Tài liệu kèm theo:

- Hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 291/HĐHTKD với Ông Ngô Hoàng Nhật Khánh;
- Hợp đồng Hợp tác kinh doanh với Công ty CP Thế Giới Di Động;
- Biên bản đối chiếu việc quản lý sử dụng đất trong và sau quá trình cổ phần hóa giai đoạn 2011-2017 giữa Tổ kiểm toán Nhà nước khu vực IX và Công ty ngày 26/12/2018;
- Biên bản kiểm tra, xác minh việc chấp hành pháp luật đất đai của Công ty CP Cơ khí An Giang do Đoàn kiểm tra của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang lập ngày 18/7/2023.

21

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH

Số: 291/HĐHTKD

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên.
- Dựa trên tinh thần trung thực và thiện chí hợp tác của các bên.

Chúng tôi gồm có:

1. CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG (gọi tắt là: Bên A)

Trụ sở: số 839, đường Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 8, do Phòng Đăng ký doanh nghiệp - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày: 07/6/2017;

Số tài khoản : 111 000 016 087, Ngân hàng TMCP Công Thương VN- Chi nhánh An Giang.

Điện thoại : 02963.854161

Người đại diện : Nguyễn Chí Thành

Chức vụ : Giám đốc

Và

2. Ông. Ngô Hoàng Nhật Khánh (gọi tắt là: Bên B)

Sinh ngày 28 tháng 7 năm 1979

CMND số: 351272683, cấp ngày 28/7/2014 tại An Giang

Nơi thường trú: 63^B Lê Văn Nhung, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Điện thoại: 0903668580

Hôm nay, ngày 09 tháng 10 năm 2017 tại Công ty cổ phần Cơ khí An Giang, hai bên (Bên A và Bên B) cùng thoả thuận ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh với các điều khoản sau đây:

Điều 1. Mục đích và hình thức hợp tác kinh doanh

Bên A và Bên B nhất trí cùng nhau hợp tác kinh doanh mở Cửa hàng bán và cho thuê đồ cưới (gọi tắt là **Cửa hàng**).

Hợp đồng theo hình thức Bên A khoán gọn cho Bên B kinh doanh. Bên A được hưởng tiền khoán lợi nhuận hàng tháng.

Bên B kinh doanh phải chấp hành đúng theo quy định của pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Thời hạn hợp đồng

Thời hạn hợp tác là 04 năm hai tháng, 20 ngày. Kể từ ngày 12 tháng 10 năm 2017 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021. Thời hạn trên có thể được kéo dài theo sự thoả thuận của hai bên.



Thời điểm bắt đầu tính tiền lợi nhuận là vào ngày 01/11/2017. Trong khoản thời gian 20 ngày, từ ngày 12/10/2017 đến ngày 31/10/2017 Bên A và Bên B chưa tính tiền lợi nhuận với nhau, trong thời gian này Bên B sẽ tiến hành sửa chữa (nhưng phải được sự đồng ý của Bên A), trang trí để phục vụ cho việc kinh doanh của Bên B.

Điều 3. Góp vốn

a) Bên A: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG

Cung cấp Căn nhà số 103, đường Nguyễn Huệ B, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, diện tích xây dựng 89,8 m², diện tích sử dụng khoảng 189,9 m². loại nhà Cấp 3, có 2 tầng (một tầng trệt, một tầng lầu) đang sử dụng và có hệ thống điện nước đầy đủ, để tạm sử dụng làm Cửa hàng kinh doanh trong thời hạn hợp đồng này.

b) Bên B: Ông. Ngô Hoàng Nhật Khánh

Bên B góp vốn bằng toàn bộ giá trị còn lại của Cửa hàng gồm: dụng cụ, thiết bị, nhân sự, điện, nước, vốn để nhập sản phẩm kinh doanh,...., và tất cả các thứ khác để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Cửa hàng.

Điều 4. Phân chia lợi nhuận và đặt cọc

1) Giai đoạn 1: Từ 01/11/2017 đến 31/01/2018

- Lợi nhuận Bên A được hưởng hàng tháng là: 11.000.000đ/ tháng.
- Lợi nhuận Bên B được hưởng là: phần còn lại, chi phí các nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước do bên B chịu.

Thời điểm chia lợi nhuận: hàng tháng vào ngày cuối cùng của tháng.

2) Giai đoạn 2: Từ 01/02/2018 đến 31/12/2019

- Lợi nhuận Bên A được hưởng hàng tháng là: 13.500.000đ/tháng.
- Lợi nhuận Bên B được hưởng là: phần còn lại, chi phí các nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước do bên B chịu.

Thời điểm chia lợi nhuận: hàng tháng vào ngày cuối cùng của tháng.

4) Giai đoạn 3: Từ 01/01/2020 đến 31/12/2021

- Lợi nhuận Bên A được hưởng hàng tháng là: 16.000.000đ/tháng.
- Lợi nhuận Bên B được hưởng là: phần còn lại, chi phí các nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước do bên B chịu.

Thời điểm chia lợi nhuận: hàng tháng vào ngày cuối cùng của tháng.

5) Đặt cọc

Sau khi ký hợp đồng này trong vòng 05 ngày, Bên B đặt cọc cho Bên A số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Số tiền đặt cọc này là để đảm bảo nghĩa vụ thực hiện hợp đồng, số tiền này sẽ được Bên A trả cho Bên B khi hết hạn hợp đồng mà hai bên không gia hạn nữa.

Điều 5. Chi phí cho hoạt động kinh doanh của cửa hàng

Do Bên B chịu gồm:

- + Sửa chữa,...và mọi thứ của Cửa hàng;
- + Tiền mua toàn bộ sản phẩm kinh doanh;
- + Lương nhân viên;
- + Các khoản chi phí cho nhân viên và người lao động;
- + Chi phí điện, nước;
- + Chi phí bảo dưỡng máy, thiết bị, nhà,....;
- + Toàn bộ chi phí khác...

(Trừ tiền thuê đất tại vị trí của căn nhà số 103 nói trên)

Điều 6. Các nguyên tắc tài chính

Hai bên phải tuân thủ các nguyên tắc tài chính kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Mọi khoản thu chi cho hoạt động kinh doanh do Bên B ghi chép rõ ràng, đầy đủ, xác thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Điều 7. Hoạt động kinh doanh

Bên B chịu trách nhiệm điều hành hoạt động của Cửa hàng.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của BÊN A

1. Quyền của BÊN A

a) Yêu cầu Bên B thực hiện sửa chữa phần hư hỏng, bồi thường thiệt hại của căn nhà nếu do lỗi của Bên B gây ra;

b) Đơn phương chấm dứt hợp đồng và thu hồi căn nhà khi thuộc một trong các trường hợp sau:

- Bên B không chuyển tiền theo đúng quy định của hợp đồng này.
- Bên B sử dụng căn nhà không đúng mục đích hợp tác kinh doanh.
- Bên B tự ý đục phá, sửa chữa, cải tạo, phá dỡ kết cấu căn nhà.
- Bên B làm mất trật tự, không đảm bảo vệ sinh môi trường, ảnh hưởng đến sinh hoạt của những người xung quanh.
- Bên B không thực hiện đúng các điều khoản trong hợp đồng.

2. Nghĩa vụ và trách nhiệm của BÊN A

a) Bàn giao Căn nhà cho bên B đúng thời hạn của hợp đồng;

b) Bảo đảm cho bên B sử dụng ổn định nhà trong thời hạn hợp tác kinh doanh của hợp đồng này;

c) Tạo điều kiện cho bên B sử dụng Căn nhà vào mục đích kinh doanh.

d) Đóng tiền thuê đất tại vị trí của Căn nhà số 103 nói trên.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của BÊN B

1. Quyền của BÊN B

a) Nhận căn nhà để sử dụng kinh doanh theo đúng thoả thuận của hợp đồng này.

b) Yêu cầu Bên A sửa chữa trong trường hợp nhà bị hư hỏng nặng.

c) Đơn phương chấm dứt hợp đồng hợp tác kinh doanh nhưng phải báo cho bên A biết trước ít nhất 30 ngày nếu bên A có một trong các trường hợp sau đây:

- Bên A không sửa chữa nhà khi có hư hỏng nặng mà không phải do lỗi của bên B gây ra.

- Bên A không thực hiện đúng theo các điều khoản của hợp đồng này.

2. Nghĩa vụ và trách nhiệm của BÊN B

a) Phải tuân thủ các quy định của pháp luật về kinh doanh, về môi trường và tất cả các quy định khác của pháp luật;

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tất cả các hoạt động liên quan đến việc kinh doanh;

c) Có trách nhiệm kê khai, nộp đầy đủ thuế và các nghĩa vụ khác với Nhà nước.

d) Chuyển tiền cho Bên A đúng theo quy định của hợp đồng này;

10/10/2024
CÔNG TY
P
KINH
SIAM
VIỆT X

e) Sử dụng Căn nhà để kinh doanh đúng theo thỏa thuận của hợp đồng hợp tác kinh doanh này và kinh doanh phải đúng với quy định của pháp luật Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; phải giữ gìn, bảo quản Căn và có trách nhiệm sửa chữa những hư hỏng do Bên B gây ra;

f) Bên B phải trả tiền điện, nước, điện thoại, lương nhân viên và tất cả các chi phí khác trong suốt thời gian hợp tác kinh doanh theo hợp đồng này;

g) Không được cho người khác thuê Căn nhà của Bên A;

h) Giao lại Căn nhà nguyên vẹn như hiện trạng ban đầu cho Bên A trong các trường hợp chấm dứt hợp đồng.

i) Bên B không được đục phá, sửa chữa, cải tạo, phá dỡ kết cấu căn nhà khi chưa được sự đồng ý của Bên A.

Điều 10. Chấm dứt hợp đồng

Hợp Đồng này sẽ bị chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

1. Ngay khi hết thời hạn của hợp đồng mà không có bất kỳ thỏa thuận gia hạn thêm nào.

2. Khi toàn bộ Lô đất hoặc Căn nhà bị thu hồi theo quyết định của Cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền.

3. Khi một phần của Lô đất hoặc một phần của Căn nhà bị thu hồi theo quy định của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền mà phần diện tích còn lại của Đất hoặc Căn Nhà không đáp ứng các điều kiện kinh doanh.

4. Sau ba mươi (30) ngày kể từ khi có thông báo bằng văn bản của một Bên gửi cho Bên kia nếu Bên kia vi phạm bất kỳ nghĩa vụ, trách nhiệm nào của mình theo Hợp đồng này mà sự vi phạm đó không được khắc phục trong khoảng thời gian ba mươi (30) ngày đó. Trong trường hợp này, Bên không vi phạm có quyền chấm dứt Hợp đồng này.

Khi chấm dứt hợp đồng trong bất kỳ trường hợp nào thì bên B có trách nhiệm:

a) Giao trả lại Căn nhà nguyên vẹn cho Bên A như khi bàn giao;

b) Đồng thời để lại tất cả phần tài sản đã xây dựng, sửa chữa cải tạo Căn nhà như: gạch hoặc gỗ lát nền nhà, gạch hoặc gỗ ốp tường, vv..., cửa đi, toàn bộ hệ thống điện và tất cả các thứ khác liên kết với Căn nhà.

Điều 11. Điều khoản chung

1. Hợp đồng này được hiểu và chịu sự điều chỉnh của Pháp luật Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Hai bên cam kết thực hiện tất cả những điều khoản đã cam kết trong hợp đồng. Bên nào vi phạm hợp đồng gây thiệt hại cho bên kia (trừ trường hợp do thiên tai) thì phải bồi thường toàn bộ thiệt hại xảy ra cho bên kia và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

3. Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu bên nào có khó khăn trở ngại thì phải báo cho bên kia trong vòng 10 ngày, kể từ ngày có khó khăn trở ngại.

4. Mọi sửa đổi, bổ sung hợp đồng này đều phải được làm bằng văn bản và phải có chữ ký của hai bên, các phụ lục hợp đồng là phần không tách rời của hợp đồng.

5. Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng được giải quyết trước hết qua thương lượng, hoà giải, nếu hoà giải không thành việc tranh chấp sẽ được giải quyết tại Toà án có thẩm quyền.

8/1
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH

GIỮA

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG

VÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI DI ĐỘNG



HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH

Hợp đồng Hợp tác kinh doanh này được lập vào ngày 26 tháng 09 năm 2016
giữa:

1- CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG (BÊN A)

- Địa chỉ: 839 Trần Hưng Đạo, P. Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang
- Điện thoại : 0763 852 969
- Mã số thuế : 1600 111 049
- Số tài khoản : 111.000.016.087
- Mở tại : Ngân hàng TMCP Công Thương - Chi nhánh An Giang.
- Đại diện: NGUYỄN CHÍ THÀNH
- Chức vụ: Giám đốc

(Sau đây gọi tắt là "Bên A")

2- CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI DI ĐỘNG (BÊN B)

- Trụ sở tại : 130 Trần Quang Khải, phường Tân Định, quận 1, TP.HCM.
- Giấy phép đăng ký kinh doanh số : 030 321 7354.
- Do Phòng ĐKKD - Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày : 02/01/2007 đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 05 tháng 08 năm 2015.
- Do ông : NGUYỄN VŨ LINH
- Chức vụ : Quản lý khu vực (AM)
- Sinh năm : 29/04/1984
- Chứng minh nhân dân: 363839490, ngày cấp: 16/04/2014, nơi cấp: CA Hậu

Giang

HKTT : xã Hòa Mỹ, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang

Làm đại diện theo Giấy ủy quyền số 09-2016/HC-TGDĐ ký ngày 05/09/2016 và
Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị số: 0103-2016/BB-TGDĐ ký ngày 01/03/2016

*Hai bên đồng ý cùng nhau thỏa thuận ký hợp đồng hợp tác kinh doanh với nội
dung sau:*

Điều 1. Phương thức hợp tác và góp vốn, mục đích kinh doanh

Hai bên hợp tác kinh doanh theo các ngành trong giấy phép đăng ký kinh doanh
của bên B, cụ thể mỗi bên sẽ hợp tác và mục đích kinh doanh như sau:

1. Bên A góp vốn:

Bên A đồng ý góp vốn để hợp tác kinh doanh với Bên B bằng:

Tài sản trên đất (hàng rào, căn nhà, đường đi) tại Khu đất hợp tác có diện tích
khoảng 588m² (Năm trăm tám mươi tám mét vuông) có bản vẽ đính kèm, đường Trần
Hưng Đạo, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, để sử dụng
trong thời hạn hợp đồng hợp tác kinh doanh này.

Tài sản trên đất tại Khu đất hợp tác thuộc Thửa đất số 5, tờ bản đồ số 23, phường
Bình Khánh, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang. Thửa đất của Bên A theo giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất số AL 704454, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 702276mA do Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 13/01/2008 có thông tin chi tiết như sau:

Thửa đất: 5

Tờ bản đồ số : 23

Địa chỉ thửa đất: phường Bình Khánh, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang

Diện tích: 18577,4 m² (bằng chữ: Mười tám nghìn năm trăm bảy mươi bảy phẩy bốn mét vuông

Hình thức sử dụng: sử dụng riêng: 18577,4m² ; chung: không m²

2. Bên B :

Hợp tác bằng thương hiệu Thegioididong.com, Dienmay.com, hệ thống quản lý kinh doanh, chi phí mua sắm, sửa chữa, cải tạo, xây dựng, mua sắm trang thiết bị phục vụ kinh doanh, toàn bộ nhân lực, hàng hóa... để hoạt động kinh doanh các mặt hàng ngành hàng trong giấy phép kinh doanh của bên B tại phần diện tích đất hợp tác kinh doanh nêu trên.

Bên B được sử dụng Tài sản trên đất, sửa chữa, cải tạo, xây dựng để làm văn phòng, địa điểm cửa hàng kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Bên B.

Điều 2. Ngày bàn giao, thời hạn hợp tác và gia hạn

1. Bên A sẽ bàn giao địa điểm hợp tác, Tài sản trên đất cho Bên B vào ngày 17/7/2017 (sau đây sẽ gọi là "Ngày bàn giao").

2. Thời hạn của Hợp đồng này là 06 (sáu) năm 15 (mười lăm) ngày từ ngày 17/8/2017 đến hết ngày 31/08/2023.

3. Thời gian bắt đầu tính tiền chia lợi nhuận là vào ngày 17/8/2017. Trong khoảng thời gian 01 tháng từ ngày 17/7/2017 đến ngày 16/8/2017 Bên A và Bên B chưa tính lợi nhuận với nhau, trong thời điểm này Bên B sẽ tiến hành sửa chữa, cải tạo xây dựng để phục vụ cho việc kinh doanh của Bên B tại địa điểm hợp tác nêu trên.

4. Khi hết thời hạn hợp tác, nếu có nhu cầu Bên B sẽ được quyền ưu tiên tiếp tục hợp tác kinh doanh với việc phân chia lợi nhuận do hai bên thỏa thuận lại. Trường hợp gia hạn Hợp đồng thì hai bên sẽ ký một hợp đồng mới hoặc sẽ ký (các) Phụ lục sửa đổi của Hợp đồng;

Trường hợp Hai bên không thỏa thuận được việc gia hạn Hợp đồng thì Hợp đồng sẽ chấm dứt hiệu lực vào ngày hết hạn.

Điều 3. Phương thức chia lợi nhuận và phương thức thanh toán

1. Phương thức chia lợi nhuận:

Việc phân chia lợi nhuận được thực hiện theo hình thức khoán lợi nhuận, Bên B được giao quyền tự chủ hạch toán, đầu tư chi phí và Bên B hoàn toàn tự chủ trong các điều hành kinh doanh, tuyển dụng nhân sự. Bên A không yêu cầu gọi báo cáo kinh doanh hay can thiệp vào hoạt động kinh doanh do Bên B điều hành.

a) Hai bên thống nhất khoán lợi nhuận Bên B chi trả cho bên A trong 06 (sáu) năm 15 (mười lăm) ngày kể từ từ ngày 17/8/2017 đến hết ngày 31/08/2023 thì lợi nhuận Bên B chi trả cho Bên A như sau:

- Giai đoạn 1: Từ ngày 17/8/2017 đến ngày 31/8/2017 là 17.000.000đồng/15 ngày (Mười bảy triệu đồng/ mười lăm ngày)

- Giai đoạn 2: Từ ngày 01/09/2017 đến ngày 31/08/2019 là 34.000.000 đồng/tháng (Ba mươi bốn triệu đồng một tháng)

- Giai đoạn 3: Từ ngày 01/9/2019 đến ngày 31/08/2021 là 39.780.000 đồng/tháng (Ba mươi chín triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng một tháng), mức tăng là 17% so với giai đoạn 2.

- Giai đoạn 4: Từ ngày 01/09/2021 đến ngày 31/08/2023 là 43.180.000 đồng/tháng (Bốn mươi ba triệu một trăm tám mươi nghìn đồng một tháng), mức tăng là 27% so với giai đoạn 2.

Không tính tiền lợi nhuận kể từ ngày giao Tài sản gắn liền với Khu đất hợp tác đến hết ngày 16/08/2017 để Bên B xây dựng, sửa chữa, cải tạo, lắp đặt trang thiết bị và sắp xếp ổn định hoàn chỉnh cho việc khai trương kinh doanh.

b) Tiền lợi nhuận quy định trên đây đã bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT), Bên A có trách nhiệm kê khai và đóng thuế, phí theo quy định của Nhà nước và xuất hoá đơn cung cấp cho Bên B trước mỗi kỳ thanh toán lợi nhuận là 05 ngày. (Trong trường hợp không nhận được hóa đơn VAT trước kỳ thanh toán thì Bên B tạm dừng thanh toán đến khi nhận được hóa đơn VAT).

c) Tiền lợi nhuận quy định trên đây không bao gồm các chi phí sử dụng cơ sở hạ tầng của Bên B như điện, nước, điện thoại, internet,... Bên B tự hợp đồng với các đơn vị cung cấp và chịu trách nhiệm thanh toán riêng cho các nhà cung cấp theo mức tiêu thụ, sử dụng thực tế.

2. Phương thức thanh toán:

a) Tiền lợi nhuận được thanh toán định kỳ ba (03) tháng một lần vào 10 ngày đầu của kỳ thanh toán. Riêng kỳ đầu tiên thanh toán 06 tháng lẻ 15 ngày vào ngày: 01/09/2017.

b) Sau khi ký kết hợp đồng, trong vòng 10 ngày Bên B chuyển cho Bên A số tiền 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng) được gọi là tiền để đảm bảo nghĩa vụ thực hiện hợp đồng, số tiền này sẽ được Bên A trả cho Bên B khi hết hạn hợp đồng mà hai Bên không gia hạn nữa.

c) Tiền lợi nhuận sẽ được thanh toán bằng VNĐ (Đồng Việt Nam).

Tiền lợi nhuận và tiền đảm bảo nghĩa vụ thực hiện hợp đồng sẽ được Bên B chuyển khoản vào tài khoản của Bên A theo thông tin dưới đây:

- Chủ tài khoản: **CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG**

- Số TK: **111.000.016.087**

- Mở tại: **Ngân hàng TMCP Công Thương chi nhánh An Giang**

Bên A có trách nhiệm đi kê khai số tài khoản này với cơ quan thuế (Mẫu 08) để Bên B có cơ sở thanh toán các khoản tiền liên quan trong hợp đồng này theo quy định của Nhà nước.

Điều 4. Bàn giao và trả lại Khu đất hợp tác, Tài sản gắn liền với đất hợp tác

1. Bên A sẽ bàn giao Khu đất hợp tác và Tài sản gắn liền với đất cho Bên B vào ngày 17/7/2017.

2. Vào Ngày bàn giao, các bên sẽ cùng nhau lập một biên bản bàn giao Tài sản trên đất gắn liền với Khu đất hợp tác kinh doanh ("**Biên bản bàn giao**"). Biên bản bàn giao sau khi ký sẽ được đính kèm theo Hợp đồng này và là một phần không thể tách

rời của Hợp đồng này. Sau khi ký Biên bản bàn giao, Bên B sẽ chính thức tiếp nhận căn nhà, tài sản gắn liền với phần diện tích đất hợp tác từ Bên A.

3. Vào Ngày hết hạn của Hợp đồng hay bất cứ ngày hết hạn nào của thời gian gia hạn, Bên B sẽ để lại toàn bộ cơ sở hạ tầng của Bên B cho Bên A tại thời điểm đó.

4. Trong vòng 07 (bảy) ngày kể từ ngày hết hạn Hợp đồng này, Hai bên sẽ cùng nhau lập một biên bản thanh lý Hợp đồng ("**Biên bản thanh lý**"). Ngoài các nội dung khác, Biên bản thanh lý sẽ bao gồm xác nhận của Bên A về việc đã nhận lại phần diện tích đất hợp tác với bên B và toàn bộ tài sản gắn liền với đất của Bên B tại thời điểm đó.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

1. Bên A có các quyền sau đây:

a) Nhận đủ tiền phân chia lợi nhuận từ việc hợp tác theo đúng kỳ hạn theo Điều 3 của Hợp đồng này;

b) Kể từ ngày bàn giao Tài sản trên đất và Khu đất hợp tác bên A không tham gia vào việc sửa chữa, xây dựng của bên B; nhưng bên B lên bản thiết kế để bên A biết quyền sửa chữa như thế nào. Hai bên đồng ý ký tên lên biên bản.

c) Được thu hồi lại Khu đất hợp tác và tài sản gắn liền với đất sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng này;

d) Đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng nhưng phải thông báo trước cho Bên B biết trước 01 tháng bằng văn bản, nếu Bên B có một trong các hành vi sau đây:

- Không thanh toán tiền lợi nhuận quá 02 tháng mà không có lý do chính đáng;
- Sử dụng đất hợp tác hoặc kinh doanh không đúng mục đích hợp tác.

2. Bên A có các nghĩa vụ sau đây:

a) Bàn giao Khu đất hợp tác và Tài Sản gắn liền với đất hợp tác trong tình trạng không có người sử dụng cho Bên B và ký biên bản bàn giao vào Ngày bàn giao.

b) Đảm bảo cam kết cho Bên B có quyền sử dụng căn nhà gắn liền với Khu đất hợp tác trọn vẹn, riêng biệt và không tranh chấp trong suốt thời hạn hợp tác và các thời hạn gia hạn sau đó (nếu có).

c) Bên A hỗ trợ và Bên B đứng ra xin giấy phép xây dựng. Trường hợp sau khi đã có giấy phép xây dựng mà trong quá trình thi công bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đình chỉ thi công vì các lý do như: hành lang lộ giới, quy hoạch, giải tỏa... thì khi đó hai bên ngồi lại thỏa thuận phương án giải quyết theo nguyên tắc có lợi cho cả hai bên. Nếu không thống nhất được thì hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng. Bên A trả lại tiền đảm bảo nghĩa vụ thực hiện hợp đồng và tiền thanh toán trước (nếu có) cho Bên B. Bên A không tính tiền phân chia lợi nhuận trong khoảng thời gian này.

d) Hỗ trợ cho Bên B trong các thủ tục hợp đồng với các đơn vị cung cấp điện, nước, điện thoại, internet...trong trường hợp Bên B có yêu cầu.

Điều 6. Nghĩa vụ và quyền của bên B

1. Bên B có các quyền sau đây:

a) Nhận bàn giao Khu đất hợp tác và Tài sản gắn liền với đất hợp tác với Bên A theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng này;

b) Bên B đứng ra xin giấy phép xây dựng để trưng bày sản phẩm kinh doanh.

c) Được ưu tiên ký hợp đồng hợp tác tiếp khi hết hạn hợp đồng với điều kiện tiền lợi nhuận sẽ thỏa thuận lại trong trường hợp Bên A vẫn tiếp tục có nhu cầu hợp tác kinh doanh;

1110
GTY
P
CH
NG
AN QU

17354
TY
IÁN
GIỚI
NG
CH

d) Được toàn quyền xây dựng, sửa chữa, cải tạo, trang trí nội ngoại thất... trong phạm vi phần diện tích đất hợp tác với Bên A phù hợp với yêu cầu sử dụng của Bên B

e) Bên B được lắp đặt đăng ký đồng hồ điện nước mới, và tự thanh toán tiền điện nước với cơ quan cung cấp điện nước.

f) Được đặt bảng, biển hiệu (bảng quảng cáo) của Bên B trên toàn bộ không gian của phạm vi mặt tiền của căn nhà gắn liền phần diện tích đất hợp tác với Bên A, Bên B chịu trách nhiệm xin cấp giấy phép đặt bảng quảng cáo theo quy định và chịu hoàn toàn trách nhiệm dân sự liên quan đến việc đảm bảo an toàn trong quá trình sử dụng; Ngoài ra Bên A chịu trách nhiệm cho bên B trong việc Bên B treo gắn bảng hiệu lên toàn bộ mặt tiền của căn nhà gắn liền phần diện tích đất hợp tác ngay trên mặt bằng Bên A.

g) Được nhận tiền đền bù chi phí công trình hạ tầng kỹ thuật do Bên B đã đầu tư để hình thành cửa hàng kinh doanh trong trường hợp nhà đất hợp tác bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải tỏa hoặc thu hồi quyền sử dụng đất (nếu Nhà nước có bồi hoàn).

2. Bên B có các nghĩa vụ sau đây:

a) Nhận phần diện tích đất và tài sản gắn liền với đất hợp tác với Bên A theo đúng thỏa thuận của hợp đồng này;

b) Thanh toán tiền lợi nhuận đúng kỳ hạn đã thỏa thuận;

c) Đảm bảo công tác phòng cháy chữa cháy, nếu xảy ra cháy nổ do Bên B gây ra thì Bên B phải có trách nhiệm khắc phục hoặc bồi thường các thiệt hại cho Bên A và cho các Bên liên quan khác.

d) Khi hết hạn hợp đồng hai bên không hợp tác nữa thì Bên B phải để lại toàn bộ cơ sở hạ tầng cho Bên A tại thời điểm đó.

e) Thanh toán các chi phí sử dụng điện, nước, điện thoại, internet... cho các nhà cung cấp do Bên B hợp đồng cung cấp theo mức tiêu thụ, sử dụng thực tế trong thời gian hợp tác;

f) Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động kinh doanh của mình.

Điều 7. Chấm dứt hợp đồng

1. Chấm dứt Hợp đồng trong các trường hợp sau:

a- Kết thúc thời hạn hợp tác mà các bên không tiếp tục gia hạn;

b- Đất hợp tác bị thu hồi/giải tỏa toàn bộ theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của Bên A;

c- Trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Điều 8 dưới đây.

d- Một trong các bên phải ngừng hoạt động theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

e- Chấm dứt hợp đồng trong các trường hợp tại điều này thì Bên B có trách nhiệm để lại phần xây dựng cơ bản cho Bên A. Bên A có trách nhiệm trả lại số tiền lợi nhuận cho Bên B nếu tiền lợi nhuận Bên B thanh toán trước vẫn còn mà thời gian hợp tác chưa sử dụng đến và Bên A trả lại số tiền đảm bảo nghĩa vụ thực hiện hợp đồng.

2. Đơn phương chấm dứt hợp đồng:

a) Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng này nhưng thông báo cho Bên B trước 03(ba) tháng nếu xảy ra một trong các trường hợp sau:

(i) Bên B sử dụng phần diện tích đất và tài sản gắn liền với đất hợp tác với bên A không đúng mục đích nêu tại Hợp đồng này;

(ii) Bên B chậm thanh toán tiền lợi nhuận quá hai (02) tháng kể từ ngày đến hạn;

b) Bên B có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng này nhưng thông báo cho Bên A biết trước 03 (ba) tháng nếu xảy ra một trong các trường hợp sau:

(i) Bên A tăng tiền lợi nhuận không đúng thỏa thuận tại hợp đồng này;

(ii) Gây khó khăn trở ngại ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Bên B.

(iii) Ngân hàng xử lý nợ, hoặc lợi ích của bên thứ 03 phải xử lý quyền sử dụng đất và tài sản làm ảnh hưởng đến kinh doanh của Bên B.

Trong trường hợp này Bên A phải bồi thường cho Bên B các chi phí theo quy định tại Khoản 7.3 (ii).

3. Nếu Bên A đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn ngoài quy định tại điểm a khoản 2 điều 7 thì:

(i) Bên A phải thông báo trước cho Bên B biết trước 3(ba) tháng bằng văn bản.

(ii) Bên A phải bồi thường cho Bên B các khoản sau:

+ Toàn bộ chi phí xây dựng, sửa chữa, cải tạo lại phần diện tích đất hợp tác hợp lý (tính theo giá trị còn lại sau thời gian sử dụng);

+ Trả lại số tiền đảm bảo nghĩa vụ thực hiện hợp đồng và tiền lợi nhuận Bên B đã thanh toán nhưng chưa sử dụng còn lại;

+ Bồi thường một số tiền bằng 10% doanh thu bình quân 03 tháng của bên B tại địa điểm hai bên hợp tác trước ngày hủy hợp đồng nhân với số tháng còn lại tính đến ngày hợp đồng hết thời hạn (Doanh thu căn cứ theo tờ khai với cơ quan thuế)

(iii) Ngoài ra Bên A đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp Bên B đang trong quá trình xây dựng, cải tạo, sửa chữa lắp đặt trang thiết bị, chưa kinh doanh mua bán thì Bên A phải bồi thường cho Bên B toàn bộ chi phí đã đầu tư xây dựng, cải tạo, lắp đặt các trang thiết bị và bồi thường cho Bên B thêm một khoản tiền bằng tương đương 06 tháng tiền lợi nhuận theo thỏa thuận mà Bên B chi trả cho Bên A trong hợp đồng này. (Tất cả tiền xây dựng sửa chữa đều có chứng từ để đảm bảo công bằng khi có sự cố).

4. Nếu Bên B đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn ngoài quy định tại điểm b khoản 2 điều 7 thì:

a) Bên B phải thông báo trước cho Bên A biết trước 1 (một) tháng bằng văn bản:

Mất số tiền đảm bảo nghĩa vụ thực hiện hợp đồng và để lại toàn bộ phần xây dựng cơ bản trên phần diện tích đất hợp tác cho Bên A.

b) Trong trường hợp Nhà nước thu hồi một phần căn nhà gắn liền diện tích đất hợp tác dẫn đến phần diện tích căn nhà gắn liền đất hợp tác còn lại thấp hơn diện tích căn nhà gắn liền với đất hợp tác tại thời điểm Bên A bàn giao thì:

(i). Bên A thêm một phần diện tích khác vào phần diện tích bị mất đi để đảm bảo đủ diện tích hợp tác như ban đầu; hoặc

(ii). Bên A và bên B điều chỉnh tiền lợi nhuận theo tỷ lệ diện tích đất hợp tác sử dụng thực tế; hoặc

(iii). Bên B trả lại đất hợp tác cho Bên A nếu phần diện tích còn lại không đảm bảo cho yêu cầu hoạt động kinh doanh. Trong trường hợp này, hợp đồng được chấm dứt theo khoản 1 điều 7 của hợp đồng này và được xem như trường hợp bất khả kháng.

Điều 8. Trường hợp bất khả kháng

1. Bất khả kháng là sự kiện có tính chất bất thường xảy ra nằm ngoài tầm kiểm soát của bất kỳ bên nào, bao gồm nhưng không giới hạn như: Động đất, chiến tranh,



công trình lân cận làm giảm sút khả năng tiếp cận hoặc nhận diện mặt bằng (Nhà nước làm cầu vượt, làm đường sắt đường bộ trên không)...

2. Bên không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ theo Hợp đồng này sẽ được miễn trách nhiệm nếu chứng minh rằng:

a) Sự kiện bất khả kháng là nguyên nhân trực tiếp cho việc không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các nghĩa vụ theo Hợp đồng của mình;

b) Đã kịp thời thông báo cho bên kia bằng văn bản về sự kiện bất khả kháng trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ lúc xảy ra sự kiện bất khả kháng đó.

Điều 9. Luật áp dụng và giải quyết tranh chấp

1. Hợp đồng này được giải thích và điều chỉnh theo quy định của pháp luật Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Trong trường hợp có tranh chấp phát sinh từ và/hoặc liên quan đến Hợp đồng này, hai Bên cố gắng giải quyết mọi tranh chấp thông qua thương lượng, hòa giải.

3. Trường hợp không đạt được thỏa thuận bằng thương lượng hòa giải, tranh chấp sẽ được đưa ra Tòa án có thẩm quyền để giải quyết, nếu không giải quyết được thì hai bên có thể đưa ra Tòa án cao hơn nữa để giải quyết. Bên thua kiện phải chịu toàn bộ án phí, lệ phí và các chi phí phát sinh liên quan đến việc giải quyết tranh chấp theo phán quyết của Tòa án.

Điều 10. Các điều khoản khác

1. Mọi sửa đổi, bổ sung Hợp đồng đều phải được lập thành văn bản có chữ ký của đại diện có thẩm quyền của hai Bên;


2. Các Phụ lục, Biên bản bàn giao, Biên bản thanh lý... là một phần không tách rời của Hợp đồng;

3. Hai Bên cam kết các pháp lý liên quan, pháp nhân đại diện là được quyền hợp tác, được quyền ký trong hợp đồng này là hợp pháp đúng theo quy định của Nhà nước và thẩm quyền của hai Bên. Cam kết thực hiện đầy đủ các Điều khoản của Hợp đồng này;

4. Hợp Đồng này được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi bản có 08 (tám) trang. Có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 02 bản;

5. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

BÊN A *Thanh*
GIÁM ĐỐC
[Signature]
Nguyễn Chí Thành



BÊN B
CÔNG TY
CỔ PHẦN
THẾ GIỚI
DI ĐỘNG
[Signature]
Nguyễn Vũ Linh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN ĐỐI CHIẾU
VIỆC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT TRONG VÀ SAU QUÁ TRÌNH CPH
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG

Thực hiện Quyết định số 2283/QĐ-KTNN ngày 04/12/2018 của Tổng Kiểm toán nhà nước về việc Kiểm toán việc quản lý, sử dụng đất trong và sau quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2011-2017 của các tỉnh An Giang, Bến Tre, Đồng Tháp, Tiền Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long. Tổ kiểm toán tại tỉnh An Giang thuộc Đoàn kiểm toán việc quản lý, sử dụng đất trong và sau CPH DNNN giai đoạn 2011-2017 của Kiểm toán nhà nước Khu vực IX đã tiến hành đối chiếu Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang từ ngày 14/12/2018 đến ngày 20/12/2018.

Hôm nay, ngày 26 tháng 12 năm 2018, tại Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang, chúng tôi gồm:

A. Tổ Kiểm toán Nhà nước

- | | |
|----------------------------|--|
| 1. Bà Lê Mộng Vân | Tổ trưởng Tổ kiểm toán;
Kiểm toán viên chính; Số hiệu thẻ KTVNN: B 0321 |
| 2. Bà Lê Thị Thúy Ngoan | Kiểm toán viên; Số hiệu Thẻ KTVNN: C 0903 |
| 3. Ông Nguyễn Thành Nội | Kiểm toán viên; Số hiệu Thẻ KTVNN: C 0431 |
| 4. Ông Nguyễn Hữu Hòa | Kiểm toán viên; Số hiệu Thẻ KTVNN: C 1139 |
| 5. Ông Nguyễn Thanh Phương | Kiểm toán viên; Số hiệu Thẻ KTVNN: C 0906 |
| 6. Ông Nguyễn Hữu Trường | Kiểm toán viên; Số hiệu Thẻ KTVNN: C 0905 |
| 7. Bà Đỗ Thị Xuân Liễu | Kiểm toán viên; Số hiệu Thẻ KTVNN: C 0901 |
| 8. Ông Đoàn Quốc Hưng | Chuyên viên |

B. Đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang

- | | |
|---------------------------|----------------------------|
| 1. Ông Nguyễn Trọng Thành | - Chức vụ: Phó Giám đốc Sở |
| 2. Ông Lê Văn Đầy | - Chức vụ: Chuyên viên. |

C. Đại diện Cục Thuế tỉnh An Giang

- | | |
|-----------------------|--------------------------------------|
| 1. Ông Bùi Thanh Bình | - Chức vụ: Phó Cục trưởng Cục Thuế |
| 2. Ông Ngô Duy Trinh | - Chức vụ: Chuyên viên Phòng THNV-DT |

D. Đại diện Sở Tài chính tỉnh An Giang

- | | |
|------------------------|------------------------------------|
| 1. Ông Nguyễn Diễm Tân | - Chức vụ: Phó Giám đốc |
| 2. Ông Trần Đình Thư | - Chức vụ: Phó trưởng phòng TCDN |
| 3. Ông Nguyễn Văn Lành | - Chức vụ: Phó trưởng phòng Giá CS |

E. Đại diện Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang

1. Ông Trần Văn Thái - Chức vụ: Phó Giám đốc

2. Bà Phan Thị Tuyết Văn - Chức vụ: Quyền trưởng phòng TCKT

Cùng xác nhận số liệu và tình hình đối chiếu tại đơn vị làm căn cứ pháp lý cho việc lập Báo cáo kiểm toán của KTTN.

I. NỘI DUNG ĐỐI CHIẾU

- Việc tuân thủ phương án sử dụng đất theo phương án sử dụng đất đã được phê duyệt;

- Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất của đơn vị.

- Đánh giá hiệu quả quản lý sử dụng đất trong và sau cổ phần hóa doanh nghiệp.

- Việc xây dựng phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa; phê duyệt của các cơ quan chức năng có thẩm quyền đối với phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa của doanh nghiệp.

- Đối chiếu sự phù hợp của Phương án sử dụng đất so với Kế hoạch sản xuất kinh doanh; đặc điểm ngành nghề kinh doanh, quy mô hoạt động, tính chất ngành nghề của doanh nghiệp cổ phần hóa của công ty cổ phần sau cổ phần hóa.

- Đối chiếu sự phù hợp của phương án sử dụng đất với quy hoạch sử dụng đất của địa phương.

- Tình hình sử dụng đất trong khi và sau cổ phần hóa tại các doanh nghiệp nhà nước, trong đó tập trung các nội dung: Việc kiểm kê, thực hiện rà soát đất đai trước khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

II. PHẠM VI, GIỚI HẠN ĐỐI CHIẾU

1. Phạm vi đối chiếu

- Thời kỳ được đối chiếu: Giai đoạn 2011-2017 và các thời kỳ trước, sau có liên quan.

- Đơn vị được đối chiếu: Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang.

2. Giới hạn đối chiếu

- Không thực hiện đối chiếu đối với các dự án chuyển đổi mục đích sử dụng đất của các doanh nghiệp đã được Kiểm toán nhà nước kiểm toán và Thanh tra Chính phủ thanh tra.

- Tổ kiểm toán thực hiện đối chiếu trên cơ sở chọn mẫu các hồ sơ, số liệu, tài liệu do Công ty cung cấp. Không đo đạc, kiểm tra diện tích thực tế của khu đất của Công ty đang quản lý, sử dụng.

- Không thực hiện đối chiếu đối với nội dung: Đánh giá việc đã có chủ trương hoặc đã thực hiện chuyển đổi mục đích SDD (chuyển nhượng, bán, liên doanh, các diện tích đất hợp tác kinh doanh để thực hiện các dự án đầu tư...); việc xác định giá trị quyền SDD với diện tích đất DN đã sử dụng để góp vốn thành lập pháp nhân mới theo quy định tại Khoản 4 Điều 31 được sửa đổi bởi Khoản 6 Điều 1 Nghị định số 189/2013/NĐ-CP". Lý do, theo báo cáo của Sở Tài nguyên và Môi trường, Địa phương không phát sinh nội dung trên.

3. Căn cứ đối chiếu

- Luật Kiểm toán Nhà nước, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Kế toán và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

- Hệ thống Chuẩn mực kiểm toán, Quy trình kiểm toán, Quy chế Tổ chức và hoạt động Đoàn kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

Biên bản đối chiếu được lập trên cơ sở các bằng chứng kiểm toán và các tài liệu có liên quan.

PHẦN THỨ NHẤT KẾT QUẢ ĐỐI CHIẾU

I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CỔ PHẦN HÓA CỦA DOANH NGHIỆP

Ngày 15 tháng 4 năm 2005, UBND tỉnh An Giang có Quyết định số 937/QĐ-CTUB về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Cơ khí An Giang.

Theo Quyết định số 684/QĐ-UBND của UBND tỉnh An Giang ngày 08/03/2007 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Cơ khí An Giang thành công ty cổ phần với vốn điều lệ là 19.427.170.000 đồng, vốn điều lệ này được xác định bằng chứng thư thẩm định giá của Trung tâm Thông tin và Thẩm định giá miền nam thuộc Bộ Tài chính cấp (giá trị này được xác định vào 31/12/2004).

Ngày 7/12/2017 Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600111049. Sau khi cổ phần hóa Công ty có vốn điều lệ 19.427.170.000 đồng (theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600111049 cấp lần đầu ngày 07/12/2007).

II. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT CỦA DOANH NGHIỆP TRONG VÀ SAU CỔ PHẦN HÓA

1. Việc tuân thủ phương án sử dụng đất theo phương án sử dụng đất đã được phê duyệt

Theo báo cáo của Công ty không xây dựng riêng phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa doanh nghiệp. Các phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa được thể hiện trong Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31/12/2004 vào ngày 10/7/2006. Phương án sử dụng đất của Công ty thuê đất để tiếp tục sản xuất kinh doanh theo Thông báo số 166/TB-UBND ngày 24/10/2006.

2. Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất của Đơn vị

Công ty có 04 hợp đồng thuê đất nộp tiền hàng năm, tất cả 04 hợp đồng đã hết thời hạn ổn định đơn giá thuê đất 05 năm nhưng chưa được ký lại hợp đồng hoặc phụ lục hợp đồng điều chỉnh đơn giá thuê đất theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Hợp đồng số 35/HĐ.TĐ ngày 11/4/2012 đã hết thời hạn ổn định đơn giá thuê đất 05 năm

ngày 11/4/2017; hợp đồng số 48/HĐ.TĐ ngày 30/5/2012 đã hết thời hạn ổn định đơn giá thuê đất 05 năm ngày 30/5/2017; hợp đồng số 16/HĐ.TĐ ngày 31/5/2013 đã hết thời hạn ổn định đơn giá thuê đất 05 năm ngày 21/5/2018 và Hợp đồng 17/HĐ.TĐ ngày 31/5/2013 đã hết thời hạn ổn định đơn giá thuê đất 05 năm ngày 11/4/2018.

Các hợp đồng thuê đất qua các thời kỳ ổn định 5 năm chưa được ký lại kịp thời như sau:

- Hợp đồng thuê đất số 35/HĐ.TĐ ngày 11/4/2012 với diện tích 8.052 m² và được ký phụ kiện hợp đồng số 72/HĐ.TĐ ngày 01/11/2012 xác định: Vị trí 1 diện tích 1.862 m² với giá tiền thuê đất là 112.000 đồng/m²/năm, vị trí 2 diện tích 6.190 m² với giá tiền thuê đất là 67.200 đồng/m²/năm. Hợp đồng này thay thế hợp đồng số 03/HĐ.TĐ ngày 05/3/2001. Hợp đồng được chậm ký lại sau khi hết thời gian ổn định đơn giá thuê đất 5 năm theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 và Khoản 6 Điều 2 Nghị định 121/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010.

- Hợp đồng thuê đất số 48/HĐ.TĐ ngày 30/5/2012 với diện tích 18.577,4 m², xác định: Vị trí 1 diện tích 3.378,3 m² với giá tiền thuê đất 100.800/đồng/m²/năm, vị trí 2 diện tích 15.199,1 m² với giá tiền thuê đất là 60.480/đồng/m²/năm. Hợp đồng này thay thế hợp đồng số 04/HĐ.TĐ ngày 05/3/2001. Hợp đồng được chậm ký lại sau khi hết thời gian ổn định đơn giá thuê đất 5 năm theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 và Khoản 6 Điều 2 Nghị định 121/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010.

- Hợp đồng thuê đất số 16/HĐ.TĐ ngày 31/5/2013 với diện tích 3.776,6 m² giá tiền thuê đất 420.000 đồng/m²/năm. Hợp đồng này thay thế hợp đồng số 11/HĐ.TĐ ngày 25/4/2008.

- Hợp đồng thuê đất số 17/HĐ.TĐ ngày 31/5/2013 với diện tích 89,8 m² giá tiền thuê đất 18.200 đồng/m²/năm. Hợp đồng này thay thế hợp đồng số 13/HĐ.TĐ ngày 30/5/2008.

* Tình hình thông báo và nộp tiền thuê đất từ năm 2011 đến năm 2017

Từ năm 2011 đến 2017, còn có trường hợp Công ty chậm nộp tiền thuê đất theo các Thông báo nộp tiền thuê đất của Cục Thuế tỉnh An Giang¹.

¹ - Năm 2011, Cục Thuế có Thông báo nộp tiền thuê đất số 201/TB-KK&KTT ngày 25/4/2011 số tiền 157.170.720 đồng và Công ty đã nộp tiền kỳ 1 vào ngày 13/5/2011 chậm so với ngày thông báo của Cục Thuế ngày 04/5/2011 và kỳ 2 vào ngày 16/12/2011 chậm so với ngày thông báo của Cục Thuế ngày 01/10/2011.

- Năm 2012, Cục Thuế có Thông báo nộp tiền thuê đất số 91/TB-KK&KTT ngày 25/4/2012 số tiền 157.170.720 đồng và Công ty đã nộp tiền kỳ 1 vào ngày 04/5/2012 và ngày 26/11/2012 chậm so với ngày thông báo của Cục Thuế ngày 01/10/2011.

- Năm 2013, Cục Thuế có Thông báo nộp tiền thuê đất số 269/TB-KK&KTT ngày 09/5/2013 số tiền 995.368.164 đồng và Công ty đã nộp tiền 03 kỳ: Nộp tiền thuê đất lần 03/2012 là 91.615.466 đồng ngày 12/5/2013, nộp 50% tiền thuê đất năm 2013 là 157.170.720 ngày 30/5/2013, nộp tiền thuê đất còn lại của năm 2013 là 137.298.646 đồng ngày 03/10/2013.

- Năm 2014, Thông báo nộp tiền thuê đất kỳ 1 số 148/TB-KK&KTT ngày 29/4/2014 và Công ty nộp ngày 15/5/2014 số tiền 145.225.920 đồng. Thông báo nộp tiền thuê đất kỳ 2 số 163/TB-KK&KTT ngày 29/4/2014 và Công ty nộp ngày 07/10/2014 số tiền 145.225.920 đồng.

- Năm 2015, Thông báo nộp tiền thuê đất kỳ 1 số 183/TB-KK&KTT ngày 27/4/2015 và Công ty nộp ngày 26/5/2015 số tiền 995.368.164 đồng. Thông báo nộp tiền thuê đất kỳ 2 số 426/TB-KK&KTT ngày 09/9/2015 và Công ty nộp ngày 21/10/2015 số tiền 995.368.164 đồng.

- Năm 2016, Thông báo nộp tiền thuê đất kỳ 1 số 201/TB-KK&KTT ngày 29/4/2016 và Công ty nộp ngày 24/5/2016 số tiền 995.368.164 đồng. Thông báo nộp tiền thuê đất kỳ 2 số 618/TB-KK&KTT ngày 21/9/2016 và Công ty nộp ngày 19/10/2016 số tiền 995.368.164 đồng.

- Năm 2017, Thông báo nộp tiền thuê đất kỳ 1 số 414/TB-KK&KTT ngày 26/4/2017 và Công ty nộp ngày 18/5/2017 số tiền 995.368.164 đồng. Thông báo nộp tiền thuê đất kỳ 2 số 646/TB-KK&KTT ngày 26/9/2017 số tiền 995.368.164 đồng và Công ty nộp ngày 19/10/2017 số tiền 63.022.435 đồng và Giấy đề nghị điều chỉnh thu ngân sách từ thuế GTGT vãng lại người nộp thuế được phép nộp tiền thuê đất 932.365.720 đồng.

3. Đánh giá hiệu quả quản lý sử dụng đất trong và sau cổ phần hóa doanh nghiệp

- Công ty chưa tích cực ký lại hợp đồng hoặc phụ lục hợp đồng điều chỉnh đơn giá thuê đất đối với 04 hợp đồng sau khi hết thời gian ổn định đơn giá thuê đất 05 năm theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005, Khoản 6 Điều 2 Nghị định 121/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 và Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP.

- Công ty sử dụng đất chưa thực sự hiệu quả: còn cho đơn vị khác sử dụng một phần diện tích khu đất làm mục đích khác (bãi gửi xe, căn tin cà phê); sử dụng đất chưa hiệu quả (khu đất diện tích 3.776 m² từ đầu năm 2018 bỏ trống không sử dụng vào mục đích đóng mới, sửa chữa sà lan).

4. Việc xây dựng phương án SDD khi CPH; phê duyệt của các cơ quan chức năng có thẩm quyền đối với phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa của doanh nghiệp (nếu có)

Tại thời điểm chuyển Công ty cơ khí An Giang thành công ty cổ phần theo Quyết định số 684/QĐ-UBND ngày 08/03/2007 của UBND tỉnh An Giang, Công ty không lập phương án sử dụng đất do văn bản pháp luật chưa quy định.

5. Đối chiếu sự phù hợp của Phương án SDD so với Kế hoạch SXKD; đặc điểm ngành nghề kinh doanh, quy mô hoạt động, tính chất ngành nghề của DN CPH của công ty cổ phần sau CPH

Tại thời điểm chuyển công ty Cơ khí An Giang thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 684/QĐ-UBND ngày 08/03/2007 của UBND tỉnh An Giang, đơn vị không lập phương án sử dụng đất do chưa có văn bản pháp luật quy định.

Quá trình quản lý và sử dụng các thửa đất: Trước cổ phần hóa gồm 04 thửa với tổng diện tích 31.872,90 m². Trong và sau cổ phần hóa gồm 05 thửa (tăng 01 thửa do đơn vị nhận chuyển nhượng đất của một số hộ dân). Các thửa đất Công ty đang quản lý, sử dụng cơ bản phù hợp với đặc điểm ngành nghề kinh doanh. Tuy nhiên qua thực tế kiểm tra hiện trạng các khu đất nhận thấy Công ty hợp tác kinh doanh với một số tổ chức, cá nhân; một khu đất từ đầu tháng 02/2018 chưa được sử dụng theo mục đích kinh doanh chính (đóng sà lan) (chi tiết tại Mục "9. Các nội dung khác").

6. Đối chiếu sự phù hợp của phương án SDD với quy hoạch SDD của địa phương

Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang không xây dựng phương án sử dụng đất khi xác định giá trị doanh nghiệp chuyển đổi cổ phần do Công ty thực hiện cổ phần hóa theo quy định tại Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ, Nghị định không quy định xây dựng phương án sử dụng đất khi xác định giá trị doanh nghiệp.

7. Việc kiểm kê, thực hiện rà soát đất đai trước khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa

Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang được Công ty Cổ phần Thông tin và

Thẩm định giá miễn nam xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2004. Theo báo cáo, Công ty không thực hiện kiểm kê, rà soát đất đai trước khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

Căn cứ các hồ sơ pháp lý liên quan đến các thửa đất của Công ty cung cấp, ghi nhận nội dung sau:

Thời điểm trước khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa, Công ty quản lý sử dụng các thửa đất sau:

- Thửa đất số 5, tờ bản đồ số 23 tại Phường Bình Khánh, Long Xuyên, An Giang; diện tích 18.577,4 m²; mục đích sử dụng đất: đất cơ sở sản xuất kinh doanh; nguồn gốc sử dụng đất: thuê đất trả tiền hàng năm. Hợp đồng thuê đất số 04/HĐ-TĐ ngày 5/3/2001, hợp đồng thuê đất ký lại số 48/HĐ.TĐ ngày 30/5/2012;

- Thửa đất số 1, tờ bản đồ số 6 tại Phường Mỹ Thới, Long Xuyên, An Giang; diện tích 3.776,6 m²; mục đích sử dụng đất: đất cơ sở sản xuất kinh doanh; nguồn gốc sử dụng đất: thuê đất trả tiền hàng năm. Hồ sơ pháp lý: Hợp đồng thuê đất số 13/HĐ.TĐ ngày 30/5/2008, hợp đồng thuê đất ký lại số 16/HĐ.TĐ ngày 31/5/2013;

- Thửa đất số 41, tờ bản đồ số 12 tại Phường Mỹ Long, Long Xuyên, An Giang; diện tích 89,8 m²; mục đích sử dụng đất: đất cơ sở sản xuất kinh doanh; nguồn gốc sử dụng đất: thuê đất trả tiền hàng năm. Hồ sơ pháp lý: Quyết định số 678/QĐ-UBND ngày 11/4/2008 của UBND tỉnh An Giang về việc cho Công ty CP Cơ khí An Giang thuê đất, hợp đồng thuê đất số 11/HĐ.TĐ ngày 24/5/2008, hợp đồng thuê đất ký lại số 17/HĐ.TĐ ngày 31/5/2013;

- Thửa đất tại Phường Mỹ Quý, Long Xuyên, An Giang; diện tích 8.052,2 m²; mục đích sử dụng đất: đất cơ sở sản xuất kinh doanh 7.162,2 m², đất có mặt nước chuyên dùng 890 m²; nguồn gốc sử dụng đất: thuê đất trả tiền hàng năm. Hồ sơ pháp lý: Hợp đồng thuê đất số 03/HĐ.TĐ ngày 5/3/2001, hợp đồng thuê đất ký lại số 72/HĐ.TĐ ngày 11/4/2012.

8. Việc xác định giá trị quyền sử dụng đất trong giá trị DN của DN CPH

Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp ngày 10/7/2006 xác định giá trị của Công ty Cơ khí An Giang tại thời điểm ngày 31/12/2004 theo phương pháp tài sản do đại diện Sở Tài chính, đại diện Công ty Thông tin và Thẩm định giá Miền nam cùng Công ty Cơ khí An Giang (nay là Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang) thực hiện. Giá trị doanh nghiệp của Công ty CP Cơ khí khi xác định giá trị doanh nghiệp chuyển sang công ty cổ phần không bao gồm giá trị quyền sử dụng đất công ty đang quản lý sử dụng theo Thông báo số 166/TB-UBND ngày 24/10/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang. Tuy nhiên theo Bản thỏa thuận ngày 08/11/2004 ghi nhận trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp ngày 30/11/2004 công ty có chuyển tiền cho ông Nguyễn Thanh Quang để chuyển nhượng 02 lô đất với diện tích 9233,8 m² và 215 m² thuộc Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số 01155/QSDD/Aa và 01125/QSDD/aA do UBND thành phố Long Xuyên cấp. Tính đến hết ngày 31/12/2004 Công ty đã chi trả cho bên bán số tiền 500.000.000 đồng (hạch toán Có 111/ Nợ 3311)² và khi xác định giá trị doanh nghiệp được trừ khỏi vốn nhà nước do theo dõi nợ phải trả. Dẫn đến việc xác định vốn nhà nước tại Công ty Cơ khí An Giang chuyển đổi sang công ty cổ phần thiếu số tiền 500.000.000 đồng.

9. Các nội dung khác

Qua kiểm tra thực tế hiện trường và xem xét các tài liệu có liên quan do Công ty cung cấp, Tổ KTNN nhận thấy:

- Một phần diện tích đất được Công ty CP Cơ khí An Giang cho Sở Tài nguyên Môi trường An Giang làm bãi gửi xe (tại Thửa đất số 5, tờ bản đồ số 23 tại Phường Bình Khánh, Long Xuyên, An Giang);

- Khu đất tại Phường Mỹ Thới, Long Xuyên, An Giang diện tích 3.776,6 m² theo báo cáo của Công ty từ tháng 1/2018 không có hoạt động sản xuất kinh doanh do tình hình ký kết hợp đồng đóng mới, sửa chữa sà lan gặp nhiều khó khăn;

- Công ty CP Cơ khí An Giang cho cá nhân³ nhận khoán bán căn tin từ 1/10/2018 trên một phần diện tích đất được Nhà nước cho thuê;

- Công ty CP Cơ khí An Giang hợp tác kinh doanh với một số tổ chức, cá nhân⁴ thuê trên diện tích đất được Nhà nước cho thuê. Tổng doanh thu từ hoạt động này từ khi cho thuê đến tháng 12/2018 là 724,5 trđ (trong đó Công ty CP Thế giới di động 571,8 trđ; Ông Ngô Hoàng Nhật Khánh 152,7 trđ). Bản chất việc hợp tác kinh doanh (hợp đồng BCC) này là cho thuê lại tài sản gắn liền với đất. Việc cho thuê lại tài sản gắn liền với đất được Nhà nước cho thuê này không đúng quy định tại Tiết b Điểm 1.6 Khoản 1 Điều 44 Thông tư số 200/2014/TT-BTC⁵ và quy định tại Điều 19 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP⁶. Tổ kiểm toán xác định số tiền có được từ việc cho thuê lại tài sản gắn liền với đất được Nhà nước cho thuê phải nộp vào NSNN từ khi cho thuê đến tháng 12/2018 của các mặt bằng, nhà đất (đã trừ tiền thuê đất) số tiền 604.659.255 đồng. Tuy nhiên do đơn vị đã nộp thuế TNDN đối với khoản tiền này, do vậy Tổ kiểm toán kiến nghị đơn vị nộp vào Ngân sách số tiền $80\% \times 604.659.255đ = 483.727.404đ$.

² Phiếu chi số 38/c ngày 08/11/2004 chi đợt 1 đặc cục tiền mua đất cho công ty Cơ khí số tiền 350.000.000 đồng và Phiếu chi số 147/c ngày 20/11/2004 chi đợt 2 Công ty mua đất số tiền 150.000.000 đồng

³ Cá nhân Ông Nguyễn Hoàng Phong

⁴ Công ty CP Thế giới di động, Ông Ngô Hoàng Nhật Khánh

⁵ Bộ Trường hợp BCC quy định chia lợi nhuận sau thuế, bên thực hiện kế toán và quyết toán thuế phải căn cứ vào bản chất của hợp đồng để kê toán một cách phù hợp theo nguyên tắc:

- Nếu BCC quy định các bên khác tham gia BCC được hưởng một khoản lợi nhuận cố định mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng, trường hợp này mặc dù hình thức pháp lý của hợp đồng là BCC nhưng bản chất của hợp đồng là thuê tài sản

⁶ Điều 19. Tỷ lệ cho thuê tài sản gắn liền với đất được Nhà nước cho thuê thu tiền thuê đất hằng năm

1. Phát tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức và nghiệp công lập có hành vi tự cho thuê tài sản gắn liền với đất được Nhà nước cho thuê thu tiền thuê đất hằng năm.

2. Điều pháp khác phục hữu quả.

Được nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này

II. VIỆC THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN TRONG QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI TRƯỚC VÀ SAU KHI CỔ PHẦN HÓA

1. Sở Tài nguyên và Môi trường (Sở TN&MT)

Sở TN&MT chưa thực hiện phối hợp với các đơn vị liên quan để xác định đơn giá và ký lại các hợp đồng thuê đất đã hết thời hạn ổn định đơn giá thuê đất 05 năm của Công ty theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

2. Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Cơ khí An Giang (Sở Tài chính An Giang trưởng ban)

Trong quá trình xác định giá trị doanh nghiệp chuyển đổi sang công ty cổ phần, xác định chưa đầy đủ giá trị vốn nhà nước tại Công ty Cơ khí An Giang là giá trị quyền sử dụng đất chuyển nhượng của người bán theo dõi nợ phải trả đã trừ khỏi giá trị tài sản khi xác định giá trị doanh nghiệp, dẫn đến thiếu số tiền nộp ngân sách khi chuyển đổi cổ phần là 500.000.000 đồng.

3. Công tác quản lý thu của cơ quan Thuế

Cục Thuế chưa tích cực đôn đốc việc nộp tiền thuê đất của Công ty nên để xảy ra việc chậm nộp tiền thuê đất năm 2011, 2012 như đã nêu ở trên.

III. TÍNH KINH TẾ, HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ TRONG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT CỦA SAU CỔ PHẦN HÓA

Sau khi thực hiện cổ phần hóa, về cơ bản Công ty sử dụng các khu đất vào mục đích sản xuất kinh doanh như quy định trong các Hợp đồng thuê đất. Tuy nhiên, qua kiểm tra hiện trường nhận thấy Công ty còn cho đơn vị khác sử dụng một phần diện tích khu đất làm mục đích khác (bãi gửi xe, căn tin cà phê); sử dụng đất chưa hiệu quả (khu đất diện tích 3.776 m² từ đầu năm 2018 không sử dụng vào mục đích đóng mới, sửa chữa sà lan).

PHẦN THỨ HAI

Ý KIẾN CỦA TỔ KIỂM TOÁN VỀ CÁC NỘI DUNG ĐỐI CHIẾU

1. Kiến nghị về xử lý tài chính:

Đề nghị Công ty CP Cơ khí An Giang nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 983.727.404đ do: Xác định giá trị tài sản doanh nghiệp khi chuyển đổi cổ phần chưa đầy đủ, đã trừ khỏi giá trị tài sản doanh nghiệp khoản tiền thanh toán cho người bán do chuyển nhượng giá trị quyền sử dụng đất làm thiếu vốn nhà nước tại doanh nghiệp số tiền 500.000.000 đồng và số tiền thu từ hoạt động cho thuê lại tài sản trên đất 483.727.404đ.

2. Kiến nghị chấn chỉnh trong công tác quản lý, sử dụng đất đai:

Đề nghị Công ty sử dụng đất đúng theo quy định trong các hợp đồng thuê đất đảm bảo hiệu quả, tránh lãng phí; có phương án sử dụng khu đất diện tích

3.776 m2 đảm bảo hiệu quả.

3. Xử lý trách nhiệm tập thể, cá nhân liên quan đến các sai phạm phát hiện trong quá trình kiểm toán: Không

4. Ý kiến tư vấn về các giải pháp để hoàn thiện công tác quản lý và sử dụng đất đai: Không có.

5. Đối với các cơ quan quản lý Nhà nước liên quan

5.1. Đối với Cục Thuế tỉnh An Giang

(1). Chấn chỉnh việc không đôn đốc Công ty nộp tiền thuê đất đúng thời hạn quy định;

(2). Khẩn trương phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xác định lại đơn giá thuê đất của Công ty CP Cơ khí An Giang;

5.2. Đối với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang

Khẩn trương phối hợp với Cục Thuế tỉnh xác định lại đơn giá thuê đất của Công ty CP Cơ khí An Giang.

5.3. Đối với Sở Tài chính tỉnh An Giang

Sở Tài chính rút kinh nghiệm đối với việc cử công chức tham gia Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty cơ khí An Giang, xác định không đầy đủ giá trị vốn nhà nước tại doanh nghiệp, dẫn đến số nợ ngân sách sau khi trừ các khoản chi phí thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp không đầy đủ.

Đề nghị Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang, Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh An Giang, Sở Tài chính tỉnh An Giang thực hiện nghiêm túc, kịp thời kiến nghị của Kiểm toán nhà nước và báo cáo kết quả thực hiện về Sở Tài chính tỉnh An Giang để tổng hợp báo cáo Kiểm toán nhà nước khu vực IX địa chỉ: 369 Hùng Vương, Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

PHẦN THỨ BA
Ý KIẾN CỦA CÔNG TY

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....



Biên bản này gồm 10 trang, từ trang 01 đến trang 10 và các Phụ lục kèm theo, được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau: KTNN giữ 02 bản; Công ty giữ 01 bản; Sở Tài nguyên và Môi trường giữ 01 bản, Sở Tài chính giữ 01 bản, Cục Thuế tỉnh An Giang giữ 01 bản./.

ĐẠI DIỆN SỞ TÀI NGUYÊN VÀ
MÔI TRƯỜNG
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Trọng Thành
ĐẠI DIỆN CỤC THUẾ

TỔ TRƯỞNG TỔ KIỂM TOÁN

Lê Mộng Vân
Số hiệu thẻ KTVNN: B 0321

TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TOÁN

Đặng Hồng Quý
Số hiệu thẻ KTVNN: B 0318

ĐẠI DIỆN SỞ TÀI CHÍNH



Nguyễn Liên Vân

ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ
KHÍ AN GIANG
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Văn Thái

**TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT TẠI CÁC DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA
GIAI ĐOẠN 2011-2017 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG THEO MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT**



	Địa điểm đất được giao	Diện tích (m ²)	Thực trạng sử dụng đất trước CPH (m ²)				Mục đích SDD khi CPH theo phương án được phê duyệt (m ²)				Tình hình sử dụng đất sau CPH (m ²)					Hình thức giao đất, số tiền thuế đất, thu sử dụng đất phải nộp (triệu đồng)		
			SXKD	Trụ sở	Cho thuê lại	Thực hiện dự án	SXKD	Trụ sở	Cho thuê lại	Thực hiện dự án	SXKD	Trụ sở	Cho thuê lại	đất trống không sử dụng	Thực hiện dự án	Thuế đất trả tiền hàng năm	Thuế đất trả tiền một lần	Thu sử dụng đất
1	839 Trần Hưng Đạo, tổ 13, K. Bình Thới 1, P. Bình Khánh, TPLX, An Giang	18.577,40	18.577,40				18.577,40								18.577,40			
2	103 Nguyễn Huệ, P. Mỹ Long, TPLX, An Giang	89,80	89,80				89,80								89,80			
3	1785 Trần Hưng Đạo, P. Mỹ Quý, TPLX, An Giang	8.052,20	8.052,20				8.052,20								8.052,20			
4	P. Mỹ Thới, TPLX, An Giang	3.776,60	3.776,60				3.776,60								3.776,60			
5	P. Bình Đức, TPLX, An Giang	- Mua năm 2006: 9.479,1 m ² . - Cuối năm 2017: Nhà nước thu hồi 8.918,2 m ² , còn lại 560,9 m ²																
	Tổng cộng	31.086,90													30.496,00			

Ghi chú: thửa đất ở Phường Bình Đức Công ty nhận chuyển nhượng của người dân

**BẢNG TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ TĂNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG**

Đơn vị tính: Đồng



Đơn vị	Mã số thuế	Tổng số	Các khoản thuế							Phí, lệ phí	Thu khác (Cho thuê lại tài sản gắn liền với đất, xác định thuế vốn nhà nước khi xác định GTDN)	Giảm phải thu NSNN về thuế	Giảm thuế GTGT được khấu trừ	Nộp trả quỹ hoàn thuế GTGT	
			GTGT	TNDN	XNK	TTDB	Nhà, đất (Tiền thuê đất)	TNCN	Tài nguyên						BVMT
1 Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang	1600111049	983.727.404										983.727.404			
Tổng cộng		983.727.404										983.727.404			

**THUYẾT MINH KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN TĂNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2018
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG**

Đơn vị tính: Đồng

STT	NH	Đơn vị	Mã số thuế	Số tiền	Thuyết minh nguyên nhân	Ghi chú
I	Thuế GTGT					
II	Thuế TNDN					
III	Thuế XNK					
IV	Thuế TTĐB					
V	Thuế nhà đất					
VI	Thu khác					
1	Xác định thiếu vốn nhà nước khi xác định GTDN					
		Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang	1600111049	500.000.000	Công ty xác định giá trị tài sản doanh nghiệp khi chuyển đổi cổ phần chưa đầy đủ, đã trừ khỏi giá trị tài sản doanh nghiệp khoản tiền thanh toán cho người bán do chuyển nhượng giá trị quyền sử dụng đất làm thiếu vốn nhà nước tại doanh nghiệp số tiền 500.000.000 đồng.	
2	Tiền thu từ hoạt động cho thuê lại tài sản trên đất					
		Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang	1600111049	483.727.404	Công ty hợp tác kinh doanh với một số tổ chức, cá nhân trên diện tích đất được Nhà nước cho thuê, bán chất việc hợp tác kinh doanh (hợp đồng BCC) này là cho thuê lại tài sản gắn liền với đất, không đúng quy định tại Tắc l 6 Điểm 1.6 Khoản 1 Điều 44 Thông tư số 200/2014/TT-BTC và quy định tại Điều 19 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP.	
Cộng				983.727.404		





CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG

Phụ biểu số 01

BẢNG TỔNG HỢP DOANH THU HỢP TÁC KINH DOANH

Khách hàng	Hợp đồng		Doanh thu 1 tháng	Tổng doanh thu	Tổng doanh thu	Chi phí tiền	Doanh thu
	Số	ngày		từ khi hợp tác có VAT	từ khi hợp tác chưa có VAT	thuế đất *	còn lại
Ngô Hoàng Nhật Khanh (Áo cưới)	291/HĐHT KD	09/10/2017	Từ 01/11/2017 đến 31/01/2018 là 11 trđ/ tháng; từ 01/2/2018 đến 31/12/2019 là 13,5 trđ/ tháng; từ 01/01/2020 đến 31/12/2021 là 16 trđ/ tháng	168.000.000	152.727.273	40.859.000	111.868.273
Công ty CP Thế giới đi		26/09/2016	Chia làm 4 giai đoạn với mức từ 17trđ/ tháng đến 43,18 trđ/ tháng	629.000.000	571.818.182	79.027.200	492.790.982
Tổng cộng				797.000.000	724.545.455	119.886.200	604.659.255

An Giang, ngày 18 tháng 7 năm 2023

BIÊN BẢN

**Kiểm tra, xác minh việc chấp hành pháp luật đất đai
của Công ty cổ phần Cơ khí An Giang**

Thực hiện Thông báo số 130-TB/BCSEĐ ngày 24/5/2023 của Ban cán sự đảng UBND tỉnh về kết quả thanh tra, kiểm tra và đề xuất xử lý 09 dự án vi phạm đất đai.

Căn cứ Công văn số 2406/STNMT-TT ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo lịch làm việc với Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang.

Hôm nay, vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 18 tháng 7 năm 2023 tại Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang. Đoàn kiểm tra của Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành tổ chức kiểm tra, xác minh việc chấp hành pháp luật đất đai của Công ty cổ phần Cơ khí An Giang.

I. Thành phần tham dự gồm có

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Ông Nguyễn Thanh Quang, Thanh tra viên Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Ông Nguyễn Quốc Phong, Thanh tra viên Sở Tài nguyên và Môi trường.

2. Đại diện phòng Tài nguyên và Môi trường TP. Long Xuyên

Ông Huỳnh Khương Hồng Ân, Chuyên viên.

3. Đại diện UBND phường Bình Khánh

Ông Võ Thanh Giang, Công chức địa chính.

4. Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang

- Ông Lê Thanh Vân, Giám đốc - Người đại diện pháp luật của Công ty;
- Bà Phan Thị Ngọc Lan Thanh, Kế toán trưởng;
- Ông Trần Minh Thuận, Trưởng phòng Tổ chức Hành chính.

II. Kết quả kiểm tra

1. Hồ sơ đăng ký kinh doanh, chứng nhận đầu tư và pháp lý có liên quan

Dự án

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số 1600111049, đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 07 tháng 12 năm 2021, do ông Lê Thanh Vân làm Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

2. Hồ sơ giấy tờ về quyền sử dụng đất

Qua kiểm tra hồ sơ tại Công ty và hiện trạng tại vị trí khu đất, Đoàn kiểm tra ghi nhận kết quả như sau:

2.1. Khu đất tọa lạc phường Mỹ Long, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang:



- Hồ sơ pháp lý: Thửa đất số 41, tờ bản đồ số 12, diện tích 89,8 m², được UBND tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: số phát hành CX233474, số vào sổ CT21564, cấp ngày 25/01/2022; Diện tích xây dựng 89,8 m²; Diện tích sàn 186 m². Mục đích sử dụng đất: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Thời hạn sử dụng đất: đến 11/4/2038; nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm theo Quyết định số 678/QĐ-UBND ngày 11/4/2008 của UBND tỉnh An Giang; Hợp đồng thuê đất số 17/HĐ.TĐ ngày 31/5/2013, thời hạn thuê đất là 30 năm kể từ ngày 11/4/2008 đến ngày 11/4/2038.

- Tại thời điểm kiểm toán, Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang có hợp tác kinh doanh với ông Ngô Hoàng Nhật Khánh kinh doanh tiệm cho thuê đồ cưới theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 291/HĐHTKD ngày 09/10/2017, thời hạn hợp đồng từ ngày 12/10/2017 đến ngày 31/12/2021. Theo hợp đồng, Công ty CP Cơ khí An Giang nhận phân chia lợi nhuận từ ngày 01/11/2017; và hợp đồng này đã được thanh lý ngày 31/5/2019 theo Biên bản thanh lý hợp đồng số 47/TL-CK ngày 28/5/2019. Tại thời điểm hợp tác kinh doanh với ông Ngô Hoàng Nhật Khánh thì tài sản trên khu đất này chưa có quyền sở hữu nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất trong giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất, tuy nhiên Công ty được UBND tỉnh An Giang cấp căn nhà số 103 Nguyễn Huệ B, phường Mỹ Long cho Xí nghiệp Cơ khí An Giang (nay là Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang) tại Quyết định số 48/QĐUB ngày 10/02/1993.

2.2. Khu đất tọa lạc phường Bình Khánh TP Long Xuyên, tỉnh An Giang:

- Hồ sơ pháp lý: Thửa đất số 5, tờ bản đồ số 23, diện tích 18577,4 m², được UBND tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: số phát hành AL 704454, số vào sổ: T02276mA, cấp ngày 13/01/2008. Mục đích sử dụng đất: Đất cơ sở, sản xuất kinh doanh; Thời hạn sử dụng đất: đến 01/2031; nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm theo Quyết định số 26/QĐ.UB ngày 05/01/2001 của UBND tỉnh An Giang; Hợp đồng thuê đất số 48/HĐ.TĐ ngày 30/5/2012, thời hạn thuê đất là 30 năm kể từ ngày 05/01/2001 đến ngày 05/01/2031.

- Tại thời điểm kiểm toán, Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang có hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Thế giới di động trên phần đất với kích thước chiều ngang tiếp giáp Đường Trần Hưng Đạo khoảng 21 m và chiều dài khoảng 35 m, diện tích xây dựng khoảng 588 m², để sử dụng kinh doanh hàng điện máy theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty Cổ phần Cơ Khí An Giang và Công ty Cổ phần Thế giới di động ký ngày 26/9/2016, thời hạn hợp đồng từ ngày 17/8/2017 đến ngày 31/8/2023.

Hiện nay, Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang vẫn tiếp tục cho Công ty Cổ phần Thế giới di động thuê 588 m² để làm cửa hàng kinh doanh điện máy theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh đã ký. Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang đã có văn bản số 10/TB-CK ngày 18/01/2023 và văn bản số 62/TB-CK ngày 20/3/2023 gửi Công ty Cổ phần Thế giới di động về việc sẽ chấm dứt hợp đồng vào ngày 31/8/2023.

III. Ý kiến của Công ty CP Cơ Khí An Giang



Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND tỉnh xử lý các vi phạm đã được Kiểm toán nhà nước khu vực IX chỉ ra theo hướng cho Công ty nộp số tiền khắc phục hậu quả từ hoạt động thuê tài sản trên đất không đúng quy định là 483.727.404 đồng.

Biên bản kết thúc lúc 17 giờ 00 phút cùng ngày, được đọc lại cho mọi người tham dự cùng nghe và thống nhất nội dung./.

Công ty CP Cơ Khí An Giang



Lê Thanh Vân

ĐD. Sở Tài nguyên và Môi trường

Nguyễn Quốc Phong





CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG
Địa chỉ: số 839 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1,
phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
Điện thoại: 0296 3 953 938 - 852 969 - 854 161 - 853 051
Website: <https://cokhiangiang.com> * Email: cokhiangiang@agm.vn

An Giang, ngày 10 tháng 5 năm 2024

TỜ TRÌNH

VỀ VIỆC CHI TRẢ THÙ LAO CỦA HĐQT, BKS NĂM 2023 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2024

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
Công ty cổ phần Cơ khí An Giang**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cơ khí An Giang;
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty cổ phần Cơ khí An Giang;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2023 ngày 10/5/2023;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc chi trả thù lao của HĐQT, BKS năm 2023 và kế hoạch năm 2024 như sau:

I/. Báo cáo chi trả thù lao cho HĐQT và BKS năm 2023:

Công ty đã thực hiện chi trả đầy đủ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

II/. Kế hoạch chi trả thù lao cho HĐQT và BKS năm 2024:

Hội đồng quản trị Công ty xin đưa ra mức thù lao của HĐQT và BKS năm 2024 là: 282.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi hai triệu đồng), cụ thể như sau:

1/. Chủ tịch HĐQT	4.000.000 đ/tháng
2/. Thành viên HĐQT	3.000.000 đ/tháng
3/. Người phụ trách quản trị công ty	1.500.000 đ/tháng
4/. Trưởng Ban Kiểm soát	3.000.000 đ/tháng
5/. Thành viên Ban kiểm soát	1.500.000 đ/tháng

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu P.TCHC.



TRẦN QUÂN ANH



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG
Địa chỉ: số 839 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1,
phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
Điện thoại: 0296 3 953 938 - 852 969 - 854 161 - 853 051
Website: <https://cokhiangiang.com> * Email: cokhiangiang@agm.vn

An Giang, ngày 10 tháng 5 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị đánh giá, lựa chọn
Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
Công ty cổ phần Cơ khí An Giang

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020,

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cơ khí An Giang;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Cơ khí An Giang.

Thực hiện quyền hạn và nghĩa vụ được quy định tại Điều lệ và các quy định của pháp luật, Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cơ khí An Giang (CKAG) kính trình Đại hội đồng cổ đông năm 2024 phê duyệt các tiêu thức lựa chọn và danh sách công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của CKAG như sau:

1. Các tiêu thức lựa chọn công ty kiểm toán độc lập

- Là công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2023 và 2024;
- Không xung đột quyền lợi khi kiểm toán báo cáo tài chính cho CKAG;
- Có nhiều kinh nghiệm kiểm toán đối với các công ty đại chúng tại Việt Nam;
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán;
- Đội ngũ kiểm toán có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm kiểm toán trong lĩnh vực kinh doanh của CKAG;
- Đáp ứng được các yêu cầu của CKAG về phạm vi và tiến độ kiểm toán;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với chất lượng kiểm toán và phạm vi kiểm toán.

2. Danh sách các công ty kiểm toán đề xuất lựa chọn

Với các tiêu thức lựa chọn nêu trên, Ban kiểm soát đề xuất 04 (bốn) đơn vị kiểm toán để đưa vào danh sách lựa chọn việc cung cấp dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024, gồm:

- Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam;
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY;
- Công ty TNHH Kiểm toán Quốc Tế-Chi nhánh Sài Gòn.
- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;

3. Ý kiến của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty đánh giá và quyết định lựa chọn một trong số các Công ty Kiểm toán theo đề xuất của Ban kiểm soát nêu tại mục 2 theo các tiêu thức nêu tại mục 1, theo quy định của pháp luật và giao Giám đốc Công ty thương thảo, ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với công ty kiểm toán được lựa chọn để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty cổ phần Cơ khí An Giang.

Trân trọng./.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN



QUÁCH KIM LONG



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG
Địa chỉ: số 839 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1,
phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
Điện thoại: 0296 3 953 938 - 852 969 - 854 161 - 853 051
Website: <https://cokhiangiang.com> * Email: cokhiangiang@agm.vn

Số: 01/NQ.ĐHĐCĐ-CK

An Giang, ngày 10 tháng 5 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật chứng khoán ngày 26/11/2019;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cơ khí An Giang;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty CP Cơ khí An Giang số: 01/BB.ĐHĐCĐ-CK.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023 và kế hoạch năm 2024, với tỷ lệ biểu quyết tán thành 100%.

Điều 2. Thống nhất thông qua Báo cáo hoạt động năm 2023; kế hoạch hoạt động năm 2024 của Ban kiểm soát với tỷ lệ biểu quyết tán thành 100%.

Điều 3. Thống nhất thông qua Tờ trình Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, với tỷ lệ biểu quyết tán thành 100%.

Điều 4. Thống nhất thông qua Tờ trình Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch hoạt động sản xuất năm 2024 như sau:

1. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chính năm 2023:

TT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm 2023		Tỉ lệ (%) so với	
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Cùng kỳ
			1	2	3=2/1	4=2/CK
1	Tổng doanh thu	trđ	199.500	294.341	147,54	152,36
	- Doanh thu hợp nhất	trđ	157.000	228.545	145,57	147,71
	- Doanh thu nội bộ	trđ	25.000	28.177	112,71	190,88
	- D.thu hoạt động tài chính	trđ	17.500	37.619	214,97	158,71
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	trđ	20.350	42.512	208,90	193,62
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	trđ	19.930	41.197	206,71	190,08
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đồng	4.760	9.937	208,76	191,65
5	Phải nộp ngân sách	trđ	6.696	7.402	110,54	174,66
6	Tổng quỹ lương	trđ	22.289	18.530	83,14	101,06
7	Lao động bình quân 1 tháng	Người	221	184	83,26	97,87
8	Tiền lương bình quân 1 tháng	trđ/ng	8,40	8,39	99,88	103,20

2. Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD chủ yếu năm 2024

TT	Diễn giải	ĐVT	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2023	Tỉ lệ (%) KH2024/ TH2023
1	Tổng doanh thu	trđ	222.000	294.341	75,42
	Doanh thu bán hàng & cđv hợp nhất	trđ	176.000	228.545	77,01
	Doanh thu bán hàng nội bộ	trđ	28.000	28.177	99,37
	D.thu hoạt động tài chính	trđ	18.000	37.619	47,85
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	trđ	22.460	42.512	52,83
3	Tổng lợi nhuận sau thuế	trđ	21.700	41.197	52,67
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu 2023	đồng	5.191	9.937	52,23
5	Phải nộp ngân sách	trđ	4.650	7.402	62,82
6	Tổng quỹ lương	trđ	22.220	18.530	119,91
7	Lao động bình quân 1 tháng	người	207	184	112,50
8	Tiền lương bình quân 1 tháng	Trđ/người	8,95	8,39	106,59

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 100%.

Điều 5. Thống nhất thông qua Tờ trình về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2023 và kế hoạch 2024

I. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2023

TT	Chi tiêu	Số tiền (đồng)
1	Vốn điều lệ (VĐL)	32.864.040.000
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2023	41.197.188.413
3	Lợi nhuận chưa phân phối năm trước	36.136.499.446
4	Phân phối lợi nhuận	27.131.317.104
	<i>a. Trích lập quỹ</i>	<i>10.699.297.104</i>
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi (20%)	8.239.437.683
	- Quỹ thưởng Ban điều hành	300.000.000
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi (5%) do công ty hoàn thành vượt mức kế hoạch	2.059.859.421
	- Quỹ thưởng Ban điều hành do công ty hoàn thành vượt mức kế hoạch	100.000.000
	<i>b. Chia cổ tức bằng tiền mặt (50%/VĐL)</i>	<i>16.432.020.000</i>
5	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối (5=2+3-4)	50.202.370.755

II. Thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2023

1. Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2023: 5.000 đồng/cổ phiếu.
2. Hình thức chi trả: Bằng tiền mặt.
3. Tổng số tiền chi trả: 16.432.020.000 đồng.
4. Nguồn chi trả: Từ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán.
5. Tổ chức thực hiện: ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định và chi đạo thực hiện việc chi trả.

III. Phương án xử lý lợi nhuận còn lại chưa phân phối

CKAG đang xây dựng phương án tăng vốn điều lệ theo hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối năm 2023. Dự kiến mức chi trả cổ tức bằng cổ phiếu từ 32.864.040.000 đồng đến 49.296.060.000 đồng, tương đương 100%-150% vốn góp của chủ sở hữu.

HĐQT và Ban Giám đốc sẽ thuê đơn vị tư vấn xây dựng phương án tăng vốn điều lệ theo hình thức phát hành cổ phiếu nêu trên phù hợp với các quy định của pháp luật, đảm bảo đem lại hiệu quả cao nhất cho hoạt động SXKD của Công ty cũng như quyền lợi hợp pháp của cổ đông và trình ĐHĐCĐ thông qua sau khi hoàn thành phương án.

IV. Kế hoạch phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2024 như sau:

- Về kế hoạch chia cổ tức bằng tiền mặt có tỉ lệ là từ 15%/VĐL trở lên (VĐL sau khi điều chỉnh tăng vốn theo phương án xử lý lợi nhuận chưa phân phối năm 2023);
- Về trích lập Quỹ Khen thưởng phúc lợi theo tỉ lệ 20% x Lợi nhuận sau thuế năm 2024;

➤ Về trích lập Quỹ Khen thưởng Ban điều hành 300.000.000 đồng.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 100%

Điều 6. Thống nhất thông qua Quy chế và các Tờ trình sau:

TT	Tờ trình, Quy chế
1	Chương trình <u>Đại hội</u> (đính kèm)
2	Quy chế làm việc và cách thức biểu quyết tại Đại hội (đính kèm)
3	Tờ trình về việc thông qua danh sách Đoàn chủ tọa (đính kèm)
4	Tờ trình về việc thông qua danh sách Ban kiểm phiếu (đính kèm)
5	Tờ trình về việc Công ty phải nộp tiền vào ngân sách Nhà nước liên quan đến việc chấp hành pháp luật đất đai (đính kèm)
6	Tờ trình về việc chi trả thù lao của Hội đồng quản trị & Ban kiểm soát năm 2023 và kế hoạch năm 2024 (đính kèm)
7	Tờ trình về việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị đánh giá, lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 (đính kèm)

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 100%

Điều 7. Điều khoản thi hành

Đại hội thống nhất giao cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội.

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua với tỷ lệ biểu quyết tán thành 100% và có hiệu lực kể từ ngày 10/5/2024.

Nơi nhận:

- Các Cổ đông;
- UBCKNN/Sở GD&ĐT
- HĐQT, BKS, Ban Giám đốc
- Lưu: P.TCHC

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



TRẦN QUÂN ANH



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG

Địa chỉ: số 839 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1,
phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
Điện thoại: 0296 3 953 938 - 852 969 - 854 161 - 853 051
Website: <https://cokhiangiang.com> * Email: cokhiangiang@agm.vn

An Giang, ngày 10 tháng 5 năm 2024

BÁO CÁO KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024 CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 có Hiệu lực thi hành ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cơ khí An Giang;
- Căn cứ quy chế quản trị của Công ty cổ phần Cơ khí An Giang;

Hôm nay, ngày 10 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở chính Công ty - số 839 đường Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, Công ty cổ phần Cơ khí An Giang tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 với tổng số cổ đông được mời tham dự là: **176** cổ đông, tương ứng tổng số cổ phần của cổ đông được mời tham dự là **3.286.404** cổ phần.

Sau khi đã kiểm tra các văn bản và hồ sơ chứng minh tư cách cổ đông của những người đến dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Chúng tôi, xác nhận rằng những người có mặt hôm nay có đủ tư cách tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Cơ khí An Giang.

Tính đến thời điểm 07 giờ 30 phút ngày 10/05/2024:

- Tổng số cổ đông tham dự Đại hội là: **91** cổ đông.
- Tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội là: **2.922.146** cổ phần.
- Tỷ lệ cổ phần của cổ đông tham dự Đại hội trên tổng số cổ phần của cổ đông được mời tham dự đạt: **88,92%**.

Căn cứ vào kết quả trên, so với Điều lệ của công ty, chúng tôi tuyên bố Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Cơ khí An Giang đến thời điểm này có đủ điều kiện tiến hành.

**BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG
TRƯỞNG BAN**



QUÁCH KIM LONG



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG

Địa chỉ: số 839 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1,
phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
Điện thoại: 0296 3 953 938 - 852 969 - 854 161 - 853 051
Website: <https://cokhiangiang.com> * Email: cokhiangiang@agm.vn

An Giang, ngày 10 tháng 5 năm 2024

BIÊN BẢN KẾT QUẢ KIỂM PHIẾU TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Hôm nay, vào lúc 10 giờ 30 phút ngày 10 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở chính Công ty, số 839 đường Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, căn cứ quy định tại Thẻ lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, Ban kiểm phiếu đã tiến hành kiểm tra tính hợp lệ và thống kê kết quả biểu quyết các vấn đề cần lấy ý kiến cổ đông bằng Phiếu biểu quyết, cụ thể như sau:

I. Thành phần Ban kiểm phiếu:

- | | |
|--------------------------|--------------|
| - Ông: Quách Kim Long | - Trưởng ban |
| - Bà: Nguyễn Thanh Vi | - Thành viên |
| - Ông: Nguyễn Thành Nghè | - Thành viên |
| - Ông: Nguyễn Đức Hiền | - Thành viên |
| - Ông: Nguyễn Văn Tính | - Thành viên |

II. Kết quả biểu quyết của các cổ đông:

Kết quả biểu quyết các nội dung lấy ý kiến cổ đông:

1. Chương trình Đại hội

STT	Kết quả biểu quyết	Tán thành	Không tán thành	Không ý kiến
1	Số Thẻ biểu quyết	91		
2	Số lượng CP biểu quyết	2.922.146		
3	Tương ứng % tổng CP tham dự Đại hội	88,92		

2. Quy chế làm việc

STT	Kết quả biểu quyết	Tán thành	Không tán thành	Không ý kiến
1	Số Thẻ biểu quyết	91		
2	Số lượng CP biểu quyết	2.922.146		
3	Tương ứng % tổng CP tham dự Đại hội	88,92		

3. Báo cáo hoạt động của HĐQT

STT	Kết quả biểu quyết	Tán thành	Không tán thành	Không ý kiến
1	Số Thẻ biểu quyết	91		
2	Số lượng CP biểu quyết	2.922.146		
3	Tương ứng % tổng CP tham dự Đại hội	88,92		



4. Báo cáo hoạt động năm 2023; kế hoạch hoạt động năm 2024 của Ban kiểm soát

STT	Kết quả biểu quyết	Tán thành	Không tán thành	Không ý kiến
1	Số Thẻ biểu quyết	91		
2	Số lượng CP biểu quyết	2.922.146		
3	Tương ứng % tổng CP tham dự Đại hội	88,92		

5. Tờ trình về việc thông qua Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

STT	Kết quả biểu quyết	Tán thành	Không tán thành	Không ý kiến
1	Số Thẻ biểu quyết	91		
2	Số lượng CP biểu quyết	2.922.146		
3	Tương ứng % tổng CP tham dự Đại hội	88,92		

6. Tờ trình về việc thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024

STT	Kết quả biểu quyết	Tán thành	Không tán thành	Không ý kiến
1	Số Thẻ biểu quyết	91		
2	Số lượng CP biểu quyết	2.922.146		
3	Tương ứng % tổng CP tham dự Đại hội	88,92		

7. Tờ trình về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2023 và kế hoạch năm 2024

STT	Kết quả biểu quyết	Tán thành	Không tán thành	Không ý kiến
1	Số Thẻ biểu quyết	91		
2	Số lượng CP biểu quyết	2.922.146		
3	Tương ứng % tổng CP tham dự Đại hội	88,92		

8. Tờ trình về việc Công ty phải nộp tiền vào ngân sách Nhà nước liên quan đến việc chấp hành pháp luật đất đai

STT	Kết quả biểu quyết	Tán thành	Không tán thành	Không ý kiến
1	Số Thẻ biểu quyết	91		
2	Số lượng CP biểu quyết	2.922.146		
3	Tương ứng % tổng CP tham dự Đại hội	88,92		

9. Tờ trình về việc chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2023 và kế hoạch năm 2024

STT	Kết quả biểu quyết	Tán thành	Không tán thành	Không ý kiến
1	Số Thẻ biểu quyết	91		
2	Số lượng CP biểu quyết	2.922.146		
3	Tương ứng % tổng CP tham dự Đại hội	88,92		

10. Tờ trình về việc ủy quyền cho HĐQT đánh giá, lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024

STT	Kết quả biểu quyết	Tán thành	Không tán thành	Không ý kiến
1	Số Thẻ biểu quyết	91		
2	Số lượng CP biểu quyết	2.922.146		
3	Tương ứng % tổng CP tham dự Đại hội	88,92		

11. Nghị quyết Đại hội

STT	Kết quả biểu quyết	Tán thành	Không tán thành	Không ý kiến
1	Số Thẻ biểu quyết	91		
2	Số lượng CP biểu quyết	2.922.146		
3	Tương ứng % tổng CP tham dự Đại hội	88,92		

Biên bản này được lập thành 04 bản và có giá trị như nhau và được công bố công khai tại Đại hội.

BAN KIỂM PHIẾU
TRƯỞNG BAN



QUÁCH KIM LONG



Thành viên



Nguyễn Thanh Vi

Thành viên



Nguyễn Thành Nghệ

Thành viên



Nguyễn Đức Hiền

Thành viên



Nguyễn Văn Tinh



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG

Địa chỉ: số 839 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

Điện thoại: 0296 3 953 938 - 852 969 - 854 161 - 853 051

Website: <https://cokhiangiang.com> * Email: cokhiangiang@agm.vn

Số: 01/BB.ĐHĐCĐ-CK

An Giang, ngày 10 tháng 5 năm 2024

BIÊN BẢN ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024 CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG

Thông tin chung về doanh nghiệp:

- Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG.
- Địa chỉ trụ sở chính: số 839, đường Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- Mã số doanh nghiệp: 1600111049 (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần Đăng ký lần đầu ngày 07/12/2007, Đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 07/12/2021).

Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ):

- Thời gian: Từ 07 giờ ngày 10 tháng 5 năm 2024.
- Địa điểm: Hội trường Công ty cổ phần Cơ khí An Giang (CT CP CK AG), địa chỉ: số 839, đường Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Thành phần tham dự:

- Hội đồng quản trị (HĐQT).
- Ban Giám đốc (BGĐ).
- Ban Kiểm soát (BKS).
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông CT CP CK AG.
- Đại biểu khách mời tham dự Đại hội.

Điều kiện tiến hành Đại hội:

Ông Quách Kim Long, Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 CT CP CK AG, tại thời điểm khai mạc (07^h30') với cơ cấu cổ đông như sau:

- Tổng số cổ đông và đại diện ủy quyền được mời tham dự Đại hội: 176 cổ đông, sở hữu 3.286.404 cổ phần, chiếm 100% trên tổng số cổ đông và cổ phần của Công ty.
- Tổng số cổ đông và đại diện ủy quyền tham dự Đại hội: 91 cổ đông, sở hữu: 2.922.146 cổ phần, chiếm tỷ lệ 88.92% trên tổng số cổ phần của Công ty.

Căn cứ vào kết quả trên, Ban kiểm tra tư cách cổ đông tuyên bố ĐHCĐ thường niên năm 2024 CT CP CK AG đủ điều kiện tiến hành.

Nội dung Đại hội:

1. Danh sách Đoàn Chủ tọa, Ban kiểm phiếu và Ban Thư ký Đại hội:

Ông Trần Minh Thuận, đọc thông qua:

1.1. Tờ trình thông qua danh sách Đoàn Chủ tọa:

- Ông Trần Quân Anh , Chủ tịch HĐQT - Chủ tọa.
- Ông Đồng Trọng Nghĩa , Thành viên HĐQT - Thành viên.
- Ông Lê Thanh Vân , Thành viên HĐQT - Thành viên.
- Ông Trần Văn Thái , Thành viên HĐQT - Thành viên.
- Ông Huỳnh Văn An , Thành viên HĐQT - Thành viên.

Đại hội đã biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết tại Đại hội với tỷ lệ biểu quyết tán thành 100%.

1.2. Tờ trình thông qua danh sách Ban kiểm phiếu:

Đại hội đã biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết tại Đại hội với tỷ lệ biểu quyết tán thành 100%

1.3. Giới thiệu danh sách Ban Thư ký Đại hội:

- Ông Bùi Thế Hiển, TP. KD&TT - Trưởng ban.
- Ông Phạm Thành Bờ, Quản đốc Xưởng 1 - Thành viên.

2. Chương trình Đại hội, Quy chế làm việc và cách thức biểu quyết tại Đại hội:

Ông Lê Thanh Vân, đọc thông qua:

- Chương trình Đại hội.

Đại hội đã biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết tại Đại hội, tỷ lệ biểu quyết tán thành 100%.

- Quy chế làm việc và cách thức biểu quyết tại Đại hội.

Đại hội đã biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết tại Đại hội, tỷ lệ biểu quyết tán thành 100%.

3. Báo cáo hoạt động của HĐQT:

Ông Trần Quân Anh, đọc thông qua báo cáo hoạt động của HĐQT.

4. Báo cáo hoạt động năm 2023; kế hoạch hoạt động năm 2024 của Ban kiểm soát:

Ông Quách Kim Long, đọc thông qua Báo cáo hoạt động năm 2023; kế hoạch hoạt động năm 2024 của Ban kiểm soát.

5. Thông qua các tờ trình:

Ông Đồng Trọng Nghĩa, đọc thông qua:

- Tờ trình về việc thông qua Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

Ông Lê Thanh Vân, đọc thông qua:

- Tờ trình về việc thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024.

- Tờ trình về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2023 và kế hoạch năm 2024.

Ông Huỳnh Văn An, đọc thông qua:

- Tờ trình về việc Công ty phải nộp tiền vào ngân sách Nhà nước liên quan đến việc chấp hành pháp luật đất đai

- Tờ trình về việc chi trả thù lao của HĐQT, BKS năm 2023 và kế hoạch năm 2024.

- Tờ trình về việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị đánh giá, lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024.

6. Thảo luận tại Đại hội:

Các ý kiến đóng góp của cổ đông như sau; (cổ đông Nguyễn Tấn Danh, Nguyễn Thanh Hùng và Trần Văn Chính)

1. Năm 2023 công ty đã thực hiện đạt vượt mức kế hoạch và chi cổ tức 50% là điều đáng mừng và kỳ vọng năm 2024 sẽ tiếp tục phát triển.
2. Đối với các số liệu báo cáo đầy đủ rõ ràng cổ đông tin tưởng vào kết quả.
3. Có dự phòng phí hợp lý để đầu tư phát triển cho các năm tiếp theo.
4. Báo cáo của ban kiểm soát rất đầy đủ - xem xét thực hiện các kiến nghị của ban kiểm soát.
5. Công ty cần lưu ý vòng đời của các sản phẩm.
6. Việc nộp tiền theo quy định vào ngân sách nhà nước là phù hợp.
7. Thống nhất phương án tăng vốn bằng phát hành cổ phiếu.
8. Cần chú ý khi thực hiện các hợp đồng về lĩnh vực nông nghiệp.
9. Cần nghiên cứu, quan tâm các sản phẩm phụ trợ.
10. Lưu ý quan tâm đến dòng tiền, tài chính, công nợ.

Ông Trần Quân Anh - Chủ tịch HĐQT Công ty trả lời:

1. Chân thành cảm ơn các ý kiến đóng góp của cổ đông;
2. Đối với tài chính và công nợ có cải thiện.

3. Đối với 2 công ty con hàng quý sẽ có báo cáo tình hình hoạt động và giám sát. Tìm hiểu nguyên nhân và biện pháp cải thiện tình hình.

7. Biểu quyết các vấn đề biểu quyết tại Đại hội:

Ông Lê Thanh Vân, tiến hành thực hiện biểu quyết các vấn đề biểu quyết tại Đại hội.

Đại hội đã biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết tại Đại hội với kết quả tán thành đối với các nội dung biểu quyết như sau:

TT	Nội dung đã được thông qua	Tỷ lệ tán thành
1	Báo cáo hoạt động của HĐQT	100%
2	Báo cáo hoạt động năm 2023; kế hoạch hoạt động năm 2024 của Ban kiểm soát	100%
3	Tờ trình về việc thông qua Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023	100%
4	Tờ trình về việc thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024.	100%
5	Tờ trình về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2023 và kế hoạch năm 2024	100%
6	Tờ trình về việc Công ty phải nộp tiền vào ngân sách Nhà nước liên quan đến việc chấp hành pháp luật đất đai (đính kèm)	100%
7	Tờ trình về việc chi trả thù lao của Hội đồng quản trị & Ban kiểm soát năm 2023 và kế hoạch năm 2024 (đính kèm)	100%
8	Tờ trình về việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị đánh giá, lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 (đính kèm)	100%

8. Thông qua Nghị quyết Đại hội:

Ông Lê Thanh Vân, đọc thông qua toàn văn Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 CT CP CK AG.

Đại hội đã biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết tại Đại hội, tỷ lệ biểu quyết tán thành 100%.

9. Thông qua Biên bản Đại hội:

Ông Bùi Thế Hiền, đọc thông qua toàn văn Biên bản ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 CT CP CK AG.

ĐHĐCĐ CT CP CK AG nhất trí thông qua Biên bản Đại hội với tỷ lệ biểu quyết tán thành 100% bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết.

Biên bản gồm 5 (năm) trang, được lập thành 3 (ba) bản, lưu hồ sơ văn kiện ĐHĐCĐ CTCP CKAG 1 (một) bản, lưu văn thư 1 (một) bản, lưu Ban Thư ký Đại hội 1 (một) bản.

Biên bản và Nghị quyết của Đại hội sẽ được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin, trong đó có đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần Cơ khí An Giang (Website: <https://cokhiangiang.com>) để thông báo đến toàn thể cổ đông.

Đại hội kết thúc vào lúc 10 giờ 30 phút cùng ngày./.

**TM. BAN THƯ KÝ
TRƯỞNG BAN**



BÙI THẾ HIỀN

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA - CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



TRẦN QUÂN ANH



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG
Địa chỉ: số 839 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1,
phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
Điện thoại: 0296 3 953 938 - 852 969 - 854 161 - 853 051
Website: <https://cokhiangiang.com> * Email: cokhiangiang@agm.vn

Số: 01/NQ.ĐHĐCĐ-CK

An Giang, ngày 10 tháng 5 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật chứng khoán ngày 26/11/2019;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cơ khí An Giang;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty CP Cơ khí An Giang số: 01/BB.ĐHĐCĐ-CK.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023 và kế hoạch năm 2024, với tỷ lệ biểu quyết tán thành 100%.

Điều 2. Thống nhất thông qua Báo cáo hoạt động năm 2023; kế hoạch hoạt động năm 2024 của Ban kiểm soát với tỷ lệ biểu quyết tán thành 100%.

Điều 3. Thống nhất thông qua Tờ trình Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, với tỷ lệ biểu quyết tán thành 100%.

Điều 4. Thống nhất thông qua Tờ trình Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch hoạt động sản xuất năm 2024 như sau:

1. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chính năm 2023:

TT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm 2023		Tỉ lệ (%) so với	
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Cùng kỳ
			1	2	3=2/1	4=2/CK
1	Tổng doanh thu	trđ	199.500	294.341	147,54	152,36
	- Doanh thu hợp nhất	trđ	157.000	228.545	145,57	147,71
	- Doanh thu nội bộ	trđ	25.000	28.177	112,71	190,88
	- D.thu hoạt động tài chính	trđ	17.500	37.619	214,97	158,71
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	trđ	20.350	42.512	208,90	193,62
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	trđ	19.930	41.197	206,71	190,08
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đồng	4.760	9.937	208,76	191,65
5	Phải nộp ngân sách	trđ	6.696	7.402	110,54	174,66
6	Tổng quỹ lương	trđ	22.289	18.530	83,14	101,06
7	Lao động bình quân 1 tháng	Người	221	184	83,26	97,87
8	Tiền lương bình quân 1 tháng	trđ/ng	8,40	8,39	99,88	103,20

2. Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD chủ yếu năm 2024

TT	Diễn giải	ĐVT	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2023	Tỉ lệ (%) KH2024/TH2023
1	Tổng doanh thu	trđ	222.000	294.341	75,42
	Doanh thu bán hàng & ccdv hợp nhất	trđ	176.000	228.545	77,01
	Doanh thu bán hàng nội bộ	trđ	28.000	28.177	99,37
	D.thu hoạt động tài chính	trđ	18.000	37.619	47,85
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	trđ	22.460	42.512	52,83
3	Tổng lợi nhuận sau thuế	trđ	21.700	41.197	52,67
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu 2023	đồng	5.191	9.937	52,23
5	Phải nộp ngân sách	trđ	4.650	7.402	62,82
6	Tổng quỹ lương	trđ	22.220	18.530	119,91
7	Lao động bình quân 1 tháng	người	207	184	112,50
8	Tiền lương bình quân 1 tháng	Trđ/người	8,95	8,39	106,59

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 100%.

Điều 5. Thống nhất thông qua Tờ trình về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2023 và kế hoạch 2024

I. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2023

TT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1	Vốn điều lệ (VĐL)	32.864.040.000
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2023	41.197.188.413
3	Lợi nhuận chưa phân phối năm trước	36.136.499.446
4	Phân phối lợi nhuận	27.131.317.104
	<i>a. Trích lập quỹ</i>	<i>10.699.297.104</i>
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi (20%)	8.239.437.683
	- Quỹ thưởng Ban điều hành	300.000.000
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi (5%) do công ty hoàn thành vượt mức kế hoạch	2.059.859.421
	- Quỹ thưởng Ban điều hành do công ty hoàn thành vượt mức kế hoạch	100.000.000
	<i>b. Chia cổ tức bằng tiền mặt (50%/VĐL)</i>	<i>16.432.020.000</i>
5	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối (5=2+3-4)	50.202.370.755

II. Thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2023

1. Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2023: 5.000 đồng/cổ phiếu.
2. Hình thức chi trả: Bằng tiền mặt.
3. Tổng số tiền chi trả: 16.432.020.000 đồng.
4. Nguồn chi trả: Từ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán.
5. Tổ chức thực hiện: ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định và chi đạo thực hiện việc chi trả.

III. Phương án xử lý lợi nhuận còn lại chưa phân phối

CKAG đang xây dựng phương án tăng vốn điều lệ theo hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối năm 2023. Dự kiến mức chi trả cổ tức bằng cổ phiếu từ 32.864.040.000 đồng đến 49.296.060.000 đồng, tương đương 100%-150% vốn góp của chủ sở hữu.

HDQT và Ban Giám đốc sẽ thuê đơn vị tư vấn xây dựng phương án tăng vốn điều lệ theo hình thức phát hành cổ phiếu nêu trên phù hợp với các quy định của pháp luật, đảm bảo đem lại hiệu quả cao nhất cho hoạt động SXKD của Công ty cũng như quyền lợi hợp pháp của cổ đông và trình ĐHĐCĐ thông qua sau khi hoàn thành phương án.

IV. Kế hoạch phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2024 như sau:

- Về kế hoạch chia cổ tức bằng tiền mặt có tỉ lệ là từ 15%/VĐL trở lên (VĐL sau khi điều chỉnh tăng vốn theo phương án xử lý lợi nhuận chưa phân phối năm 2023);
- Về trích lập Quỹ Khen thưởng phúc lợi theo tỉ lệ 20% x Lợi nhuận sau thuế năm 2024;

➤ Về trích lập Quỹ Khen thưởng Ban điều hành 300.000.000 đồng.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 100%

Điều 6. Thống nhất thông qua Quy chế và các Tờ trình sau:

TT	Tờ trình, Quy chế
1	Chương trình <u>Đại hội</u> (đính kèm)
2	Quy chế làm việc và cách thức biểu quyết tại Đại hội (đính kèm)
3	Tờ trình về việc thông qua danh sách Đoàn chủ tọa (đính kèm)
4	Tờ trình về việc thông qua danh sách Ban kiểm phiếu (đính kèm)
5	Tờ trình về việc Công ty phải nộp tiền vào ngân sách Nhà nước liên quan đến việc chấp hành pháp luật đất đai (đính kèm)
6	Tờ trình về việc chi trả thù lao của Hội đồng quản trị & Ban kiểm soát năm 2023 và kế hoạch năm 2024 (đính kèm)
7	Tờ trình về việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị đánh giá, lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 (đính kèm)

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 100%

Điều 7. Điều khoản thi hành

Đại hội thống nhất giao cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội.

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua với tỷ lệ biểu quyết tán thành 100% và có hiệu lực kể từ ngày 10/5/2024.

Nơi nhận:

- Các Cổ đông;
- UBCKNN/Sở GDCK
- HĐQT, BKS, Ban Giám đốc
- Lưu: P.TCHC

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



TRẦN QUÂN ANH